

Văn hữu

21

Truyện dài truyện ngắn năm 1962 — **TIỂU DÂN** ▲ Nhìn lại một năm thi ca —
KIM TUẤN ▲ Hội họa trong một năm qua — **THÁI TUẤN** ▲ Ngành điện ảnh
Việt Nam năm 1962 — **SĨ TRUNG** ▲ Câu chuyện nhiếp ảnh năm Nhâm Dần
— **TRẦN CAO LĨNH** ▲ Lược sử giải thưởng văn chương toàn quốc —
HÀN PHONG ▲ Cải thiện và chấn hưng giải thưởng văn chương —
DUY ANH ▲ Điềm qua kết quả các giải thưởng — **NGỌC ANH** ▲ Các bài
diễn văn quan trọng ▲ Chuyện dưới vườn — **NHẬT TIẾN** ▲ Bâng hũ —
HOÀNG BẢO VIỆT ▲ Ý thức về nốt nhạc — **DOÃN QUỐC SỸ** ▲ Buổi sáng tỉnh
đậy — **MAI TRUNG TĨNH** ▲ Đông sương ký — **LINH BẢO** ▲ Người gái thiên nhiên
— **ĐÌNH HÙNG** ▲ Lối đọc chữ Hán — **LÊ NGỌC TRỤ** ▲ Một ngày — **VƯƠNG
ĐỨC LỆ** ▲ Tò ơng — **ANH TUYẾN** ▲ Xác không chôn — **BÌNH NGUYỄN LỘC**

VĂN HỮU

DO VĂN HÓA VỤ ÁN HÀNH

Tòa soạn và trị sự : 15, đại lộ Lê Lợi – Saigon

Điện Thoại : 25.902

Chủ nhiệm kiêm Chủ bút : **NGUYỄN DUY MIỄN**

Thư ký Tòa soạn : **SĨ TRUNG**

Với sự cộng tác của các Bạn

PHẦN ĐẶC BIỆT (Tổng kết tình hình văn nghệ trong năm)

TIỂU DÂN

KIM TUẤN

SĨ TRUNG

TRẦN CAO LĨNH

THÁI TUẤN

HÀN PHONG

DUY ANH

NGỌC ANH

PHẦN THỨ HAI (Sáng tác phẩm của các văn thi sĩ trúng Giải
Thưởng Văn Chương Toàn Quốc 60-61)

LÊ NGỌC TRỤ

NHẬT TIẾN

ĐÌNH HÙNG

LINH BẢO

VƯƠNG ĐỨC LỆ

DOÃN QUỐC SỸ

MAI TRUNG TÍNH

ANH TUYẾN

HOÀNG BẢO VIỆT

BÌNH NGUYỄN LỘC

KIM TUẤN

PHẦN THỨ BA (Tín tức tài liệu)

**HÀM ANH — TRẦN VIỆT
THANH...**

**PHẦN KỸ THUẬT ÁN LOÁT
QUỐC GIA ÁN QUẢN**

Bài vở thư từ gửi về cho:

Tiền bạc và ngân phiếu gửi cho:

SĨ TRUNG

NGUYỄN CỬU VỊNH

<https://tieulun.hopto.org>

MỤC LỤC

— Vào đề

VĂN HỮU

trang 3

PHẦN THỨ NHẤT (Đặc biệt về tình hình văn nghệ năm Nhâm Dần)

— Truyện dài truyện ngắn năm 1962	TIÊU DÂN	7
— Nhìn lại một năm thi ca	KIM TUẤN	33
— Ngành điện ảnh năm 1962	SĨ TRUNG	41
— Hội họa trong một năm qua	THÁI TUẤN	56
— Câu chuyện nhiếp ảnh năm Nhâm Dần	TRẦN CAO LĨNH	64
— Lược sử giải thưởng văn chương toàn quốc	HÀN PHONG	76
— Diễn văn của Ông Bộ Trưởng Đặc Nhiệm Văn Hóa Xã Hội	TRƯƠNG CÔNG CỪU	82
— Diễn văn của đại diện các văn thi sĩ trúng giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc 1960-1961	LÊ NGỌC TRỤ	87
— Kết quả các giải thưởng văn chương	NGỌC ANH	92
— Dự án chấn hưng giải thưởng văn chương	DUY ANH	97

PHẦN THỨ HAI (Sáng tác văn nghệ)

— Lối đọc chữ Hán	LÊ NGỌC TRỤ	103
— Người gái thiên nhiên	ĐINH HÙNG	120
— Chuyện dưới vườn	NHẬT TIẾN	122
— Bằng hữu	HOÀNG BẢO VIỆT	129
— Ý thức về nốt nhạc	DOÃN QUỐC SỸ	132
— Một ngày	VƯƠNG ĐỨC LỆ	136
— Đông Sơn Ký	Cô LINH BẢO	140
— Buổi sáng tỉnh dậy	MAI TRUNG TỈNH	148
— Tò Ong	ANH TUYẾN	150
— Xác không chôn	BÌNH NGUYỄN LỘC	152
— Ấp Mới chiều trăng	KIM TUẤN	166

PHẦN THỨ BA (Tin tức và tài liệu)

— Gió đông... Gió tây...	HÀM ANH	169
— Ảnh hưởng của tâm vóc đối với đời sống cơ thể của loài chim	TRẦN VIỆT THANH	186
— Hộp thư tòa soạn	VĂN HỮU	191
— Giới thiệu sách mới		192

Vào đề...

Trong năm Nhâm Dần vừa qua, sách vở, báo chí ở Việt-Nam Cộng-Hòa phát triển mạnh hơn bao giờ hết. Dù chưa theo kịp tỷ lệ sản xuất văn nghệ phẩm của các quốc gia tân tiến, vì hoàn cảnh đặc biệt của nước Việt-Nam trong đó toàn dân còn phải chiến đấu cam go với nhiều thứ giặc, nhưng so với năm cũ, tình hình văn nghệ trong năm qua đã tiến một bước khá dài ở phần phẩm cũng như ở chất lượng.

Con số tác phẩm tiểu thuyết, thi ca tăng gia, tình hình các bộ môn khác như điện ảnh, hội họa, nhiếp ảnh, sân khấu... đều tỏ ra trên đà đi lên với nhiều triển vọng. Trong khi đó,

phong trào khuyến khích văn nghệ bằng các giải thưởng lớn lao cũng được các giới Quân Dân Chính xúc tiến rất mạnh. Hiện tượng sáng đẹp này khiến mọi người có quyền tin tưởng, lạc quan trước tiền đồ văn nghệ dân tộc.

Để chứng minh cho hiện tượng đó, chúng tôi ấn hành số Văn Hữu đặc biệt này với phần tổng kết tình hình văn nghệ trong năm qua. Cạnh phần tổng kết đó, V. H. còn giới thiệu các văn thi sĩ đã đoạt giải văn chương toàn quốc năm 1960-1961 và những tác phẩm họ mới viết cho V. H.

Trong phạm vi hạn chế của một số báo, chúng tôi biết không thể thỏa mãn hết cả nhu cầu của một cuộc tổng kết tình hình văn nghệ trong một năm, nhưng với thiện chí phục vụ, chúng tôi hy vọng bạn đọc sẽ cảm thông chúng tôi và nắm vững được một phần nào sự tiến triển của nền văn nghệ tự do dưới chế độ Cộng Hòa Nhân Vị qua Văn Hữu số 21 này.

VĂN - HỮU

PHẦN THỨ NHẤT

Phần thứ nhất (đặc biệt về tổng kết tình hình văn nghệ trong năm của Văn Hữu số 21 này hoàn thành với sự cộng tác biên khảo của các bạn: Tiểu Dân — Kim Tuấn — Sĩ Trung — Trần Cao Linh — Thái Tuấn — Hàn Phong — Duy Anh — Ngọc Anh...

TIỂU DÂN

Truyện dài, truyện ngắn năm 1962

TIẾNG súng hằng đêm vọng lại từ các chiến trường gần gũi xóa tan những giấc mơ mòng. Mỗi ngày từng đoàn chiến xa chuyển bánh giữa bụi mờ cắt đứt những câu chuyện tâm tình nhỏ to trong quán lẻ ở đầu thôn, cuối xóm. Và máy bay vùn vũ rạch nát khuôn mặt không trung. Và giữa điệu hát du dương, thánh giác luôn luôn đợi chờ những bản nhạc hùng trời dậy, y như là một thưởng thức đã thành nề nếp.

Cuộc sống từ mấy năm nay đã không còn nguyên dáng điệu hững hờ như cũ. Chiến trường, và máu, và xương, đã đem thay đổi lại cho cuộc đời và cho mỗi người.

Giữa những sinh hoạt muôn hình, nghìn vẻ của một cuộc đời to rộng không ngừng diễn biến, sách vở phô bày biết bao khuôn mặt tinh thần. Lật những tờ bìa sáng đẹp hay sặc sỡ, chúng ta đi vào bên trong thế giới của chữ, của lời, thử mong một cuộc đời tìm gặp: gặp lại ta và gặp lại người, trong những khát vọng, băn khoăn giữa những cảnh đời phiền tạp.

Chắc rằng chỉ có tiểu thuyết mới đủ khả năng trả lời các ước mong kia, đưa ta vào những tao phùng, kỳ ngộ.

DẦU năm 1962, Nhật Tiến là Người kéo màn hé mở cho chúng ta nhìn lên « sân khấu tiểu thuyết ».

Con đường sân khấu tuy hẹp mà dài trong sự quanh co với những cảnh sắc đổi thay đa dạng. Thời gian trình diễn chỉ ngắn ngủi có một năm nhưng bao nhiêu là lớp màn kịch biến.

Người nhìn lại đề kê ra chợt thấy mình là một khán giả ngỡ ngàng, nên sự phác họa bằng lời một tình hình sáng tác không tránh được nổi xô bồ, gán ép và thiếu sót.

Màn đã kéo lên. Người ta thấy nhà văn có ngòi bút tài hoa, sâu sắc Võ Phiến trân trọng *Giã Từ* dĩ vãng với chút gì « thương hại nhẹ nhàng ». Nhưng rồi ông lại *Thương hoài ngàn năm* qua những *Thư nhà* sâu đậm ân tình nhân thế.

Giữa những *Buổi chiều lá rụng*, Ngọc Linh đi tìm *Nước mắt người đàn bà* qua những *Ngã rẽ tâm tình* đông đảo lớp người ái mộ.

Hương rừng Cà Mau thoang thoảng hương một văn tài độc đáo của xứ phù sa : Sơn Nam.

Trong khi ấy con *Nhện* của nhà văn đã có một chỗ ngồi trên văn đàn. Bình Nguyên Lộc, đang bận khoản không biết chờ *mối ai* trong đại chúng.

Trên *Những viên sỏi* âm thầm, Tạ Ty dắt người đi tìm lại *Ngây vui* của Đặng Trần Huân, đề cùng Minh Đức nhớ một *Thuở ban đầu* mờ nhạt trong tâm tưởng xa vời.

Giữa cảnh đói no chênh lệch, Lan Giao nghe rên rỉ sự nghèo trong *Gió Thu* buồn và Thanh Thương Hoàng vội vàng *Nỗi lửa* để tìm hơi ấm mong manh.

Dĩ vãng còn đây, còn dày vò hay an ủi, vòng tay mở rộng : một bàn tay chào vẫy mời người nương tựa, một bàn tay chà xát vào những vết thương. Người ta nghe văng vẳng tiếng thoi đưa của nhà văn hữu tài Đỗ Thúc Vịnh dệt *Mùa áo ảnh*. Người ta còn lắng hồn đón nhận

những lời đồn hậu đầy xúc cảm chân thành của Đoàn Quốc Sĩ, một văn tài đã được đời xác nhận, kể chuyện *Ba sinh hương lửa* ngày nào.

Nhưng ngoài kia *Ngôi sao thành phố* đã rơi xuống mái nhà Thiết Tố. Có *Chị em Hải* của nhà văn nhiều triển vọng Nguyễn Đình Toàn nhún nhảy đi về với những bước chân còn vương đầy cát bụi si mê.

Cuộc đời trở lại với những sinh hoạt xô bồ trong đó vắng đưa một tiếng lạ, của Nhuệ Hồng, kể *Truyện Tòa án*. Nhưng kìa, Nhật Tiến đã dắt *Mây hoàng hôn* về, che u ám một chân trời. Và bóng tối bắt đầu phủ xuống. *Khi người chết có mặt* trong sinh hoạt; ta tưởng như nghe Ngu-ĩ bảo rằng đêm đã về rồi.

Từ đêm trở lại ngày và trở lại đêm... Tìm tình hình tiểu thuyết một năm rồi ta đã bị dẫn dắt qua nhiều chặng đường, và màn, lớp biến đổi của một sân khấu nặng nề nhiều nổi băng khuâng, cũng như ước vọng.

Sau *Thềm hoang*, có người đã nghĩ rằng Nhật Tiến sẽ dừng chân đôi phút nghe, nhìn, lắng hồn tiếp đón nơi đám người Xóm Cỏ những âm thanh, tiết điệu của sự sống đang tiếp tục. Những gì có thật nằm ở bề sâu cuộc đời và con người, giải thích giùm tác giả niềm tin yêu ở cuối truyện, khi trận mưa to đã rửa sạch những thềm hoang và bác Tồn mù vẫn cười với bóng đêm và hát vu vơ, nhiều cam chịu hơn tin tưởng.

Người ta cảm mến Nhật Tiến, hy vọng nhiều nơi nhà văn trẻ tuổi này, nên mong mỗi thấy ông càng sâu, càng gần sự thật, để tiến xa vậy.

Nhưng *Người kéo màn*, tiểu thuyết kịch, tác phẩm thứ tư của ông, xuất bản năm nay, không trả lời được kỳ vọng ấy. Điều đáng khen chỉ là thiện ý của ông: phát giác sự thật đen tối sau hậu trường, trong một đêm kịch; những ai trong cuộc tất phải giật mình, xã hội kịch nghệ thấy thêm trách nhiệm, chưa nói rằng sự suy luận của người đọc có thể mở rộng

tầm, bao quát những người, những ngành sinh hoạt khác có vấn đề tương tự.

Hoài bão của nhà văn lớn đẹp, nhưng cái vốn thực tại của ông lại quá nghèo nàn. Từ một ông lão kéo màn, đến tác giả vở kịch không được vào công chính hí viện đêm trình diễn vở kịch của ông ta, vì không ai biết ông, đến nhà mạnh thường quân bỏ tiền dựng kịch cứ lo tán tỉnh một nữ diễn viên ở hậu trường, đến những câu chuyện về quan niệm sáng tác, phục vụ kịch nghệ trong đêm ấy, bấy nhiêu điều cho thấy một sự thật: nhà văn không có một sự hiểu biết rõ ràng về sinh hoạt xã hội kịch nghệ, về lẽ lối tổ chức một đêm kịch tại hí viện, về vị trí tâm lý của những người có liên quan đến việc trình diễn vở kịch.

Nhật Tiến đã rút ra quá sớm những gạch, ngói đang được nấu nung trong lò kinh nghiệm thực tại để xây cất một ngôi nhà mới vội vàng. Thời gian kéo màn lên và buông màn vãn bát — giữa sự lặng im của khán giả —

đã đủ để thử thách sức chịu đựng của những gạch, ngói non ngày non tháng ấy.

Nếu qua *Người kéo màn* người đọc thấy nơi Nhật Tiến sự vội vàng thì ngược lại ở *Mây hoàng hôn* có cả một sự chậm trễ.

Mây hoàng hôn là một trong những tác phẩm đầu tay của ông. Lý ưng nó phải được ra mắt người đọc trước *Những vì sao lạc* và *Thềm hoang*. Tuy nhiên sự quan trọng có lẽ không phải ở thứ tự xuất bản trước, sau, mà ở ý tình của nhà văn trong sự cho ra chậm trễ này. Chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này ở phần nhận xét tổng quát.

Về *Mây hoàng hôn*, có nhà phê bình đã bảo rằng nó « giúp cho sự tìm hiểu những tác phẩm sau này của tác giả », nó xác nhận sự tiến bộ của Nhật Tiến.

Chúng tôi nghĩ lời phê bình ấy xác đáng, nếu nhà văn đầy triển vọng ấy giăng *Mây hoàng hôn* ở một góc trời khiêm tốn, khiến cho người ta vẫn nhớ ánh nắng rực rỡ trên *Thềm hoang*.

Chị em Hải của Nguyễn Đình Toàn đã gây được sự chú ý trong năm 1962.

Tác phẩm đầu tay của nhà văn trẻ tuổi ấy đã đem lại ngay cho ông cảm tình của một số độc giả trong lớp trẻ sớm tìm thấy ở chung quanh và ở chính mình ít nhiều ần ỉu, chán chường.

Ngòi bút linh hoạt của ông trình bày trạng huống « tự giải nhiệm tinh thần » (1) của một lớp người trẻ tuổi, có học, không biết sống để làm gì và sống như thế nào cho phải.

Người ta mẫn phục ông Nguyễn Đình Toàn đã can đảm đưa ra một sự thật phũ phàng, thẳng thắn nói lên một số cảm nghĩ đen tối. Nếu Chị em Hải chưa có được mức độ hiệu lực kích động lương tri và ý thức trách nhiệm của xã hội thì ít ra tác phẩm cũng làm cho ta thấy tuổi trẻ có vấn đề.

Tuy nhiên, trong một chừng mực nào, Chị em Hải

cũng cho ta thấy một chỗ yếu của Nguyễn Đình Toàn : ông đã dễ dãi với mình trong khi tiếp nhận sự thật khách quan.

Hầu hết nhân vật trong truyện đều là những kẻ bị thua, đều có đáng điệu và tâm trạng chán chường. Sự thật có đen tối một màu như vậy không ?

Chúng tôi có cảm tưởng rằng nhà văn đã lên đường tìm nhân vật với một hành lý nặng nề : khá nhiều day dứt trong lòng và một số định kiến trong óc não. Trừ phi có một thế giới riêng biệt cho những kẻ chán chường, với tấm bảng « Cấm vào » ngăn cách những người không đồng điệu, người ta tưởng không thể giải thích không khí u ám « một chiều » trong tác phẩm bằng cách nào khác, ngoài sự việc tác giả đã làm một sự chọn lựa độc đoán, đã thu nhặt để dựng lên từng mảnh sự thật nào thích nghi với ý hướng nội tâm của mình.

Có thể nói rằng những « nạn nhân » trong truyện đã mang dấu vết chán chường

(1) *Tạm dịch Démission intellectuelle.*

ngay trong thời kỳ thai nghén tác phẩm và nạn nhân đáng thương hơn hết chính là cuộc đời đã bị tước bỏ khá nhiều tính chất phiền tạp và hình thức đa dạng.

Nhược điểm ấy không có gì lạ nơi một văn tài trẻ. Người ta không vì thế mà bớt cảm mến Nguyễn Đình Toàn và bớt tin ở triển vọng của ông.

Miễn là động lực tinh thần thúc đẩy ông xây dựng *Chị em Hải* phát xuất từ một hoài bão cao đẹp, tích cực, chớ không phải bắt nguồn từ một nhu cầu giải ức đơn thuần mà ý nghĩa chỉ là cất lên một lời nguyên rủa cho nhẹ lòng.



Qua *Ba sinh hương lửa*, Doãn Quốc Sỹ lại đến cùng ta với một nụ cười đầy tin yêu, dễ mến.

Trong khi nhận xét tác phẩm mới này của nhà văn được nhiều cảm tình ấy, một vài nhà phê bình chỉ nói nhiều về tâm hồn của ông.

Chúng tôi nghĩ thái độ ấy hợp lý vì tâm hồn Doãn Quốc Sỹ, qua các tác phẩm của ông, rất đáng chú ý, lại vì các nhân vật trong những tiểu thuyết của ông — *Ba sinh hương lửa* là một bằng chứng mới — phần nhiều ngoan ngoãn một cách lạ lùng trong sự chối từ bản sắc cá nhân để phản chiếu đậm đà tâm hồn của tác giả.

Vậy thì chúng tôi sẽ lướt nhanh qua nhận xét rằng *Ba sinh hương lửa* chỉ gọi cho người đọc một ý niệm nhạt mờ về thời kỳ đen tối, đau khổ, của dân tộc vừa qua và chỉ lưu lại nơi người đọc một cảm tưởng nhẹ nhàng để chịu.

Chúng tôi cũng sẽ không nhắc nhở rằng các nhân vật trong tiểu thuyết phần nhiều tốt một cách siêu thực; vài ngoại lệ, vài người xấu thì sự xấu của các nhân vật này cũng thiếu cả hai chiều, rộng và sâu.

Chúng tôi cố gắng tìm hiểu phần nào tâm hồn của tác giả vậy.

Doãn Quốc Sỹ cho ta cảm tưởng rằng ông có một tâm

hồn cao đẹp, thiện hòa, dào dạt tình thương đồng loại.

Với tâm hồn như thế, tác giả đã khiến ngòi bút của mình vạch ra một giới tuyến vô hình giữa thiện và ác giữa chế độ (với một vài phần tử tiêu biểu) và con người, đề rời dừng lại bên này đường ranh, kết án chế độ xấu nhưng bảo vệ con người, tô đậm tình thương yêu giữa đồng loại.

Một nhà phê bình đã thấy rõ chỗ tốt và cũng là chỗ yếu của Doãn Quốc Sỹ là « bao dung, rộng rãi quá », không có « cái nhìn quan sát, lục soát, sắc sảo, có khi đến thâm độc », và khuyên người đọc « nên thưởng thức tác phẩm của ông như thưởng thức một bản trường ca về tình yêu thương ».

Chúng tôi tán thành phần nhận định về chỗ tốt đồng thời chỗ yếu của Doãn Quốc Sỹ như đã nói. Tuy nhiên, chúng tôi thấy với nhận định này, ta chỉ mới giải thích tại sao các nhân vật trong tiểu thuyết của Doãn Quốc Sỹ mờ nhạt vô cá tính và phần nhiều tốt. Còn về tâm hồn

của nhà văn, có lẽ ta còn cần tìm hiểu thêm, qua một số sự kiện cụ thể.

Đọc *Ba sinh hương lửa*, người ta có thể có một số thắc mắc về tác giả.

Doãn Quốc Sỹ thuộc về lớp người đã trải qua « ba sinh » (Ông muốn nói về 3 thời kỳ : Pháp thuộc, Nhật thuộc và Việt Minh) và để lại ở đây phần quý báu của tuổi đời. Dầu đã chiến đấu hay chỉ là nạn nhân, ông đã sống thực. Thế nhưng khi nhìn về dĩ vãng ấy, ông đã tỏ ra khác hẳn mọi người đồng cảnh. Thường khi nói hay viết về thời cũ, nhất là thời kỳ chiến tranh Việt Pháp vừa qua, những người cùng thế hệ với Doãn Quốc Sỹ đều tùy theo hoàn cảnh riêng, tùy theo mối tương quan giữa mình và chế độ buổi ấy để có hình thức phản ứng như tự hào kín đáo, căm thù, chua xót, chán chường, hoang mang v.v... Lắm khi người ta mang cùng một lúc nhiều sắc thái tâm tình trái ngược. Vô hình trung, mỗi người đều tự xác định vị trí tinh thần, tình cảm của mình. Nhưng

quả rằng không mấy ai nhìn về thời kỳ đau khổ, đen tối của dân tộc với — tạm nói là — con mắt của tình thương như Doãn Quốc Sỹ. Vì đâu?

Phải chăng vì ông có tâm hồn thi sĩ nên ông chỉ nói về cái gì đẹp, chỉ ca ngợi tình thương và không nỡ nói nhiều về cái xấu?

Nhưng, trong mối tương quan với cuộc sống, tâm hồn thi sĩ là gì nếu không phải một tâm hồn xúc cảm mạnh mẽ hơn, tinh vi hơn những tâm hồn đồng loại?

Khi một nhà thơ Châu Mỹ La tinh viết về một nạn nhân mất hẳn cái miệng vì sức tàn phá của bom nguyên tử:

« Không còn chỗ để hôn »

khi một nhà thơ chống Cộng miền Bắc nhìn vào con địa chủ:

« Chỉ thấy con người »

họ đã tỏ ra dạt dào tình cảm. Nhưng họ không chỉ thương người mà thôi. Không phủ nhận phần thơ, mộng trong tâm hồn Doãn Quốc Sỹ, chúng tôi muốn nói rằng yếu tố ấy không đủ sức làm nên lời giải đáp câu hỏi.

Hay vì Doãn Quốc Sỹ đau khổ quá nhiều về dĩ vãng nên ông thông cảm sâu xa với sự đau khổ của mọi người và thương tất cả, bao dung đối với cả cái xấu?

Muốn được như thế Doãn Quốc Sỹ phải có một tinh thần thánh thiện. Chắc hẳn ông đồng ý dễ dàng với ta rằng nên nhận xét ông trên một bình diện khiêm tốn hơn, « người » hơn.

Vậy thì « con mắt tình thương » của nhà văn đã tìm nguồn ánh sáng nơi nào?

Người đọc nhớ rằng các nhân vật chính của *Ba sinh hương lửa*, những Miên, Kha, Tân, Hân... sau khi tham gia Cách mạng mùa Thu 1945, tiếp đó tham gia kháng chiến, và đương đầu với mọi thử thách gian nguy, đã lần lượt trở về thành. Họ ra đi vì không chấp nhận nền thống trị Cộng sản, trong đó tình yêu thương bị tiêu diệt, nhường chỗ cho hận thù tàn bạo. Họ về thành — thời kỳ chính nghĩa quốc gia chưa sáng tỏ — không phải tìm về nơi lý tưởng nhưng giữa một bên « không tim », một

bên « không óc », họ đành chọn bên mà những người giàu tình cảm như họ còn sống được.

Những con người như thế thật là dễ mến, tuy nhiên, người ta cũng thấy rằng « không óc » với « không tim » chỉ là một cách nói gượng gạo và ngay trên bình diện tinh thần, cũng rất khó lòng quan niệm một sự phân biệt rạch ròi.

Huống nữa sự phân biệt này, dù muốn dù không, mặc nhiên tiềm tàng một ý niệm chọn lựa giữa hai thứ giá trị. Những nhân vật trong truyện — và tác giả — đều đã tỏ ra có nhiệt tình yêu nước, hoài bão những gì cao đẹp. Lý do của sự chọn lựa — nếu đó là lý do — không giải thích được gì bởi không phù hợp với hệ thống tâm lý của họ.

Về thành là sự bất đắc dĩ nhưng ở lại, sống chung với Cộng sản thì không chịu được nữa... Hiểu không thể chờ đợi những gì cao đẹp ở thành nhưng cũng đành về...

Sự ra đi, đoạn tuyệt với Cộng sản nhưng đồng thời

cũng là già từ đồng bào đang kháng chiến, không phải dễ dàng đối với những kẻ có lòng như các nhân vật trong truyện, không khỏi làm cho họ lưỡng lự ít nhiều mặc cảm: bỏ thì thương (đồng bào chính nghĩa kháng chiến), vương thì nặng (chế độ độc tài thống trị).

Sự ra đi ấy, theo chúng tôi nghĩ, nói lên một nhu cầu đổi thay không khí sống, tìm một lối thoát khỏi cảnh huống nghệt thở đương thời, một nhu cầu nảy sinh trong một tâm trạng mất phương hướng, hoang mang. Sân ga, buổi sớm hay buổi chiều ly biệt đắm chìm trong sương khói u buồn. Con tàu giải thoát sẽ mang đi những nạn nhân chán chường mệt mỏi. Và người đi, sau một nụ cười ngạo nghễ, thách đố chế độ độc tài, không khỏi buông một tiếng thở dài đắng cay.

Sự thật khách quan là các nhân vật trong truyện, với sự ra đi, đã thác từ tranh đấu, thác từ trách nhiệm, trong hoàn cảnh họ tự thấy không thể vừa tiếp tục tranh

đấu cho xứ sở, thi hành trách nhiệm, người dân yêu nước, vừa phải tranh đấu chống chế độ chính trị độc tài.

Mối tương quan giữa chế độ và con người có hai phương diện: con người là sản phẩm của chế độ và mỗi người, tùy hoàn cảnh riêng, có trách nhiệm hành động của mình trong chế độ.

Với nhận định này, ta thấy các nhân vật ấy là nạn nhân đồng thời cũng thấy họ làm tròn trách nhiệm của họ đến một mức nào đó rồi thác từ.

Nói như thế không có ý nghĩa kết buộc tội lỗi, mà chỉ đề thông cảm với tâm trạng của người nhìn về dĩ vãng, một giai đoạn đấu tranh đầy gian khổ nhưng vinh quang của dân tộc, trong đó cá nhân mình đã tránh đấu với tất cả nhiệt tình yêu nước, đã cùng với các giới đồng bào đi chung một quãng đường dài, rồi tách ngang vì một trường hợp bất khả kháng đối với mình.

Trung thực với lòng, người nhìn về dĩ vãng như

thế không khỏi có ít nhiều mặc cảm: căm thù chế độ và hoàn cảnh, xót xa cho mình. Và phản ứng dễ hiểu là người ta qui tất cả trách nhiệm vào chế độ và hoàn cảnh, dễ dãi với trách nhiệm hành động cá nhân, tự an ủi bằng vòng hoa gai của kẻ bị nạn, cho vơi dịu nỗi lòng, đỡ day dứt băng khuâng.

Chúng tôi tưởng đó là trường hợp Doãn Quốc Sỹ, qua *Ba sinh hương lửa*.

Các nhân vật đều tốt, cái xấu nhẹ nhàng, chỉ có chế độ và một vài phần tử tiêu biểu là bất hảo, bấy nhiêu sự tình cho ta thấy Doãn Quốc Sỹ đã nhìn về dĩ vãng qua làn sương mặc cảm nói trên.

Kỹ thuật già dặn, bút pháp linh hoạt, tinh tế của Doãn Quốc Sỹ vẫn giữ được tín nhiệm và cảm tình của người đọc và *Ba sinh hương lửa* vẫn là một cống hiến có giá trị của nhà văn dễ mến này vào kho tàng văn liệu — còn quá nghèo nàn — về những giai đoạn lịch sử quan trọng của dân tộc vừa qua.

Bạn đọc thử cho. Chúng tôi tự hiểu đã vượt ra khỏi

phạm vi một cuộc tổng kết tình hình văn nghệ, nói quá dài về Doãn Quốc Sỹ. Nhưng chúng tôi nghĩ « *trường hợp Doãn Quốc Sỹ* » qua *Ba sinh hương lửa* là trường hợp chung của một số thanh niên có học, đầy nhiệt tình yêu nước, đã từng chiến đấu, cuối cùng về thành. Trong cuộc chiến tranh chống thực dân vừa qua, có nhiều thảm kịch. Họ đã sống — và làm nên — một trong những thảm kịch lịch sử ấy. Lá màn chung cuộc đã buông nhưng diễn viên còn đó, lương vướng ít nhiều mặc cảm vui, buồn. Thiết tưởng tìm hiểu họ cũng là một cách tìm hiểu lịch sử vậy.

..

Chúng tôi đã bắt đầu đọc *Mùa ảo ảnh* với tất cả trân trọng như đối với các tác phẩm khác thêm chút nào cảm tình với nhà văn đã cùng với Doãn Quốc Sỹ bước những bước đầu trên đường xây dựng những tác phẩm lớn. (« *Tác phẩm lớn* » nơi đây, chúng tôi xin phép hiểu

theo ý nghĩa công trình sáng tác dài hơi và luận đề quan trọng).

Nhưng đọc xong tác phẩm của Đỗ Thúc Vịnh, chúng tôi cảm thấy một cái gì gần như sự tiếc rẻ, không phải vì thất vọng nhưng vì nhận rằng nhà văn họ Đỗ chưa đạt tới mức thành công tốt đẹp hơn mà văn tài và thiện ý của ông hứa hẹn.

Mặc dù tác giả đã xác định vị trí của tác phẩm về các mặt thời gian, bối cảnh xã hội, người đọc cảm thấy như bị lạc vào một *Mùa ảo ảnh* nào khác lạ với những mẫu người — như Văn — cảm nghĩ và hành động khác thường.

Trong câu chuyện xảy ra vào thời kỳ khói lửa vừa qua, cái gì thiếu sót nhất lại là một chút lửa: cuộc đời ở đây tương đối êm ả, các nhân vật sống quá ư thăng bằng, cho đến tình yêu cũng không có trạng thái ần ức bị dạt hay vồn vập thiết tha quen thuộc trong thời chiến ấy.

Có lẽ Đỗ Thúc Vịnh muốn thể hiện cuộc sống của một số thanh niên trí thức bất

chợt bước vào kháng chiến, đã hết lòng phục vụ lợi ích quê hương, dân tộc nhưng bị Việt Minh đổ kỵ gạt ra ngoài.

Trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc vừa qua, thành phần thanh niên trí thức «tao ngộ kháng chiến» này không phải ít, tuy nhiên lớp người như các nhân vật trong *Mùa áo ảnh* — Văn và các bạn của anh — lại quả là hiếm hoi. Người ta có cảm tưởng càng đậm đà về tính chất cá biệt của trường hợp, khi nhớ rằng hầu hết thanh niên có học hay trí thức, đều có đi hết hay đi một quãng đường chiến đấu, đều đã tham gia kháng chiến với ít nhiều hăng say. Và dù cho phải rút lui, giã từ chiến đấu, về thành hay trở lại vị trí một người dân thường, họ vẫn mang một cuộc sống nội tâm dồi dào, vì phản ứng của bản chất trí thức đối với nghịch cảnh.

Nhưng Văn và các bạn trong *Mùa áo ảnh* không có phong độ xử thế thông thường của lớp người nói trên, trong mối quan hệ giữa người và người, thời khó

lửa chiến đấu, cũng như trong cuộc sống thu mình về cái Ta phức tạp. Nếu không thiếu gì công chức thời Pháp thuộc trở thành những cán bộ Việt Minh hay những chiến sĩ cách mạng quốc gia, thì Văn tiêu biểu cho một số rất ít công chức trí thức lạc loài bên trong một thế giới ý niệm mà bao nhiêu cạnh góc đã sờn mòn.

Thành thử người ta tự hỏi nhà văn họ Đỗ đã mắc vào khuyết điểm nào. Hoặc ông đã xây dựng các nhân vật của ông mờ nhạt về cá tính, hời hợt về nội tâm, khiến cho các nhân vật này không sống động, do đấy không có giá trị tiêu biểu. Hoặc ông đã thể hiện được trung thực một cuộc sống và những mâu thuẫn người nào đó, có thật, nhưng là những nét mờ, dị biệt, lạc lõng trong một thực tại lớn lao có đường nét tương đối rõ ràng.

Những dầu ở trường hợp nào, *Mùa áo ảnh* vẫn mang một chỗ nhược: nội dung yếu ớt, giản lược, không chịu đựng nổi trọng lượng của luận đề.

Đến đây chúng tôi tưởng hiểu thêm phần nào cảm tưởng tiếc rẻ đã nói từ đầu.

Có lẽ người đọc, vì cái tên Đỗ Thúc Vịnh, vì uy tín của tác giả Dì Mơ, vì nhan đề của tiểu thuyết, đã hy vọng nhiều và tự cho có lý để hy vọng. Nhưng rồi người ta cảm thấy không được thỏa mãn cho lắm với một ý niệm lơ mơ về chiều sâu, chiều rộng và một ấn tượng đậm đà về chiều dày, với ý nghĩ hơi gay gắt rằng tác giả có thể nhìn kỹ hơn, khơi sâu hơn.

Tuy nhiên những điều nói trên không có ý nghĩa phủ nhận giá trị của *Mùa áo ảnh*.

Tác phẩm này đáng được quý trọng vì giá trị sử liệu về nhiều phương diện.

Những thế hệ sau này, muốn tìm hiểu kỹ càng cuộc kháng chiến của dân tộc chống thực dân xâm lược, hẳn không quên tìm đọc *Mùa áo ảnh*.

Một giá trị nữa của *Mùa áo ảnh* — là thái độ trung thực của người trí thức Đỗ Thúc Vịnh. Tác phẩm của ông có thể thành công ở mặt này, hỏng ở mặt khác nhưng

về con người sáng tác, người đọc nghĩ ngay tới một tâm hồn tự trọng, trọng ngòi bút và sự thật.

..

Đề tựa *Khi người chết có mặt* của Nguyễn Ngu Í, nhà văn Bình Nguyên Lộc viết: «Nếu một tiểu thuyết nói được cái gì thì tiểu thuyết ấy có giá trị về tư tưởng. Nếu một tiểu thuyết không nói được cái gì cả nhưng văn hay thì tiểu thuyết ấy có giá trị về văn chương. Nếu một tiểu thuyết không nói được cái gì cả mà văn cũng không có gì đặc sắc nhưng hấp dẫn vô song thì tiểu thuyết ấy có giá trị về... tiểu thuyết».

Ở cuối bài, ông xác nhận lợi ích giải trí của tác phẩm. Nhắc lại những lời trên của nhà văn Bình Nguyên Lộc, chúng tôi không có ý định bày tỏ một thái độ nào đối với quan điểm của ông, mà chỉ muốn nhân đó nói về *Khi người chết có mặt*.

Chúng tôi nghĩ tác phẩm của Nguyễn Ngu Í không những chỉ có tác dụng giải trí một tầng lớp độc giả nào

đó mà còn nói lên một cái gì những cái gì ở đây lại ở ngoài ý hướng sáng tác của nhà văn họ Nguyễn. Chúng tôi muốn nói đến việc Nguyễn Ngu Í dựng nên một truyện mà người đề tựa, Bình Nguyên Lộc cho rằng trùng đề tài, giống luôn thể cách xây dựng với một truyện nước ngoài và xuất bản truyện dài đầu tay này tám năm sau (viết xong 1954, xuất bản 1962). Người đọc có một cảm tưởng phức tạp : có một sự vội vàng, lại có một sự giới hạn. Người ta bàng khuâng : thời gian tám năm không quá đủ cho Nguyễn Ngu Í sáng tác và xuất bản một tác phẩm cao hơn về giá trị nghệ thuật và độc đáo hơn về ý niệm đề tài ?

Sự bàng khuâng đưa đến nhu cầu tìm hiểu điều mà *Khi người chết có mặt* nói lên ngoài ý hướng sáng tác của Nguyễn Ngu Í. Người ta thấy hoặc là Nguyễn Ngu Í, vì những lý do nào đó về hoàn cảnh bản thân và xã hội, cần xác nhận mạnh mẽ hơn sự có mặt của mình trên văn đàn, hoặc ông đã nhập

thân vào cốt truyện, nhận ra ở đây nhiều tương đồng, trùng ngộ, nên nhờ nó thể hiện mình.

Dầu trường hợp nào đúng, dầu nhà văn họ Nguyễn dễ dãi với mình hay dễ dãi với nghệ thuật, người ta cũng thấy tiếc, vì Nguyễn Ngu Í ở vào hàng đầu những nhà văn có nhiệt tình với văn nghệ nhất, lại vì ông có thể làm hơn, về mặt sáng tác.

..

Chúng tôi xin phép đi ngay qua phần truyện ngắn, tùy bút, tạp văn, và đề dành nói sau về *Ngã rẽ tâm tình* của Ngọc Linh và *Nhện chờ mối* ai của Bình Nguyên Lộc ở phần đặc điểm của tình hình tiểu thuyết, ở đề mục « *Khuynh hướng văn nghệ hóa của Ngọc Linh và khuynh hướng đại chúng hóa của Bình Nguyên Lộc* ».

Tuy nhiên, chúng tôi còn một thiếu sót lớn : chưa nói đến *Giã từ* của Võ Phiến.

Về kỹ thuật trong tác phẩm thứ năm của Võ Phiến, cô Phương Thảo viết : « ... Tóm lại, với *Giã từ*, Võ

Phiến đã từ già được rất nhiều lối cũ, đường mòn trong cách chép ghi sự việc. Ở trên sân ga còn đầy khói sương nghệ thuật quá thời, có nhiều khăn tay tiễn đưa vẫy mừng tác giả, chúc một hành trình may mắn, bình yên... »

Ông Thư Trung ghi lại cảm tưởng chung của ông : « ... Đọc xong cuốn truyện, người đọc tự dừng cảm thấy một nỗi buồn khó tả, một cảm xúc đau đớn không thể nói ra, một niềm thương cấp, lừng lơ cho những kiếp người và cho chính cả thân phận mình. Bởi vậy đừng ai lấy làm điều về những lần cay cú riếu cọt của tác giả về một nhân vật này hay một hoàn cảnh kia. Vì sau những lần cười cọt mỉa mai như thế, chính tác giả cũng cảm thấy đau thương se sắt trong lòng. Cái nhân bản của Võ Phiến là ở chỗ đó, ở chỗ ông đã xót xa, thấm thía cho cái thân phận bạc bẽo của con người trong những hoàn cảnh nghiệt ngã, éo le mà nó không thể nào, không có một thẩm quyền tự định đoạt, tự lèo lái... »

Chúng tôi tưởng các nhận xét trên đã nói nhiều về giá trị của *Giả từ* và sự thành công của Võ Phiến.

..

Về truyện ngắn, tùy bút, tạp văn, người ta chú ý đến *Chuyện vô lý* của nhà văn lão thành Lãng Nhân, *Thuở ban đầu* của nhà văn trong quân đội Minh Đức, *Ngày vui* của Đặng Trần Huân, *Những viên sỏi* của nhà văn kiêm họa sĩ Tạ Tỵ, *Gió thu* của Lan Giao, *Nỗi lửa* của Thanh Thương Hoàng, *Ngôi sao thành phố* của Thiết Tố, *Truyện tòa án* của Nhuệ Hồng, *Nuôi con như tình* của Thế Nguyên, *Thương hoài ngàn năm* và *Thư nhà* của Võ Phiến. Nhưng nổi bật lên trên tất cả vì tính chất khác lạ, độc đáo, có lẽ là *Hương rừng Cà Mau* của Sơn Nam.

Hương rừng Cà Mau cho thấy những sự thật về miền Nam, một miền Nam đã vắng vẻ rồi, đã thuộc về quá khứ, với những sự việc hoang đường, cảnh đời đặc biệt, nhưng vẫn còn lưu lại những

gì là chân thực, là hùng tráng, là giản dị làm nên linh hồn của cuộc sinh hoạt rộng lớn ở chốn ruộng đồng xa xôi.

Đặc điểm lớn nhất của tác phẩm là những sự sống cụ thể của miền Nam và những con người miền Nam cụ thể được mô tả bằng những nét bút đơn giản mà sắc sảo linh động, và người ta yêu mến *Hương rừng Cà Mau* không phải vì Sơn Nam là một nhà văn có một bút pháp độc đáo, mà chính vì, qua những trang sách ấy, còn có thái độ bảo tồn của một nhà khảo cổ, tâm tình tha thiết của một thi nhân và trên hết là mối nhiệt tình chan chứa của một người yêu mến quê hương, xứ sở.

Đọc xong *Hương rừng Cà Mau*, người ta thấy buồn man mác như khi đánh mất một cái gì bấy lâu đắm chìm trong quên lãng, mà người ta bất chợt khám phá ra giá trị cao quý đúng vào lúc nó không còn.

Nói một cách khác, cảm tưởng bàng khuâng buồn tiếc của người đọc phát sinh từ

một ý niệm đổi thay dâu biển, từ một nhận định sớm thành nền nếp rằng những giá trị kia đã vĩnh viễn lùi xa.

Người đọc lơ mơ thấy thiếu một cái gì, thiếu trong thành phần các yếu tố suy tưởng của mình bởi vì thiếu trong nội dung tác phẩm.

Lấy gì trong *Hương rừng Cà Mau* để thông cảm với sức sống vươn trào, tỏa rộng của miền Cà Mau từ ấy đến nay, khi khởi điểm chỉ là một trạng thái u uất, trầm trệ, ứ đầy mằm tử tận ? Phải chăng lịch sử chỉ gồm toàn những bước nhảy vọt ? Phải chăng sức sống của miền đồng ruộng mệnh mông xa xôi ấy chưa hề có sự kế tục và từ Cà Mau xưa cũ chấp chờn bóng dáng tử thần đến Cà Mau đầy sinh khí hiện thời, có cả một sự đồng tình gián đoạn sức sống và lịch sử ?

Chúng tôi nghĩ đây là khuyết điểm đáng kể nhất của *Hương rừng Cà Mau*: người đọc không tìm thấy trong tác phẩm những sự thật tất yếu, những tâm tình, hành động, sự việc sôi nổi

hay âm thầm, làm nên sức sống bất diệt của Cà Mau, giải thích động cơ âm u và vạ năng giữ cho cả một địa vực và khối đồng bào này không bị hủy diệt và thúc đẩy con người đấu tranh sinh tồn.

Có người sẽ bảo: như thế là đòi hỏi quá nhiều nơi nhà văn. Tại sao buộc nhà văn phải thấy thế này hay thế khác, tại sao buộc nhà văn khác với chính mình?

Không, chúng tôi không đòi hỏi. Nhưng chúng tôi tưởng như thông cảm với Sơn Nam: với tính chất nhân bản, tâm hồn thi nhân, đầu óc khảo cổ và nhiệt tình yêu mến xứ sở quê hương, ông đủ điều kiện hơn ai hết để thấy, có lẽ ông đã thấy. Tuy nhiên, cũng có lẽ ông tránh không nói lên sức tranh đấu của người dân Cà Mau chống thiên nhiên ghê lạnh và bạo lực, cường quyền bóp nghẹt đời sống (chẳng hạn bọn thực dân, chủ đồn điền mà người dân Cà Mau nào cũng biết).

Trong hoàn cảnh dân tộc đang đấu tranh diệt Cộng,

trong tình hình lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp còn hiệu lực, chúng tôi nghĩ rằng thái độ thận trọng của nhà văn Sơn Nam rất dễ được cảm thông. Tuy nhiên, thái độ này có đi quá lần ranh hợp lý chẳng? Thiết tưởng lời giải đáp lại ở ngoài phạm vi vấn đề này.

Điều mà người ta phải ghi nhận là chính vì thế mà *Hương rừng Cà Mau* gây buồn man mác nơi lòng người đọc. Làn sương mặc cảm đã giữ lại ngoài bìa rừng và bên lề, bản thảo những tia nắng vàng tin tưởng có thể làm ấm nội dung tác phẩm và ấm lòng người xem vậy.

Dầu sao, dầu có khuyết điểm này, *Hương rừng Cà Mau* — theo chúng tôi tưởng — có lẽ là một trong những tác phẩm có giá trị ở hàng đầu trong số các tuyển tập truyện ngắn, tùy bút, tạp văn văn xuất bản năm 1962.

..

Đến đây chúng tôi xin đi vào một số đặc điểm về tình hình truyện ngắn, truyện dài

trong năm qua, trước khi trình bày một vài nhận xét tổng quát.

Giải Thưởng Văn Chương Toàn Quốc 1960-1961

Ngày 8 tháng 9 năm 1962, Văn hóa vụ đã tổ chức buổi lễ trao tặng Giải thưởng văn chương toàn quốc lưỡng niên 1960-1961.

Các giải thưởng được trao tặng như sau :

Bộ môn khảo luận

Giải duy nhất (80.000đ.) : Ông Lê Ngọc Trụ với tác phẩm *Việt Ngữ Chánh Tả Tự Vị*.

Bộ môn tiểu thuyết

Giải nhất (40.000đ.) : Nhật Tiến với tác phẩm *Thềm Hoang*.

Giải nhì đồng hạng (20.000đ.) : Doãn Quốc Sỹ với tác phẩm *Gìn vàng giữ ngọc*.

Giải nhì đồng hạng (20.000đ.) : Linh Bảo với tác phẩm *Tàu ngựa cũ*.

Bộ môn thơ

Giải nhất (30.000đ.) : Đinh Hùng với tác phẩm *Đường vào tình sử*.

Giải nhì (20.000đ.) : Hoàng Bảo Việt với tác phẩm *Hy vọng*.

Giải ba đồng hạng (15.000đ.) : Anh Tuyền với tác phẩm *Tò ám*.

Giải ba đồng hạng (15.000đ.) : Mai Trung Tĩnh và Vương Đức Lệ với tác phẩm *40 bài thơ*.

Giải thưởng văn chương toàn quốc 1960-1961 đã được mọi người yêu chuộng văn nghệ hoan nghênh xem như một cố gắng quan trọng của Văn hóa vụ, trong những điều kiện có giới hạn về phương tiện hoạt động.

Quan điểm chấm thi và tặng giải tương đối rộng rãi cũng có một tác dụng khích lệ mạnh mẽ đối với văn nhân, thi sĩ.

Sự xuất hiện của tác phẩm lớn

Mùa áo ảnh của Đỗ Thúc Vịnh, Ba sinh hương lửa của
<https://tieulun.hopto.org>

Đoàn Quốc Sỹ có vinh dự mở đường dẫn đến tác phẩm lớn. Hai tác phẩm này đều có ít nhiều giá trị hứa hẹn.

Khuynh hướng xuất bản những tác phẩm cũ

Đây là trường hợp *Mây hoàng hôn* của Nhật Tiến. Thật ra, việc các nhà văn xuất bản những tác phẩm đầu tay của mình sau khi nổi tiếng, không phải là chuyện lạ. Sở dĩ người ta thấy có vấn đề, ấy là vì lòng yêu chuộng văn nghệ và những văn tài mới, nhiều triển vọng như tác giả *Thềm hoang*. Trong hiện tình văn nghệ, có được một ngòi bút như Nhật Tiến là một lý do để vui tin. Cho nên sau *Thềm hoang*, người ta chờ đợi nhà văn khả ái ấy làm hơn nữa. Khi một tác phẩm thuộc loại đầu tay ra đời tất nhiên mang những tính chất ấu trĩ của nghệ thuật Nhật Tiến vào thời ấy, bỗng dưng người ta bàng khuâng. Phải chăng Nhật Tiến lần lượt xuất bản những gì ông viết ra, chỉ với ý nghĩ giản dị

rằng cần phải cho ra đời những đứa con tinh thần mà mình đã ít nhiều khổ công thai nghén? Hay ông ở vào hoàn cảnh của Tú Xương lúc « toan lên bán cả giòi »?

Dẫu sao nhà văn hoàn toàn tự do định đoạt về sáng tác tác phẩm của mình.

Điều mà người ta mong ước — người ta đây là số đông độc giả hâm mộ văn tài của Nhật Tiến cũng như các văn tài khác — là các nhà văn đang được người ta trao gởi tất cả kỳ vọng xây dựng một nền văn nghệ mới nên lưu ý đến tầm ảnh hưởng hành động. Điều mà người ta lo ngại là tư tưởng tự cho đã có một giá trị, uy tín lập thành và vội vàng đưa ra những tác phẩm không còn xứng tay mà tất nhiên người độc giả ái mộ phải tiêu thụ.

Thật ra không phải chỉ mỗi một mình ông Nhật Tiến xuất bản tác phẩm cũ. Và vấn đề vượt quá phạm vi cá nhân để đặt trên bình diện lợi ích văn nghệ, nếu không nói lợi ích lớn lao hơn.

Tùy theo quan niệm, động cơ tư tưởng của mỗi nhà văn

mà khuynh hướng kia được hiểu theo một ý nghĩa khác.

Khuynh hướng này có thể chỉ là một diễn biến thông thường trong sinh hoạt văn nghệ. (chẳng hạn nguyện vọng cho chào đời những gì đã viết).

Mà nó cũng có thể là một biến cố đáng quan tâm, báo hiệu một sự giới hạn văn tài, một trở ngại cho sự tiến bộ trong văn nghệ.

Khuynh hướng « Văn nghệ hóa » của Ngọc Linh và khuynh hướng « Đại chúng hóa » của Bình-Nguyên Lộc

Chúng tôi xin nói ngay rằng từ tiêu đề đến những điều sẽ được trình bày nằm trong phạm vi nhận định của chúng tôi. Người viết chỉ mong ghi nhận ; không có ý định trao gán, cho nên nếu hai nhà văn Bình Nguyên Lộc và Ngọc Linh có bờ ngõ như thiếu phụ trong thi phẩm của Arvers, chúng tôi xin nhận trước những lời phiên trách.

Năm 1962, Bình Nguyên Lộc xuất bản truyện dài

Nhện chờ mối ai, Ngọc Linh cho ra đời *Nước mắt người đàn bà*, *Buổi chiều lá rụng và Ngã rẽ tâm tình*. Các truyện dài trên đều đã được đăng ở báo hằng ngày.

Bình Nguyên Lộc là một ngòi bút của xứ Đồng Nai được nhiều cảm tình trong giới văn nghệ toàn quốc. Không ai quên được bút pháp của ông trong *Nhốt gió*, *Rừng mẫm*, *Ba con cáo*. Tinh thần lạc quan, lòng thiết tha với những giá trị địa phương, sự thông minh tinh tế nhẹ nhàng, không sâu cay, tất cả yếu tố tinh thần ấy của một người trí thức miền Nam, cộng thêm một năng khiếu đặc biệt khám phá những cạnh khía bất ngờ của sự vật, đã hòa hợp làm nên bút pháp Bình Nguyên Lộc.

Tuy nhiên, khi ông đi vào con đường truyện dài ở báo hàng ngày, có thể nói rằng Bình Nguyên Lộc không thành công nhiều : « *Nhện chờ mối ai* » là một bằng chứng mới.

Phải nói rằng vì cái tên Bình Nguyên Lộc mà giới yêu văn nghệ — từ hạng bình

dân, hạng trung đến hạng trí thức — đều tìm đọc *Nhện chờ mối ai*.

Nhưng theo nhà phê bình Phương Mai thì «cái kỹ thuật có bao hàm một khí thế văn chương mạnh mẽ, chứa đựng một tác dụng nghệ thuật, một giá trị nhân sinh sâu rộng, giờ đây đã nhường bước cho một thứ bút pháp gần như không có kỹ thuật, những dễ dãi đến độ buông thả. Với *Nhện chờ mối ai*, chúng ta thấy Bình Nguyên Lộc chỉ chú ý đến tình tiết trong truyện cốt sao cho lâm ly bi đát, suốt từ đầu tới cuối chỉ thiên về đề tài mà bỏ quên cả kỹ thuật...»

Nhện chờ mối ai là truyện dài thứ ba của Bình Nguyên Lộc được in thành sách, tác phẩm này được một nhà trí thức phê bình như thế nhưng nó được người đọc ở tầng lớp bình dân và hạng trung nhận xét như thế nào? Theo chỗ chúng tôi tìm hiểu, dường như *Nhện chờ mối ai* được độc giả bình dân và hạng trung chú ý, theo dõi, tuy nhiên, nó chưa có được mức độ thu hút, lôi cuốn

người đọc báo hàng ngày như một vài tiểu thuyết đăng báo khác, chẳng hạn *Ngã rẽ tâm tình* của Ngọc Linh.



Trước khi đi vào báo hàng ngày, Ngọc Linh từng viết truyện ngắn đăng ở các tạp san, từng là thư ký tòa soạn của một tuần báo văn nghệ có uy tín. Nhưng đấy là dĩ vãng. Từ ngày Ngọc Linh viết truyện dài ở báo hàng ngày, người ta có thể nói rằng ông đã nhập thân một cách khá tài tình vào hoàn cảnh sáng tác văn nghệ bình dân. Ông dần dần nổi tiếng ở truyện dài báo hàng ngày, cuối cùng vượt lên hàng đầu các tiểu thuyết gia «ăn khách» của giới nhật báo. Hai truyện dài của ông — đăng báo rồi in thành sách — *Đôi mắt người xưa* năm trước và *Ngã rẽ tâm tình* năm qua đã có vinh dự ở hàng tiểu thuyết bình dân bán chạy nhất.

Ngã rẽ tâm tình có thể được xem như một truyện dài kiểu mẫu của báo hàng ngày. Với một nội dung đơn

hậu, với một lời văn giản dị, rõ ràng, với những tình tiết éo le, gay cấn, sôi động, ly kỳ, được sắp xếp theo một bố cục khá chặt chẽ và thể hiện bằng một kỹ thuật già dặn, *Ngã rẽ tâm tình* lôi cuốn người đọc ngay từ những trang đầu.

Nhận định về giá trị của *Ngã rẽ tâm tình* như đã nói, vẫn dựa một phần nào vào một số tiêu chuẩn nào đó về nghệ thuật sáng tác truyện dài đăng báo hàng ngày, những tiêu chuẩn chưa bao giờ được chính thức mình định nhưng vẫn âm thầm có giá trị — và quyền lực — thước ngọc khuôn vàng, những tiêu chuẩn mặc nhiên khước từ chiều sâu của tâm hồn, mặt thực của cuộc sống, sự tinh tế của nghệ thuật và — trước hết — hoài bão về nghệ thuật nơi nhà văn (1).

Tuy nhiên, người ta phải nhận rằng nơi Ngọc Linh, qua các tác phẩm của ông, có một sự cố gắng phản ứng với hoàn cảnh sáng tác.

Trong *Buổi chiều lá rụng*, người ta tưởng như bắt gặp chút nào ý hướng vươn lên về mặt nghệ thuật, mặc dầu phong cách tiểu thuyết hàng ngày rớt cuộc lần át tất cả.

Những tác phẩm của ông xuất bản gần đây được trình bày trang nhã, không còn những sắc màu đỏ xanh lòe loẹt ở bìa sách. Và người ta được biết rằng Ngọc Linh không chịu cho tiểu thuyết của mình ra nằm ở vỉa hè, bên cạnh những tiểu thuyết bán « xôn », của những tiểu thuyết gia khác.

Thái độ trân trọng này đối với tác phẩm của mình, chút ý hướng kia, bấy nhiêu yếu tố nơi Ngọc Linh khiến chúng tôi nghĩ rằng có một « trường hợp Ngọc Linh », có khuynh hướng tạm gọi là khuynh hướng « văn nghệ hóa » của tiểu thuyết gia trẻ tuổi ấy.

Trong khi đó, thì người ta thấy rằng nhà văn Bình Nguyên Lộc lại cố gắng theo một chiều hướng trái ngược: dường như ông muốn tiến mạnh trên đường sáng tác phục vụ độc giả bình dân, làm cho truyện dài của ông

(1) Xin ngoại trừ một số nhà văn viết truyện dài ở một vài tờ báo hàng ngày không nặng về lợi ích thương mại.

lời cuốn, thu hút họ và để đạt mục tiêu này, cố gắng tự gỡ ra khỏi cái văn phong, văn cách của Bình Nguyên Lộc tác giả *Rừng Mắm*, *Ba con cáo* ngày nào.

Như thế, cũng có «trường hợp Bình Nguyên Lộc». Và khuynh hướng của ông, chúng tôi xin tạm gọi là khuynh hướng «Đại chúng hóa».

..

Chúng tôi nghĩ đây là một đặc điểm của tình hình tiểu thuyết 1962. Đặc điểm này có một tầm quan trọng chúng tôi sẽ xin bàn sau.

Người ta đứng trước hai nhà văn, hai văn tài, đang có khuynh hướng tiến triển theo hai chiều trái ngược.

Ngọc Linh vươn lên, tìm nghệ thuật. (cao)

Bình Nguyên Lộc cúi xuống, cũng tìm nghệ thuật (bình dân).

Và nếu hiểu nghệ thuật theo quan niệm thông thường của giới văn nghệ — chẳng hạn nghệ thuật của Võ Phiến, của Doãn Quốc Sỹ, của Nhật Tiến, của Vũ Hạnh hay của chính Bình Nguyên

Lộc, của chính Ngọc Linh trước khi hai ông viết truyện dài hàng ngày — thì người ta phải nói như thế này :

— Bình Nguyên Lộc đang phá bỏ nghệ thuật (của mình).

— Ngọc Linh đang tìm lại nghệ thuật (của mình).

Nói rõ hơn nữa :

— Trong khuôn khổ sáng tác truyện dài hàng ngày, Ngọc Linh đang vươn lên, tìm lại nghệ thuật (của mình).

— Vì khuôn khổ sáng tác truyện dài hàng ngày, Bình Nguyên Lộc đang cúi xuống, phá bỏ nghệ thuật (của mình).

Chúng tôi tưởng như thông cảm rằng nhà văn Bình Nguyên Lộc cần viết truyện dài đăng báo để sống. Muốn tiểu thuyết của mình «ăn khách», ông cố gắng gác bỏ qua một bên hay đẩy lùi về dĩ vãng nghệ thuật độc đáo đã đưa ông đến một chỗ ngồi khả quan trên văn đàn. Có lẽ ông tự hèn với lòng rằng hễ khi nào ông muốn làm một tác phẩm văn nghệ, ông sẽ không đăng tác phẩm ấy vào báo hàng ngày.

Ông Ngọc Linh, trái lại, đã có uy tín trong giới viết tiểu thuyết hàng ngày, do đấy không bị thúc bách vì nhu cầu sống nhưng ông lại mang trong lòng một hoài bão về nghệ thuật. Ngày xưa ông đã có một trình độ nghệ thuật nào đó. Bây giờ ông chỉ cần tìm lại.

Thành thử Bình Nguyên Lộc muốn chối từ dĩ vãng nhà văn, Ngọc Linh muốn chối từ hiện tại nhà tiểu thuyết hàng ngày. Dĩ vãng nhắc nhở Ngọc Linh không triền miên trong hào quang của một tiểu thuyết gia ăn khách, hiện tại thúc đẩy Bình Nguyên Lộc thoát ly văn phong, văn cách của mình để trở thành một tiểu thuyết gia ăn khách.

Hai khuynh hướng «văn nghệ hóa» và «đại chúng hóa» này sẽ đưa hai nhà văn Bình Nguyên Lộc và Ngọc Linh về đâu?

Chúng tôi có cảm tưởng như sắp phải chứng kiến một thảm kịch.

Chúng tôi nghĩ rằng Bình Nguyên Lộc sẽ không đạt được mục tiêu ông nhắm vì dĩ vãng nhà văn của ông sẽ

núi giữ ông lại, không cho ông phá bỏ mạnh mẽ nghệ thuật.

Chúng tôi nghĩ rằng Ngọc Linh cũng sẽ không được như ý vì những tiêu chuẩn của một tiểu thuyết ăn khách, và cuộc sống của ông — liên hệ chặt chẽ với sáng tác truyện dài đăng báo — cũng sẽ cầm giữ ông lại.

Nói một cách khác, nếu Ngọc Linh muốn làm văn nghệ, tiểu thuyết của ông sẽ không còn sức hấp dẫn như hiện thời, nghĩa là không còn ăn khách như hiện thời, liệu ông có đủ điều kiện vật chất để không sợ thất nghiệp, để cương quyết đi tới và nếu cần, đi ra khỏi một hoàn cảnh trở ngại ý hướng sáng tác của ông?

Và nếu Bình Nguyên Lộc tiếp tục phá bỏ nghệ thuật để trở thành một tiểu thuyết gia ăn khách, liệu con người văn nghệ trong ông có đầu hàng dễ dàng hay quật khởi, tấn công, dày vò, làm cho ông lúng túng trong thế lưỡng nan «bỏ thì thương, vương thì nặng»?

Ý vị đau buồn thấm thiết của thảm kịch là ở chỗ này.

Chúng ta hiểu rằng Bình Nguyên Lộc và Ngọc Linh đều mang nặng trong lòng nhiều hoài bão cao đẹp về nghệ thuật. Khởi điểm của hai ông không có sự tương đồng nhưng giao điểm bây giờ của sự đi lên và đi xuống lại sẽ là cùng đau khổ.

Đến đây, tưởng bạn đọc có thể đồng ý với chúng tôi rằng sự quan trọng của đặc điểm này vượt khỏi tầm lợi ích cá nhân hai nhà văn ấy đề nằm trên một bình diện lớn lao hơn. Nó gián tiếp đặt ra cho các nhà văn, cho giới yêu chuộng văn nghệ và cho nhà hữu trách vấn đề tiểu thuyết đăng báo hàng ngày, một vấn đề quan trọng và phức tạp.

Trong làng văn, hình như cổ thói quen nhìn bộ môn tiểu thuyết bình dân đăng báo với con mắt rẻ rúng. Chúng tôi thiết tưởng đã đến lúc chỉnh đốn sai lầm này để có một thái độ xây dựng hay ít nhất thông cảm hơn.

Đến đây, chúng tôi đã điem qua các truyện dài, truyện ngắn, xem xét một số đặc điểm tình hình tiểu thuyết năm 1962, thiết tưởng đã đến

lúc nhìn tổng quát tình hình và kết luận.

..

Nhìn chung tình hình tiểu thuyết trong năm 1962, người ta thấy vui với một cảm tưởng về sự sang giàu, phồn thịnh.

Hẳn rằng chưa bao giờ các truyện ngắn, truyện dài, tùy bút, tạp văn được xuất bản nhiều như thế. Và cũng chưa bao giờ người ta chứng kiến thái độ quan tâm như thế của giới yêu chuộng văn nghệ đối với các tác phẩm.

Tuy nhiên nếu đi sâu vào sự phồn thịnh ấy để tìm ý nghĩa, nội dung, người ta sẽ nhận rằng niềm vui kia có chiều hướng tương lai và mầm xanh hứa hẹn trong rừng văn đáng kể hơn là hoa khai, quả chín.

Chiều rộng của tiểu thuyết có phần phát triển nhưng chiều sâu như dừng lại ở một giới tuyến vô hình chấp chờn bóng dáng cái Ta đối lờ, dễ dãi.

Nội dung, đề tài hầu hết quay về dĩ vãng, ngoại trừ vài tác phẩm như *Chị em*

Hải của Nguyễn Đình Toàn. Nếu có những người như *Doãn Quốc Sỹ, Đỗ Thúc Vịnh* hay *Võ Phiến*, trân trọng quay về dĩ vãng để vẽ, ghi cho các thế hệ mai sau những bóng dáng, sắc màu của thời đại lịch sử lớn lao, thì có khá nhiều người lưu luyến, nấn ná bên bờ dĩ vãng, với tinh thần trú ẩn, với mặc cảm của người không xa lạ gì với nhịp điệu sống lớn lao của hiện tại nhưng ngại ngùng gió sóng phiêu lưu.

Hiện tượng lạ nhất giữa tình hình tiểu thuyết xuất bản nhiều là tình trạng « đứng » của kỹ thuật sáng tác. Một số nhà văn có tên tuổi giữ nguyên phong độ. Vài cây bút mới có sự nở nở khiêm tốn của lớp người có mặc cảm trước những hào quang giá trị lập thành và cũng chưa quyết tâm bước những bước mạnh dứt khoát với nẻo cũ lối mòn.

Những ý nghĩa của hiện tượng nói trên càng đáng chú ý hơn. Hình như có một sự vội vàng xác nhận sự có mặt trên văn đàn. Có thể có thái độ bi quan: người ta

muốn nói lên tiếng nói cuối cùng trước khi thu mình trong quên lãng. Chắc chắn hơn là mùa thắng lợi của quân dân tranh đấu diệt thù đã gây cho người ta vui tin, hứng khởi đồng thời nhu cầu nói lên sự hiện diện của mình.

Điều đáng ghi nhận nữa là tác dụng khích lệ của Giải thưởng toàn quốc 1960-1961. Những tác phẩm được giải, đặc biệt như *Thềm Hoang* của nhà văn có nhiều triển vọng Nhật Tiến, đã được hoan nghênh về giá trị.

Cuối cùng, một số vấn đề liên quan đến tiểu thuyết đã được phát hiện, gợi sự lưu tâm giải quyết. Đây là một yếu tố hứa hẹn góp phần xúc tiến sự đi lên của bộ môn.

Người ta có thể thỏa mãn, tạm bằng lòng hay không vừa ý với tình hình tiểu thuyết năm 1962. Nhưng có lẽ ai cũng hy vọng rằng cảnh tượng phồn thịnh về truyện ngắn, truyện dài trong năm qua báo hiệu một sự chuyển mình lớn lao, sâu xa hơn của bộ môn vào năm mới.

KIM TUÂN

Nhìn lại một năm Thi Ca

NĂM qua — kể trong các bộ môn Văn Nghệ — bộ môn Thơ là bộ môn mà chúng ta không thể nào phủ nhận được sự hoạt động rộn ràng của nó. Sự hoạt động rộn ràng này mặc dù nó không có nghĩa là sự hoạt động để tìm đến một chuẩn đích hay mở tầm khai phá mới cho Thơ, nhưng với cái triều sóng ồ ạt của phong trào in thơ, xuất bản thơ ngày nay nó vẫn là một sự việc có thể mang đến cho chúng ta những niềm vui mới, những hy vọng mới không thể nào chối cãi được.

NÓI về những cố gắng mới, những cuộc cách mạng mới để đi đến chỗ cải hóa toàn diện thi ca Việt mà chúng ta vẫn hằng ghi nhận và đã khiến cho chúng ta có bao nhiêu lần hy vọng, bao nhiêu lần tin tưởng đó, hiện tại nó vẫn là những sự thể

hiện điều hòa để đi tới — một sự đi tới không cùng.

Ý thức sáng tạo Thi Ca

NHƯ chúng ta đã biết, vì ngày nay trên địa hạt này, chúng ta đang cố chấp

nhận đủ mọi khuynh hướng, đủ mọi hình thức để đi tìm, để khai phóng, cho nên Thơ đã gây nên bao nhiêu ngỡ ngơ, bao nhiêu ngại ngùng cho những người yêu thơ, yêu văn điệu trầm buồn xưa, cũ. Gần đây, có một số người trong chúng ta đã tỏ thái độ giận hờn vì tính cách muốn đốt giai đoạn cải hóa thi ca của một vài nhà Thơ giàu nhiệt huyết, giàu lòng yêu cái « hay » của mình, đã bỏ quên một số lớn quần chúng tiếp nhận thi ca chưa kịp đi sát với sự « Tiến bộ » của họ, chưa kịp tìm hiểu cái sự biến cải bạo tàn kia nó sẽ đi đến đâu và tới chân trời nào. Có một điều ở đây — nó là sự thật — chúng ta phải can đảm, phải chịu lấy sự đau khổ hiển nhiên mà nhận rằng chúng ta vốn thật lạc hậu, nhưng sự lạc hậu này không phải là điều tủi nhục. Sự tủi nhục của chúng ta là sự tủi nhục chúng ta không tìm thấy được chúng ta, không có thành tâm và thiện ý để đi đến một sự biến đổi đồng nhất, hoàn toàn. Ở lãnh vực thi ca cũng như ở những lãnh vực khác, sự tiến bộ

không phải là công việc làm của một giai đoạn, của một hình thức, mà chúng ta cần phải đòi hỏi thời gian, đòi hỏi sự chịu đựng và sự uyển chuyển thoát ra những phiền toái cũ, những văn điệu, những cú pháp, những cổ lệ của Đường thi buộc ràng chúng ta từ bao nhiêu đời rồi. Chúng ta yêu nguồn thơ mệnh mang nuôi trong lòng chúng ta từ thuở nhìn thấy đất trời, từ thuở được nghe mẹ ươm vào tâm hồn lời ru tha thiết, cho nên ngày nay tình cảm của chúng ta là bài thơ dài vô tận — Bài thơ đó chúng ta có hoài vọng nuôi lấy và gây dựng cho nó lớn khôn nên mới bỏ công đi tìm, khám phá và chăm sóc nó như đóa hoa trong một chậu kiềng phải nâng niu từ khi nảy lá, đơm chồi.

Vì thơ là tâm hồn cho nên người làm thơ cố đi tìm bắt lấy tâm hồn mình, tìm bắt những xao động thoát chợt hiện rồi tàn đi nhanh như cơn gió thổi qua. Chúng ta thật không lấy gì làm lạ là tại sao ở xứ ta ngày nay lại

có nhiều người làm thơ như vậy, tại sao ai cũng có thể trở thành thi sĩ vì chúng ta đã thâm biết trong tâm hồn chúng ta, trong mỗi người chúng ta, tự nhiên đã có một sự đột biến của thơ trong cuộc đời, trong ý nghĩ hằng ngày mà chúng ta tiếp nhận. Dân ta vốn mang lấy nguồn cảm dồi dào, giàu tưởng tượng chứ ít thực tế. Sự tưởng tượng nuôi dưỡng lâu ngày bộc phát thành thơ, thành những cuồng vọng thoát ra thành lời — đó là Thơ, là tâm hồn chúng ta đó rồi. Thơ như tấm kính chúng ta có thể soi được những ý thâm mơ ước của chúng ta vậy.

Mấy lúc sau này có rất nhiều thơ được gửi đăng ở một vài tạp chí, nhật báo và các tuần san. Có rất nhiều thơ được in ra, có rất nhiều thi sĩ, nhưng sự thật khi kiểm điểm lại thì rất hiếm người có đủ khả năng mang cái « nhân hiệu » Thi sĩ có thể... trình tòa. Ở trong tình trạng này, có một vài người quan tâm đến nền văn hóa nước nhà đã cho rằng đó là

một sự hỗn độn trong thi ca chưa bao giờ thấy phát hiện rộn ràng như lúc này, nhưng cũng có nhiều người cho rằng đó là một triệu chứng đáng mừng, một triệu chứng của sự chuyển mình thay đổi sắp đi đến cái đích hoàn mỹ của nó. Nhưng riêng tôi, tôi nghĩ đó là những sự làm việc thiếu chuẩn bị, một sự đòi hỏi thỏa mãn dục tính của một số đông muốn đứng vào hàng ngũ văn nghệ hiện tại. Lẽ cố nhiên chúng ta không thể trách cứ ai hết. Mỗi người đều có cái hay của họ để bào chữa, để che dấu « dục vọng » của mình. Chúng ta chỉ thâm trách những người làm việc thiếu dẫn đạo, thiếu chuẩn bị và suốt cả đời họ chỉ nghĩ đến một thứ đại danh từ nhân danh : TÔI.

Cố điều trong đợt sóng mới dạt dào của phong trào in thơ ngày nay chúng ta còn tìm gặp được những bông hoa đẹp, có sắc thái đặc biệt của nó và có rất nhiều hứa hẹn ở trong tương lai đang đón chờ. Họ là những nhà thơ trẻ, những nhà thơ có

mang trong tâm huyết những khát khao, những đam mê, những hiện tượng tiêu biểu cho lứa tuổi của họ, của đời sống họ, của những băn khoăn tìm kiếm và những giận hờn mang nặng vì tuổi trẻ của họ là mộng mơ, là sự thực quá xa vời.

Một chuyên hướng mới

NGÀY nay chúng ta phải thành thật mà xác nhận rằng nền thi ca Việt của chúng ta đang đi đến giai đoạn chuyển mình để vượt ra, để vượt ngã những tầm khuôn sáo ngày xưa. Những nhà thơ mới đang cố tạo cho thơ mình một bản sắc đặc biệt một hiện tượng triết thuyết hay một chứng tích cho thời đại chúng ta sau những biến thiên của các cuộc chiến tranh hủy phá ngày trước. (Đệ nhị thế chiến và 10 năm tranh đấu với thực dân sau này). Thơ như tâm hồn con người, vì tự nó, nó đã có mang lấy những ý nghĩ của chúng ta, những hiện trạng của xã hội

cho nên về sau này các chiều hướng thơ đều ngã về suy tưởng, về một thể tài đồng nhất gần như là một thứ thơ tự do có mang lấy một ít nhạc điệu của ý tình. Chúng ta vốn là những người tình cảm, chúng ta đều tiếp nhận, tuy nhiên trong lãnh vực thi ca hiện nay còn có một số người — chắc là số ít — vì muốn lợi dụng những nguyên tắc tất yếu trên đã tự mình dẫn đi quá xa, đã tự lừa dối mình bằng cách cố bao cho thơ mình cái vỏ trí thức, cái vỏ triết học nhằm chán với một mớ danh từ tra cứu quá cầu thả cho đến nỗi trở thành một thứ thơ kỳ quặc lạ lùng một cách không thể nào ngờ. Nhưng tôi tin chắc có một ngày nào đó tự họ, họ sẽ giác ngộ và họ sẽ đi tìm để trở về với thơ thật sự, trở về với những hình thức biến đổi có mới mẻ nhưng không đến nỗi bạo tàn, không phải đốt giai đoạn bằng cách học đòi, tra cứu trong các thi phẩm của P. Eluard, J. Prévert v.v... Ý thức được điều này, tất nhiên sự đòi hỏi nơi các tác giả một mức phục thiện tối

thiếu và một điều cần thiết khác nữa như sự tự biết mình, tự biết cái cá nhân mình đặt nằm trong toàn thể không phải là một điều không quan hệ. Chúng ta vốn có rất nhiều kỳ vọng, có rất nhiều ý hướng tìm đến sự thiện mỹ hoàn toàn, cho nên chúng ta không hồ thẹn, không dẫn đo, không rụt rè ẩn núp trong cái vỏ cầu an trốn hèn.

Sự góp mặt trên thị trường

BÂY giờ trở lại với thơ trong một năm qua, chúng ta phải thành thực mà nói năm Nhâm Dần qua rồi là năm « được mùa » nhất của Thơ.

Nếu có một chút ít thì giờ rảnh rỗi nào đó, khi dạo qua các hàng sách sự ngạc nhiên của chúng ta đầu tiên sẽ không khỏi là sự ngạc nhiên khi nhìn thấy các ấn phẩm Thi Ca bày nằm la liệt trên các quầy hàng. Thơ năm rồi được in ra như những sự

cần thiết không thể chối bỏ, như những nụ hoa bùng nổ sau một thời gian dài ấp ủ trong cành lá che đậy kỹ càng. Trong 12 tháng qua mà đã có hơn 20 tập thơ được cho in ra đời liên tiếp. Trong số này cũng có một vài nhà thơ có tên quen biết trong giới hay đọc báo, cũng có vài nhà thơ lạ chưa quen mặt biết tên. Tất cả hơn 20 nhà thơ đó gồm đủ các lớp tuổi: già có, trẻ có, tuổi sồn sồn cũng có. Sự kiện này khiến cho người ta nghĩ đến những ngày hội vui, những bà già luống tuổi làm dáng vụng về, những trẻ thơ tập tễnh, những cô nàng thẹn thùng mà cũng ham thích vu vơ. Có nhiều người in thơ vì muốn ngắm xem lại cái quá khứ của mình có tàn tạ đi không, có người in thơ vì muốn cho đời biết mình và cũng có người vì một mơ danh vọng hão huyền v.v... Tựu trung, năm rồi mặc dù có rất nhiều tập thơ in ra, có rất nhiều tập thơ bán chạy nhưng cái phẩm chất tìm thấy trong nội dung tác phẩm thì lại không có gì đáng đề cập đến. Tất cả đều

nằm trong một cái ước lệ khuôn mẫu: Tình, nước mắt và vu vơ ngay tự chúng mình. Trong số thơ được phát hành năm rồi bên cạnh những cái tên mới có một vài tác phẩm, mới đăng báo một vài lần, nhóm họp, diễn thuyết ở một vài nơi văn nghệ người ta còn đọc thấy tên của các cụ nhà thơ tuổi lão thành đã có địa vị trong làng thơ hiện nay như: Vũ Hoàng Chương (thi phẩm «Trời một phương»), Nguyễn Vỹ (thi phẩm «Hoang vu»), Bút Trà (thi phẩm).

Về trường hợp Vũ Hoàng Chương thì kể ra cũng không có gì phải nói đến từ mấy năm nay rồi họ Vũ vẫn cho ra thơ đều đều như vậy. Hết nhị thập bát tú rồi đến tái bản thơ say, thơ cũ, Ông là người chịu khó in thơ nhất vì cái dĩ vãng oanh liệt của ông không làm sao ông để cho xóa mờ được, ông phải góp mặt và cho bọn trẻ biết mình còn đầy đủ sức sáng tạo.

Thứ đến trường hợp Nguyễn Vỹ thì khác, ông là

người có bầu nhiệt huyết của tuổi trẻ, có sự hăng say làm việc của tuổi trẻ. Ở tạp chí «Phổ Thông» do ông chủ trương, thỉnh thoảng người ta vẫn được đọc thơ của Nguyễn. Ông làm thơ đủ các hình thái: hết thơ sắp hàng rồi đến thơ hình thoi, thơ hai chữ v.v... Thi phẩm «Hoang vu» của ông là một tập thơ góp nhặt lại những bài thơ làm lâu nay, những bài thơ đã đăng ở tạp chí «Phổ Thông» của ông một đôi lần, không mới lạ. Sau ông Nguyễn Vỹ còn có một nhà thơ đã lớn tuổi năm nay không in thơ mà cho in sách kể những kỷ niệm xưa với các nhà văn hóa có tiếng, các cụ chính trị gia và các cụ có địa vị trong ngành văn hóa, đó là ông Bằng Bá Lân. Việc làm của nhà thơ họ Bằng mới đây cũng có gây một vài ngạc nhiên trong giới văn nghệ. Có nhiều người còn nhớ đến «Tiếng vông đưa» của ông chợt có cái vẻ hối tiếc, ngậm ngùi.

Sau hết phải kể đến những nhà thơ mới, những tác giả mới, những tác phẩm cho in

ra và phát hành âm thầm không có một tiếng vang. Ngày nay giới làm thơ rất nhiều, ai cũng công nhận đợt sóng thi ca năm nay như những ngày bão nổi ngoài khơi thăm, có đợt sóng to lớn, ồ ạt và cũng không thiếu những đợt sóng nhỏ bé bị cuốn khuất đi trong những trận gió cuồng. Tuổi trẻ mang đầy những ước mơ, những hy vọng cho nên thơ họ là cuộc đời và tất cả đều nói về cuộc đời của họ, về những đắm say của họ trong tâm hồn.

Ngoài những cái tên quen biết như *Bùi Giáng* với *Mưa Nguồn* mang những ước vọng âm thầm riêng của anh, người ta còn phải kể đến *Hoài Khanh* với thi phẩm «*Thân phận*» mang lấy những ý thăm túi cực về kiếp con người, *Kiên Giang* với *Hoa trắng thổi cài trên áo tím*, thật thà, đôn hậu, mang trọn vẹn tâm hồn mình vào thơ, *Mai Trung Tĩnh* và *Vương Đức Lệ* (hai nhà thơ vừa trúng giải thưởng văn chương toàn quốc cho riêng hai năm 60-61) với «*Ngoài*

vườn địa đàng» và «*Đường lên thiên thai*» vẫn có những nét thơ cũ ngoại trừ một ít cảm xúc mới và một ít đổi thay khuôn khổ của tập thơ, rồi tiếp đến *Huy Lực* với *Dạ hội mùa Xuân* lõe loẹt, thường thường một giọng như những bài thơ đã đăng ở BK, *Hoài Thương* với thi phẩm *Bi Ca* quá mỏng, với những vần lục bát đều đều thật không có gì hoa mỹ và vượt lên những ý tình vòng quanh ngày tháng lạnh lùng. Cuối cùng là những tác phẩm như *Luống biển* và *Tâm sự người đi biển* của *Hữu Phương*, thi phẩm *Chuyện của nàng* của *Diên Nghi*, *Tuổi tình yêu* của *Hải Phương*, *Chuyện chúng mình II — III* của *Nhất Tuấn*, *Hoa thề* của *Lê Minh Ngọc*, *Thơ Tuệ Mai* của *Tuệ Mai*, *Tuổi đời* của *Ninh Chữ*, *Tình xứ Mỹ* của *Ngũ Yên*, *Em đốt lá rừng* của *Lê Văn Tất* v.v... đều là những tác phẩm có một phẩm lượng đều nhau, không có gì lạ và đều quay về với cuộc sống riêng tư của chính người làm thơ hiện tại. Những tập thơ khác, những tập thơ cũng được mang ra

trình bày vội vã quá hấp tấp sau này đều là những tập thơ thường không có gì mới lạ.

Tóm Luận

TÓM lại, năm con cọp vừa qua, sau giải thưởng văn chương toàn quốc được trao tặng đến tay các tác giả, sau những đợt xuất bản đều đều trong ngành thi ca của chúng ta vừa qua, sau những

tiến bộ mới của các nhà thơ mới đang cố vươn lên để vượt ra khỏi những phiền toái cũ, để cố tạo cho thơ một sắc thái mới dù sao cũng gây cho chúng ta nhiều tin tưởng mặc dù hiện tại chúng ta đang phải đương đầu với những khó khăn mới, đang phải cam go chiến đấu với nhiều thứ giặc đang còn ngấm ngấm phá hoại miền đất mền thương của chúng ta hiện giờ.

KIM TUẤN

Ngành điện ảnh năm 1962

- ★ 1962 : Năm chồi dậy với nhiều hoạt động tích cực song phẩm và lượng không đồng nhất với nhau.
- ★ Soạn phẩm ca kịch dùng làm phương tiện hồi sinh. Trung Tâm Điện Ảnh sản xuất những cuốn phim tài liệu có giá trị.

Nhận định tình hình chung

Ở những năm trước, công việc tổng kết tình hình ngành điện ảnh Việt Nam trong năm làm tôi ái ngại vô cùng. Không phải vì không nắm vững tình hình, vì thiếu tài liệu hay vì một vấn đề nào khác mà chỉ vì bộ môn này thiếu mất thành tích

hoạt động của nó. Đối với một ngành nào ít hoạt động quá hoặc không có sinh hoạt gì cả thì người ta không thể nào ghi nhận thành quả của nó được. Điện ảnh Việt Nam trong một vài năm về trước, lâm vào tình trạng bất thường đó. Người ta chỉ còn một công việc hết sức tiêu cực là vạch ưu khuyết điểm và tìm hiểu nguyên nhân căn

bệnh để áp dụng mọi biện pháp chấn hưng, phát triển ngành điện ảnh. Đó là thời kỳ các điện ảnh gia Việt Nam hoặc mò mẫm tiến bước hoặc âm thầm giải nghệ, chuyển phim trường, phòng tối, phòng thí nghiệm... về hướng hoạt động khác (chuyển âm phim ngoại quốc, phụ đề Việt ngữ v.v...) và những người có trách nhiệm, có thiện chí dốc tâm trí vào một dự án kế hoạch đại qui mô cho tương lai điện ảnh nước nhà.

Ở giai đoạn đó, báo chí không nắm được con số kết quả của điện ảnh trong tay nên chỉ làm công việc thuộc quyền hạn và sở trường của mình là trình bày quan điểm nhận xét của mình về hiện trạng điện ảnh tê liệt, tìm hiểu nguyên nhân chậm tiến, vạch trần những nguyên nhân, những trở ngại quan trọng và đề nghị một giải pháp cứu nguy. Tôi đã từng làm công việc ấy và nhận thấy nó đã không là vô bổ đối với phong trào phát triển bộ môn nghệ thuật thứ bảy trong thời gian qua. Giữa một hiện tình điện ảnh thiếu quá trình hoạt động tích cực,

tổng kết tình hình chung trong năm là một việc có phần tẻ nhạt, khó khăn đối với mọi người. Tuy nhiên đó là chuyện của quá khứ ở những năm về trước.

Ở năm nay, năm Nhâm Dần, tôi thấy lòng mình đổi khác khi bắt tay vào việc tổng kết cuối năm ngành điện ảnh Việt Nam. Bởi vì trong năm qua, bộ môn này đã làm được nhiều việc đáng lưu ý nghĩa là nó có một quá trình hoạt động, thu hoạch nhiều thành quả khả quan. Nhìn vào con số phim sản xuất, căn cứ vào sinh hoạt của các hãng phim lớn, nhỏ, các nhóm điện ảnh « tài tử », Trung Tâm Điện Ảnh và của các diễn viên màn bạc, người ta dám quả quyết rằng ngành điện ảnh Việt trong năm qua đã làm được một cái gì. Nó vừa thực sự thức tỉnh sau một giấc ngủ dài mé mang ! Sự thức tỉnh ấy dù chưa phải là của một người khổng lồ làm vang động khiếp đảm mọi người, nó chỉ là của một con bệnh trầm kha hay của một đứa bé yếu đuối. Song đã là một sự đáng mừng, một tia hy vọng rồi

thăng vào tương lai của bộ môn nghệ thuật bé bỏng này. Có theo dõi quá trình hoặc lịch sử của điện ảnh Việt, người ta mới ý thức được mức thăng trầm của nó và mới định mức so sánh được phẩm lượng giữa cũ và mới của giai đoạn trước và sau. Và có như thế, người ta sẽ đặt thành vấn đề cảm thông với cái hiện tại tương đối của những cuốn phim, đã xuất hiện trong năm. Một sự đòi hỏi quá mức chỉ đem lại thất vọng, chán chường đối với giá trị nghệ thuật của phim ảnh Việt. Tôi chưa nói đến sự so sánh (nông nổi) phim Việt với phim ngoại quốc. Chỉ có một sự chấp nhận cái hiện tại với niềm ngưỡng vọng ở tương lai tốt đẹp cộng thêm nỗ lực cải tiến, chỉnh tu về mọi mặt mới hy vọng duy trì hoạt động của ngành điện ảnh rồi thúc đẩy nó tiến lên đến chỗ toàn thiện, toàn mỹ như mong muốn.

Gần 10 cuốn phim đã ra mắt và còn đang trong thời kỳ hoàn bị phần kỹ thuật chứng minh được sức hoạt động của phim ảnh Việt Nam

trong năm nay nếu ta đem so sánh với con số không ở những năm qua và với một vài cuốn phim đem ra chiếu ở những ngày tàn của năm 1961. Ở đây, tôi không mở xé phần kỹ thuật điện ảnh hay nhận xét giá trị nghệ thuật của số phim đã chiếu mà chỉ nhìn vào số lượng phim đã tung ra ngoài thị trường để trình diện với mọi người bộ mặt linh động của ngành phim ảnh Việt trong năm. Nếu phải đề cập đến lĩnh vực kỹ thuật, thì có lẽ bạn đọc cũng như tôi kết luận rằng còn lâu lắm phim Việt nói chung mới làm thỏa mãn cảm quan điện ảnh của chúng ta. Cho nên nỗi vui mừng của con người thiết tha với tiền đồ điện ảnh Việt Nam chỉ mới có một nửa; một nửa còn lại dành cho cái ngày — còn xa xôi lắm — bộ môn này vươn đến mức trưởng thành.

Xu hướng hoạt động điện ảnh

A — Phóng tác Tuổi Cải Lương

Có lẽ ở mỗi thời kỳ hồi tỉnh, điện ảnh Việt Nam có

một xu hướng hoạt động riêng biệt. Người ta còn nhớ trước đây, vào thời kỳ hồi tỉnh thứ hai, phim ảnh đi vào kho truyện tình sử cổ tích Việt Nam. Hầu hết phim đều phóng tác theo truyện đời xưa truyền khẩu hay trong sách vở như: Lục Vân Tiên, Lý Chân Tâm Cởi Cui, Thạch Sanh Chém Chằng, Phật Bà Quan Âm, Lâm Sanh Xuân Nương, Chàng Ếch Chàng Nhái v.v... Tuy mới đầu cũng có khán giả song số phim loại «trẻ cóc» ấy không làm tiền được ngành điện ảnh nếu không nói rằng chúng làm cái công việc chứng minh trình độ chậm tiến, lạc hậu của bộ môn nghệ thuật này. Dư luận báo chí, khán giả đã lên án rất gắt phong trào điện ảnh hóa cổ tích, tình sử đó.

Sau giai đoạn đó, có người muốn rẽ sang một chiều hướng hoạt động điện ảnh khác là quay phim tường cải lương. Cuốn phim cải lương đầu tiên «Tình yêu Tổ Quốc» bị tẩy chay một cách tàn nhẫn, khai tử dự định điện ảnh hóa tường cải lương ngay trong thời kỳ trứng

nước. Từ đó, điện ảnh trở lại bệnh cũ, nằm liệt suốt một thời gian dài. Thời kỳ hồi tỉnh thứ ba chớm mào với một vài cuốn phim vô tên tuổi như «Oan ơ Ông Địa» của Thái Thúc Nha và «Mưa lạnh hoàng hôn» của Nguyễn Long. Qua đến đầu năm 1962, điện ảnh Việt mới thực sự chuyển mình trỗi dậy. Nhưng lại trở về dự định điện ảnh hóa tường cải lương. Các điện ảnh gia rút kinh nghiệm thất bại của cuốn phim «Tình yêu Tổ Quốc», họ không đại khờ làm công việc quay trực tiếp một tường hát trình diễn trên sân khấu (Théâtre filmé) mà họ khôn khéo làm công việc phóng tác một soạn phẩm ca kịch có tiếng là «ăn khách». Thí nghiệm của phim «Bể Bàng» (phóng tác vở tường «Nửa Đời Hương Phấn» của 2 soạn giả Hà Triều Hoa Phượng) đem lại thành công tài chánh khả quan cho hãng phim Alpha của Thái Thúc Nha. Về mặt nghệ thuật của nó có khá hơn phim T.Y.T. Q. (!). Một xu hướng hoạt động điện ảnh mới được tung ra và được các hãng

phim khác đua nhau theo đuôi. Say men chiến thắng của cuốn phim cải lương đầu tiên, hãng Alpha phim tiếp tục điện ảnh hóa soạn phẩm thứ hai của H.T.H.P. là vở « Mưa Rừng » với một số vốn « vĩ đại » hơn. Ông Thái Thúc Nha lại mua luôn một vở tuồng khác của soạn giả Hoàng Khâm là vở « Vụ Án Song Hôn » (sắp sửa quay). Trong lúc đó hãng Mỹ Vân thực hiện 3 phim cải lương khác là « Đò Chiều » (phóng tác vở « Lữ Bức Sang Ngang » của Thu An và Hoàng Khâm) (thành công về tài chánh bằng với phim Bê Bàng), phim « Con Gái Chị Hằng » (phóng tác tuồng của Hà Triều Hoa Phượng, bị thất bại nặng nề) và phim « Đôi Mắt Huyền » (phóng tác tuồng cải lương loại Nhật Bồn của Phong Anh, Yên Trang), bị thất bại nhiều hơn hết. Rồi đến nhóm Hoàng Anh Tuấn hợp tác với 2 chủ Khải Hoàn, Việt Long điện ảnh hóa vở hát cải lương của soạn giả Thái Thụy Phong thành phim « Hai chuyến xe hoa ». Riêng phim này được quảng cáo rầm rộ và thành

phần diễn viên có tên tuổi, gặt hái được thành công tài chánh khả quan.

Như thế, người ta nhận thấy rằng điện ảnh Việt trong năm qua đã theo một xu hướng hoạt động là : điện ảnh hóa ca kịch phẩm. Có phim thành công, có phim lại thất bại nên người ta chưa có thể quả quyết sự thành bại của xu hướng hoạt động điện ảnh này, nhưng có thể nói thẳng một điều là các điện ảnh gia vay mượn sự « ăn khách » của tuồng cải lương để làm phương tiện hoạt động cho ngành điện ảnh ở thời kỳ mới thức tỉnh sau một giấc ngủ dài lâu. Có thể đó là một nhu cầu giai đoạn của một kế hoạch đại qui mô và cũng có thể đó là một lối tắc đi ra một đại lộ thênh thang dài thăm thẳm. Người ta không cho đó là cứu cánh mà chỉ là phương tiện của điện ảnh Việt hôm nay mà thôi. Tôi sẽ nói đến điểm : nên hay không nên điện ảnh hóa tuồng cải lương ở phần kế hoạch hoạt động.

B — *Phóng tác Tiểu Thuyết*

Không phải tất cả các hãng phim, các điện ảnh gia đều chạy theo xu hướng điện ảnh hóa tuồng cải lương. Có một số nhà làm phim ý thức được giá trị của một cuốn phim trên căn bản nghệ thuật điện ảnh nên từ chối việc điện ảnh hóa tuồng cải lương (bị người đời cho một mặc cảm tự ty) mà quay sang phóng tác tiểu thuyết của các nhà văn tên tuổi. Đầu tiên có Ông Nguyễn Văn Liêm Giám đốc hãng Liêm Films đưa lên màn bạc tiểu thuyết «Đôi Mắt Người Xưa» của nhà văn Ngọc Linh với một số vốn lớn, với một kỹ thuật tân tiến (đạo diễn ngoại quốc người Nhật, phương pháp đại vĩ tuyến, thu thanh tại Pháp v.v...) và với một ê kíp diễn viên có tên tuổi (như Thanh Nga, Thành Được, Kiều Chinh, Lê Quỳnh, Xuân Dung v.v...).

Ông Thái Thúc Nha cũng không chịu lép, mua ngay bản quyền tác phẩm của nhà văn Thanh Nam «Đêm Buynh Đình», của Ngọc Linh «Nước mắt người đàn bà».

Ngoài ra hãng phim Việt Thanh cũng đã mua bản quyền một tiểu thuyết của Ngọc Linh để quay thành phim.

Theo tin tức gần đây nhứt cho biết thì một vài hãng phim khác và một số điện ảnh gia cũng đang âm thầm trù định một kế hoạch đưa lên màn bạc một số tác phẩm nổi danh của các nhà văn lão thành có tên tuổi.

C — *Phóng tác thoại kịch*

Trong lúc đó, ngành thoại kịch cũng được điện ảnh giới dòm ngó tới. Tuy không rõ rệt và có kết quả cụ thể như bên ngành cải lương và tiểu thuyết song ngành thoại kịch cũng đã là đầu đề thảo luận của giới làm điện ảnh ở đây. Hai vở kịch đầu tiên, trước khi quay thành phim, đã gây thành dư luận là «Nhạc Lòng Năm Cũ» của Anh Lân và «Tiếng Nhạn Kêu Sương» của Nguyễn Đạt Thịnh. Chúng bị cấm quay thành phim vì 2 chuyện phim giống hệt nhau (cả hai đều phóng tác truyện tuồng của soạn giả Tư Chơi) nhưng cái đó

không quan trọng bằng việc Ông Phan Xuân Hóa (đề nạp kiêm duyệt 2 truyện phim đó) bị rút giấy phép sản xuất, cấm quay vì ông đứng môn bài sản xuất mà lại chuyên cho người khác mượn. (theo tài liệu của báo K.A.)

Câu chuyện của hai vở kịch này còn đang trong thời kỳ thảo luận giữa tác giả nhà sản xuất và chánh quyền nên khi tôi viết bài này, chưa ngã ngũ ra sao? Chúng có được phép quay thành phim hay không? Nếu những người đứng ra thực hiện hai vở kịch đó được Tổng Nha Thông Tin nâng đỡ bằng cách cấp giấy phép sản xuất thì 2 vở kịch đó sẽ được đem ra trước sân quay.

Ngoài ra, tôi cũng được tin bán chánh thức rằng: vở kịch thời đại « Những người không chết » của nhà văn Thái Thủy cũng đang được một nhóm điện ảnh gia thương lượng với tác giả để quay thành phim. Vở kịch « Thanh Cát Tư Hãn » của Vũ Khắc Khoan, « Bảo Thời Đại » của Trần Lê Nguyên và

một vài kịch phẩm lớn khác cũng có tin là được điện ảnh hóa.

D — Phim tài liệu và Truyện Phim sáng tác

Song song với phim chuyện của các hãng phim tư nhân, Trung Tâm Điện Ảnh của Tổng Nha Thông Tin trong năm qua cũng sản xuất được rất nhiều cuốn phim tài liệu giá trị. Ngoài số phim thời sự Việt Nam (phối hợp với USIS) chiếu hằng tuần trên các màn ảnh thủ đô — tiến bộ rõ rệt về kỹ thuật và nội dung — Trung Tâm Điện Ảnh sản xuất những cuốn phim tài liệu về Ấp Chiến Lược, về cuộc di cư của đồng bào Thượng ty nạn Cộng sản, đặc biệt và xuất sắc nhất là 3 bộ phim ngắn: « Quê Mẹ » (đạo diễn Lê Mộng Hoàng), « Chân Trời Mới » (đạo diễn Lưu Bạch Đàn) và « Cảnh Đẹp Miền Nam » (phim màu tài liệu, màn ảnh đại vĩ tuyến của đạo diễn Lê Hoàng Hoa).

Mỗi cuốn phim trên không quá 40 phút chiếu, phim cỡ 36 ly, nhưng rất có giá trị về

mặt kỹ thuật điện ảnh. Riêng cuốn phim «Cảnh đẹp miền Nam» là cuốn phim «Cinemascope» màu đầu tiên ở Việt Nam và thành công nhất, đánh dấu sự nghiệp đạo diễn và cầm máy của Lê Hoàng Hoa. Còn 2 phim chuyên tuyên truyền cho Quốc sách Ấp Chiến Lược «Quê Mẹ» và «Chân Trời Mới» là hai thành công lớn của nền điện ảnh Việt Nam, làm rạng rỡ sự nghiệp của hai đạo diễn Lưu Bạch Đàn và Lê Mộng Hoàng. Những cuốn phim trên, bỏ qua một bên nội dung và tác dụng của nó, có thể đem so sánh mà không thấy hổ thẹn với số lớn phim ngoại quốc ở trên mức trung bình. Tôi vẫn tiếc rằng chúng là sản phẩm của Trung Tâm Điện Ảnh mà không phải là của các hãng phim tư nhân; tôi muốn nói về mặt giá trị nghệ thuật và kỹ thuật điện ảnh của chúng.

Ngoài ra, Ông Nguyễn Văn Liêm, Giám đốc hãng Liêm Films cũng có quay một phim tài liệu cho binh chủng Không Quân thuộc Quân Đội Vệt Nam Cộng Hòa, phim «Phi đạn số 7» do tài tử Lê

Quỳnh và Linh Xuân đóng vai chánh. Cuốn phim quay được một đoạn đầu rồi bị bỏ dở. Một khoản tiền lớn đã chi tiêu vào cuốn phim tài liệu bất thành này.

..

Về loại phim truyện sáng tác — không phóng tác theo ngành nào — trong năm qua thật quá hiếm; trong số đó người ta thấy có phim «Nước Mắt Đêm Xuân» của Nguyễn Long đã chiếu nhưng bị thất bại nặng; phim «Thúy đã đi rồi» cũng của Nguyễn Long chưa chiếu, phim «Ảo Ảnh» của Alpha (đang quay), phim «Tơ Tình» của Hãng Mỹ Vân (đã quay và đã đem chiếu vào dịp Tết) với các tài tử như: Mai Ly, Thanh Thúy, Tâm Đan, Linh Đa, Ta Thoại Tân, Lý Cẩm Hương, Ngọc Phu, Bảy Nhiêu, Hữu Phước v.v...

Ngoài ra, hãng phim Huco cũng đã quay phim «Đứa Cháu Nội» với các diễn viên: Túy Hoa, Xuân Dung v.v... Kết quả nghệ thuật khá song không thành công về tài chánh bao nhiêu khi đem ra chiếu.

Người ta chờ đợi các cuốn phim truyện sáng tác ra mắt khán giả để xem nó có bằng hay hơn số lớn phim phóng tác không. Nhưng dù sao, trước con số phim quá hiếm hoi này, tôi cho rằng ngành điện ảnh của ta thiếu phần sáng tạo cần thiết của nó (!)

E — *Phim Ngoại Quốc quay tại Việt Nam*

Số phim ngoại quốc thực hiện ở Việt Nam rất ít từ trước tới nay. Không hiểu vì lý do bối cảnh Việt Nam không thích hợp, không ngoạn mục hay vì xứ nhỏ bé này chưa được giới làm phim quốc tế khám phá ra mà có sự kiện ít ỏi như vậy? Tổng cộng lại người ta có thể đếm số phim ấy trên đầu ngón tay. Tôi còn nhớ tên một số phim như « Mort en Fraude », « The Quiet American », « Transit à Saigon », « Years of Tiger », « Rivière des Trois Jonques »...

Chỉ có phim « Mort en Fraude » có chiếu ở Saigon, còn các cuốn phim khác chưa đem sang chiếu ở Việt Nam hoặc không được phép chiếu

ở đây. Riêng trong năm nay hai phim « Transit à Saigon » do ông Vĩnh Noãn thực hiện với sự phối hợp của một hãng ngoại quốc Les Films de l'Olivier và Cères Films, và phim « Years of Tiger » của ông Thái Thúc Nha hiệp tác với đạo diễn Marshall Thompson của hãng phim Kingman Productions (9550 Beverly Hills Hollywood) có lẽ sẽ được đem chiếu trên màn bạc vào dịp Tết Nguyên Đán.

Những cuốn phim sản xuất hỗn hợp Pháp Việt, Mỹ Việt này thực hiện với số vốn vĩ đại, hằng chục triệu đồng, lấy bối cảnh Việt Nam, dùng chuyên viên điện ảnh Việt Nam và mượn ngay tài tử Việt đóng vai chánh, phụ bên cạnh các diễn viên nổi tiếng ngoại quốc. Phim « Transit à Saigon » có sự cộng tác của Cô Linh Xuân bên cạnh nam tài tử Pháp Pierre Massimi còn phim « Year of Tiger » do đạo diễn kiêm tài tử chánh Marshall Thompson đóng với sự góp mặt của các tài tử Việt như : Kiều Chinh, Ngọc Phu, Mỹ Tín, Lê Văn, Hoàng Vĩnh Lộc v.v...

Mỗi lần có một hãng phim ngoại quốc đến quay tại Việt Nam với tính cách độc lập hay phối hợp là mỗi dịp tốt để cho chuyên viên, tài tử học hỏi thêm kinh nghiệm. Người ta mong mỗi Saigon sẽ có dịp đón tiếp rất nhiều hãng phim ngoại quốc trong năm tới để các điện ảnh gia Việt ở đây học được cái hay, cái khéo của xứ người.

Tài Tử Việt, xuất hiện trên màn ảnh trong năm

Diện ảnh Việt có dịp hoạt động trở lại là các tài tử Việt có dịp thi thố tài năng và phát triển sự nghiệp của mình. Ở Việt Nam, tài tử điện ảnh không sống chuyên nghiệp về đóng phim như ở ngoại quốc. Họ sống về những nghề khác như ca nhạc, công chức dạy học v.v... Một số khác lại từ các ngành khác bước sang như nghệ sĩ ca kịch.

Việc đó cũng rất dễ hiểu : điện ảnh hoạt động yếu, họ không thể theo đuổi nghiệp đóng phim của mình mà phải làm phụ thêm nghề khác để

sống. Đa số diễn viên màn ảnh ở đây làm việc có tính cách « tài tử » hơn là chuyên nghiệp. Có người một năm mới đóng một phim, có người lại nghỉ dài hạn.

Trong số tài tử được người ta chú ý nhất có: Kim Cương, La Thoại Tân, Vân Hùng, Thầm Thúy Hằng, Ngọc Phu, Mai Trường, Mai Ly, Nguyễn Long. Kim Cương là diễn viên đóng nhiều phim nhất trong năm. Hoàng Vĩnh Lộc cũng bắt đầu hoạt động mạnh trở lại trong năm nay.

Các diễn viên mới xuất hiện và được chú ý hơn cả có: Dạ Yến (trong Hai Chuyến xe Hoa và Quê Mẹ), nhà văn Hoàng Hải Thủy, Anh Sơn (trong Hai Chuyến Xe Hoa), Lam Phương (trong Quê Mẹ)...

Điểm nổi bật nhất của ngành điện ảnh trong năm nay là các nghệ sĩ cải lương xuất hiện trong nhiều phim Việt và làm ngạc nhiên giới ái mộ màn bạc là : Cô Thanh Nga (trong 2 phim « Hai Chuyến Xe Hoa », « Đôi Mắt Người Xưa » với một số tiền

công tra cao nhất từ xưa đến nay : 150 ngàn đồng cho mỗi phim). Sau đó có Thanh Thanh Hoa, Hữu Phước, Nguyễn Thành Châu, Bích Sơn, Nam Hùng, Thành Được, Bảy Xê, Bảy Nhiêu... Một điểm ghi nhận của số lớn đạo diễn là các nghệ sĩ ca kịch có thể bước sang ngành điện ảnh và rất có khả năng diễn xuất trước máy quay phim. Nghệ sĩ đáng chú ý nhất là Thanh Nga, điểm nhấn quan trọng nhất của số lớn hãng phim ở đây ; ngoài khả năng diễn xuất và sắc diện, Thanh Nga hay các nghệ sĩ ca kịch còn được cái lợi điểm là đã có sẵn tên tuổi rất... « ăn khách ».

Tóm Luận

Những kết quả mà tôi đã đưa ra ở trên chứng tỏ rằng ngành điện ảnh Việt Nam trong năm 1962 hoạt động rầm rộ hơn bao giờ hết. Đó là thời kỳ hồi sinh của con bệnh điện ảnh sau một thời gian mấy năm nằm tê liệt, bất động. Nhìn vào những thành quả đã thu lượm được, người ta chưa thấy đáng

lấy làm lạc quan về hiện tình cũng như về tương lai của nghệ thuật thứ bảy bởi vì nó còn mới mẻ quá và số phim đem ra trình chiếu chưa làm thỏa mãn sự đòi hỏi dễ dãi của giới ái mộ màn ảnh ở đây. Tuy so với ngày trước, trình độ nghệ thuật điện ảnh nói chung, những hoạt động phim ảnh đã qua hãy còn trong trạng thái mò mẫm chậm tiến. Tôi cho rằng so với mức độ tiến triển của nghệ thuật thứ bảy quốc tế hiện nay, ngành điện ảnh của ta bây giờ còn cần rất nhiều tháng năm dài với tất cả sự cố gắng, hy sinh cao đẹp của những điện ảnh gia, những hãng phim, của tất cả những người sống chết vì nghệ thuật điện ảnh. Tinh thần thương mại thủ lợi còn ràng buộc quá chặt chẽ, còn đè nặng ảnh hưởng trên việc làm của số lớn các điện ảnh gia thì người ta ít hy vọng có được loại phim hay, giá trị, xứng đáng tiêu biểu.

Tôi nghĩ rằng việc điện ảnh hóa tuồng cải lương không phải là cứu cánh của nền điện ảnh Việt Nam mà chỉ là phương tiện để khai phá con

đường đi còn nhiều gai gổc, trở ngại. Tôi cũng không quan niệm rằng xu hướng phóng tác ca kịch phẩm nhằm vào chủ trương thương mại của các điện ảnh gia và là nguyên tắc làm phim lâu dài, vĩnh viễn của họ nhưng đó chỉ là giải pháp có tính cách giai đoạn, nhứt thời mà thôi. Hơn nữa việc phóng tác tuồng cải lương không phải làm chậm tiến ngành điện ảnh, nếu các điện ảnh gia muốn làm thành một sản phẩm điện ảnh thực sự có giá trị với số vốn hợp lý, với thời gian thực hiện hợp lý và với chủ tâm phụng sự cảm quan tiến bộ của khán giả điện ảnh. Phóng tác một soạn phẩm ca kịch không phải là quay một tuồng cải lương mà chỉ vay mượn cốt chuyện, những tình tiết hấp dẫn của soạn phẩm và mượn sự « ăn khách » của một tuồng cải lương đã trình diễn thành công. Khi thành phim nó không còn là một tuồng hát nữa từ đối thoại đến cảnh lớp v.v... Nó là một cuốn phim, một cuốn phim phóng tác. Trong trường hợp này nó giống như ta phóng

tác một vở thoại kịch hay một quyển tiểu thuyết. Công việc của một điện ảnh gia là sáng tác truyện phim và nếu cần, phóng tác truyện phim chứ không phải chụp hình vở tuồng, một vở kịch hay một tiểu thuyết. Cái tài của điện ảnh gia là đem lại một giá trị thực sự của một sản phẩm điện ảnh. Kể bất tài thì dù có phóng tác một quyển « thánh kinh » cũng dở như thường chứ đừng nói gì đến ca kịch phẩm, thoại kịch phẩm hay một quyển tiểu thuyết trung bình.

Nhưng điều quan trọng hơn cả, theo tôi nghĩ, vẫn là tình yêu nghề nghiệp chân thành và là một việc làm vì nghệ thuật hơn là quá vì thương mại. Một câu nói tuy có nhằm chán nhưng ngàn đời vẫn là chân lý, vẫn là kim chỉ nam của công trình nghệ thuật có giá trị.

Tôi nói nhiều về việc phóng tác tuồng cải lương vì trong năm qua, điện ảnh Việt Nam quá chú trọng khai thác bên ngành sân khấu và nói không làm rằng : điện ảnh ở năm qua là một thứ điện ảnh cải

lượng không hơn không kém. Điều đó sẽ không đáng nói hay đáng trách nếu những cuốn phim vừa qua tương đối có giá trị điện ảnh. Tôi tin rằng sang năm tới, người ta cũng sẽ quay nhiều phim phóng tác ca kịch phẩm song chúng sẽ có giá trị hơn nhờ được thực hiện trong tinh thần mới, hiểu biết với phương tiện kỹ thuật, tài chánh, thời gian, chuyên viên... hợp lý!

Tóm lại, nhìn vào số phim đã chiếu và sinh hoạt của giới điện ảnh. Nguyên nhân thúc đẩy các hãng phim hoạt động mạnh là do nơi sự khan hiếm của các phim ngoại quốc và một vài cuốn phim Việt may mắn được «ăn khách». Người ta nghĩ đến việc sản xuất phim để cung ứng cho nhu cầu của khán giả và mức tiêu thụ của các rạp hát. Đó là động cơ thúc đẩy mọi hoạt động. Nhưng kết quả của một việc làm gấp rút không phải là một công trình mà chỉ là một sự thất bại chán chường. Những «Hai Chuyến Xe Hoa», «Con Gái Chì Hề», «Oan Ối Ông Địa» là những chứng

minh cụ thể cho một việc làm, làm phim ảnh, đốt cháy giai đoạn, tranh thủ thời gian và tranh thủ số chi tiêu thực hiện.

Tôi hy vọng rằng với cái đà hoạt động mạnh này, cộng thêm sự giúp đỡ của chính quyền ở mọi lĩnh vực và với tinh thần hiểu biết sáng suốt, lòng hy sinh tận tụy của các nhà làm phim, nền điện ảnh Việt Nam sẽ có cơ hội phát triển một cách tốt đẹp ở tương lai.

..

NHỮNG CUỐN PHIM ĐÃ QUAY TRONG NĂM 1962

Hãng Alpha :

1) «*Bế Bàng*», đã chiếu, phóng tác tuồng «*Nửa Đồi Hương Phấn*» của Hà Triều Hoa Phượng, tài tử chánh Kim Cương và La Thoại Tân.

2) «*Mưa Rừng*», đã chiếu, phóng tác tuồng «*Mưa Rừng*» của Hà Triều Hoa Phượng, tài tử chánh Kim Cương và Hoàng Vĩnh Lộc.

3) «*Vụ Án Song Hôn*», chưa quay, phóng tác theo tuồng

« Vụ Án Song Hôn » của Hoàng Khâm.

4) « Áo Ảnh », đang quay, truyện phim sáng tác của Alpha Films, tài tử chánh Kim Cương và Hoàng Vĩnh Lộc.

Hành Mỹ Vân :

1) « Đò Chiều », đã chiếu, phóng tác tuồng « Lữ Bức Sang Ngang » của Hoàng Khâm và Thu An; tài tử chánh Kim Cương, La Thoại Tân và Vân Hùng.

2) « Con Gái Chị Hằng », đã chiếu, phóng tác tuồng « Con Gái Chị Hằng » của Hà Triều Hoa Phượng, tài tử chánh Kim Cương, Vân Hùng và La Thoại Tân.

3) « Đôi Mắt Huyền », đã chiếu, phóng tác tuồng « Thuyền ra Cửa Biển » của Phong Anh và Yên Trang, tài tử chánh Kim Cương, La Thoại Tân và Thanh Thanh Hoa.

4) « Tơ Tình », đã chiếu, truyện phim sáng tác của Quốc Hưng — Lê Khanh, tài tử chánh Thẩm Thúy Hằng, La Thoại Tân, Mai Ly, Thanh Thúy v.v...

Liên Films :

1) « Đôi Mắt Người Xưa », sắp chiếu, phóng tác tiểu thuyết « Đôi Mắt Ngày Xưa » của Ngọc Linh, tài tử chánh Thanh Nga, Kiều Chinh, Lê Quỳnh, Xuân Dung và Thành Được.

2) « Phi Đạn Số 7 », đang dở, phim tài liệu quay cho Không Quân Việt Nam, tài tử chánh Lê Quỳnh và Linh Xuân.

Nguyễn Long Films :

1) « Nước Mắt Đêm Xuân », đã chiếu, truyện phim sáng tác của Nguyễn Long, tài tử chánh Nguyễn Long.

2) « Thúy đã đi rồi », sắp chiếu, truyện phim sáng tác của Nguyễn Long, tài tử chánh Nguyễn Long và Ngọc Hoa.

3) « Mưa Lạnh Hoàng Hôn », đã chiếu, truyện phim của Nguyễn Long, tài tử chánh Mai Ly, Nguyễn Long.

Hoàng Anh Tuấn :

1) « Hai Chuyến Xe Hoa », đã chiếu, phóng tác tuồng

«Hai Chuyến Xe Hoa» của Thái Thụy Phong, tài tử chánh Thanh Nga, Thành Được, Vân Hùng, Dạ Yến và Hoàng Hải Thủy.

Võ Văn Phát (rap Khải Hoàn) :

1) «Nhạc Lòng Năm Cũ», đang quay, phóng tác kịch «Nhạc Lòng Năm Cũ» của Anh Lân.

Hãng HUCO :

1) Đứa Cháu Nội, đã chiếu, truyện phim sáng tác của Huco phim, tài tử chánh Xuân Dung và Túy Hoa.



Ngoài ra hãng Việt Thanh cũng đã mua bản quyền tiểu thuyết «Nước Mắt Người Đàn Bà» của nhà văn Ngọc Linh để quay thành phim. Đến nay, người ta không biết cuốn phim ấy đã đi đến đâu và gồm có các tài tử nào.

Tổng cộng số phim đã chiếu, đang quay và sắp quay trong năm 1962 có tất cả 14 cuốn ; một con số đáng chú ý chứng tỏ trong năm qua nền

điện ảnh Việt Nam đã hồi sinh và hoạt động khá mạnh.



PHIM NGOẠI QUỐC QUAY TẠI VIỆT NAM

Có hai phim ngoại quốc quay tại Việt Nam trong năm qua hoặc lấy bối cảnh Saigon, các vùng phụ cận, hoặc câu chuyện xảy ra ở Việt Nam. Các phim đó là :

1 — *Transit à Saigon* : Sản xuất hỗn hợp Việt Pháp của ông Vĩnh Noãn và điện ảnh gia Jean Le Duc (của hãng phim Les Films de l'Olivier và Cères Films).

Với các tài tử : Pierre Massimi và Linh Xuân.

2 — *Year of Tiger* : Sản xuất hỗn hợp Việt Mỹ của ông Thái Thúc Nha (Alpha Films) và Marshall Thompson (Hãng Kingman Productions).

Với các tài tử : Marshall Thompson, Kiều Chinh, Mỹ Tín, Nguyễn Long, Mario Barri (nam tài tử Phi Luật Tân vừa tạ thế)...

THẠI TUẤN

Hội họa trong một năm qua

Để có một nhận định sắc đáng về sự tiến triển của bộ môn hội họa trong năm vừa qua, cần phải phân chia ra hai phần tách biệt :

Trước hết về phần tổ chức (những sinh hoạt nghệ thuật) và sau đó là sự tiến triển về phương diện sáng tác (những xu hướng và đường lối).

Tổ chức

NHÌN chung về mặt tổ chức, những cuộc triển lãm liên tiếp được mở ra trong suốt một năm qua đã gây nên được bầu không khí phấn khởi, hào hứng cho những người làm nghệ thuật cũng như giới thưởng ngoạn.

Mở đầu cho các cuộc tổ chức triển lãm trong năm vừa là phòng Triển lãm Mùa Xuân Nhâm Dần. Phòng triển lãm này trải qua những kinh

nghiệm tổ chức liên tục ở ba bốn mùa xuân trước, đã gây được uy thế và tín nhiệm đối với giới yêu nghệ thuật. Bởi vậy thành phần họa sĩ tham dự đã tiêu biểu đầy đủ mọi khuynh hướng.

Một cuộc trưng bày các tác phẩm nghệ thuật do trường Cao đẳng Mỹ thuật Saigon, và Huế cũng đã được mở ra tại tòa Đô Sảnh, với mục đích giới thiệu những sáng tác của các sinh viên trong hai trường.

Sau đó là phòng tranh của tổ chức hãng xăng Esso, với một số tranh gửi tới dự thi khá dồi dào. Rồi tới cuộc triển lãm quốc tế khá quan trọng dưới sự bảo trợ của ba vị Bộ trưởng: Ngoại Giao, Văn Hóa, Xã Hội và Giáo Dục. Cuộc triển lãm này quan trọng vì là lần đầu tiên ở Việt Nam có một tổ chức triển lãm nghệ thuật rộng lớn to tát như vậy. Cũng phải kể đến phòng triển lãm cuối cùng vào dịp lễ Giáng Sinh do Nha Mỹ thuật Học vụ tổ chức để chấm dứt các cuộc triển lãm công cộng trong năm.

Về các cuộc bày tranh cá nhân trong năm vừa qua cũng được mở ra đều đặn, phòng Triển lãm Thường trực của Văn Hóa Vụ ít khi bị để trống.

Sinh hoạt nghệ thuật trong năm Nhâm Dần còn một điểm đặc biệt là việc xuất bản hai cuốn sách về hội họa.

Cuốn thứ nhất là cuốn «Tìm hiểu về Hội Họa» do ông Đoàn Thêm biên soạn. Cuốn sách này là cuốn sách đầu tiên viết bằng tiếng Việt

nói về Hội Họa. Trong đó tác giả nghiên cứu kỹ lưỡng về kỹ thuật tạo hình, trình bày quan điểm các trường phái và giới thiệu với độc giả về đời sống của các danh họa. Cuốn sách biên soạn công phu, kỹ lưỡng đã góp một phần quan trọng trong những hoạt động về nghệ thuật. Cuốn sách thứ nhì là cuốn «Nghệ thuật Việt Nam hiện đại» do Bộ Giáo Dục ấn hành. Cuốn sách này giới thiệu nghệ thuật Việt Nam qua các ấn bản màu hoặc đen trắng do công phu sưu tập của họa sĩ Nguyễn Văn Phương.

Cũng còn phải kể đến những buổi nói chuyện và diễn thuyết về hội họa được tổ chức ở phòng Thông tin Mỹ, ở Đại học Văn khoa và Viện Quốc gia Âm nhạc.

Đó là tất cả những sinh hoạt nghệ thuật về khía cạnh tổ chức.

Sáng tác

VỀ khía cạnh sáng tác, về những đường lối và xu hướng nghệ thuật khác nhau thì trong năm vừa qua,

người ta nhận thấy nền hội họa Việt Nam đã có những tiến triển quan trọng và chuyển hướng rõ rệt. Số họa phẩm sáng tác theo xu hướng mới ngày càng nhiều. Đó là một bằng chứng cụ thể, mà những người thưởng ngoạn hằng lưu tâm đến vấn đề hội họa và thường theo dõi các phòng triển lãm đều nhận thấy. Nhưng, lý do nào đã thúc đẩy sự cự mình chuyển hướng đó ?

Nếu nhận định cho kỹ, thì chúng ta thấy có nhiều nguyên do : Trước hết là những năm trước đây, có một vài cuộc triển lãm giới thiệu những họa phẩm của các nước bạn ; như phòng tranh của Phi Luật Tân phòng triển lãm « Comparaison », phòng tranh họa của họa sĩ Nhật « Kazuo Kobayashi », phòng triển lãm « Họa sĩ Pháp hiện đại » và phòng triển lãm tranh Hoa Kỳ. Tất cả những cuộc bày tranh ấy đã gây sức động mạnh trong giới họa sĩ và ảnh hưởng tới quan niệm về thẩm mỹ của cả người thưởng ngoạn lẫn những người làm nghệ thuật ở Việt Nam.

Thêm vào đó, sự bắt đầu lưu ý của một số anh em văn nghệ trong những ngành sinh hoạt nghệ thuật khác. Nền báo chí cũng như các tạp chí văn học đã góp phần xây dựng bằng những mục phê bình nhận xét và thảo luận về hội họa.

Tất cả những hoạt động đó, đã giúp cho một số lớn họa sĩ xét định lại quan niệm về nghệ thuật của họ ; thúc đẩy họ phải học hỏi trau dồi về kiến thức cũng như kỹ thuật ; để có thể theo kịp đà tiến triển của phong trào nghệ thuật ở các nước ngoài.

Cũng còn phải kể đến ảnh hưởng của những sách vở tạp chí nghệ thuật của các nước và quan trọng hơn cả là một số họa sĩ tiên phong đã mở đầu cho phong trào tiến bộ gồm cả xu hướng có hình và không hình trong hội họa.

Người ta cũng không thể quên được sự khuyến khích tán trợ của giới yêu nghệ thuật và của chính quyền trong những giải thưởng hội họa ; mà đa số là những bức họa theo xu hướng mới đã

đoạt được (kể cả phòng triển lãm Mùa Xuân và phòng triển lãm Quốc tế).

Sự tiến triển ấy đã khích lệ rất nhiều cho những người làm nghệ thuật, và chắc chắn là không có một sức mạnh nào ngăn cản được bước tiến của nó.

Đó là xét về những nguyên do đã thúc đẩy cho sự tiến triển của nền hội họa hiện thời. Về mặt nghệ thuật, cũng cần phải kiểm điểm và nhận xét lại xem: nền hội họa hiện nay đã chuyển hướng như thế nào? Và đã có những xu hướng nào đáng kể và tiêu biểu nhất?

Trước hết thì chúng ta phải công nhận rằng: sở dĩ nền nghệ thuật thế giới đã có được những bước tiến bộ như ngày nay là do sự xây dựng của tất cả mọi trường phái đã có. Để có được những xu hướng hiện thời; lịch sử của nền nghệ thuật thế giới đã phải mất hàng thế kỷ mới tạo nên được. Và nhờ những kinh nghiệm quý báu ấy, chúng ta đã rút ngắn được thời gian. Người làm nghệ thuật và nền hội họa

của chúng ta không bắt buộc phải làm lại tất cả những cuộc kinh nghiệm lịch sử ấy.

Tất cả những kinh nghiệm về kỹ thuật cũng như những lý thuyết về nghệ thuật đã được cô đọng rút gọn thành những phương pháp những luật tắc. Những điều đó chỉ giúp cho người nghệ sĩ có một kiến thức, để tiến lên và tạo ra những con đường mới mẻ khác; hầu góp thêm vào cái kho kinh nghiệm sẵn có. Chính điều đó là điều quan trọng và cũng là ước vọng cao quý nhất của mọi người làm nghệ thuật.

Hiện thời nền hội họa của Việt Nam đã cho người ta thấy một vài khuynh hướng tiến triển theo con đường đó.

Tuy nhiên phải công bình mà nhận định rằng phần đông họa sĩ hiện nay chỉ mới chú ý tới phần học hỏi về kỹ thuật: pha màu, bố cục cân đối v.v... mà thiếu phần tìm hiểu về những quan niệm sáng tác.

Chưa từng có một họa sĩ nổi danh nào, mà không có một lý thuyết, một quan

niệm riêng về nghệ thuật cho mình. Bởi vì sự góp công của cái phần trí thức của người nghệ sĩ vào tác phẩm hội họa là một điều kiện cần thiết của nghệ thuật.

Kỹ thuật chỉ là phương tiện thực hiện không phải là một mục đích của người làm nghệ thuật; nếu không có một chủ trương, một quan niệm sáng tác thì kỹ thuật cũng chẳng còn có công dụng gì cả. Hơn nữa có nhiều kỹ thuật thực hiện khác nhau. Có một chủ trương nghệ thuật thì họa sĩ mới biết phải chọn lựa thứ kỹ thuật nào cho hợp với chủ trương của mình.

Theo nhận định đó, có thể thấy rõ một số họa phẩm hiện nay, nếu có kỹ thuật thì cũng chỉ là một thứ kỹ thuật dùng để sao chép lại cảnh vật thiên nhiên một cách máy móc, hoặc một thứ kỹ thuật sao chép bút pháp của kẻ khác. Với nhận định sai lầm lấy phương tiện làm mục đích, người ta cũng đã tạo ra được một loại tranh vui mắt song chẳng có liên hệ gì tới nghệ thuật. Ngoài ra còn một

số tranh khác phi cả kỹ thuật lẫn nghệ thuật. Đó là loại tranh còn non kém quá thiên về mục đích thương mại, mà đáng lẽ những người sản xuất ra nó chỉ nên coi đó là những mẫu mực tập dượt; không thể đem ra trình bày với người thưởng ngoạn.

Phải nêu rõ những điều đó, mới nhận thấy những giá trị hiếm hoi, những khám phá không ngừng của một số tác phẩm nghệ thuật khác.

Số họa phẩm này so về số lượng còn rất ít ỏi, song là những giá trị duy nhất của nền hội họa Việt Nam. Những tác phẩm ấy đã cho thấy rõ *những quy luật tạo hình* cũng như *ý thức về nghệ thuật* của những khuynh hướng tiến bộ hiện thời. Có hình ảnh hay không hình ảnh thì cũng chỉ là hình thức diễn đạt. Và khuynh hướng mới không có nghĩa là chỉ riêng có xu hướng trừu tượng vô hình.

Số tác phẩm ấy còn có một giá trị bởi nó phản ánh được nếp suy tưởng và nếp sống của thời đại.

Tất cả mọi người không thể chối cãi được sự liên hệ mật thiết của tất cả các quốc gia trên thế giới hiện nay, về sự trao đổi văn hóa cũng như ảnh hưởng nghệ thuật đã trở nên chặt chẽ sâu rộng như chưa từng bao giờ xảy ra. Nhờ sự thâm hẹp rút ngắn không gian. Nhìn một cách cụ thể chung quanh đời sống hàng ngày, vết tích của sự ảnh hưởng ấy đã đánh dấu từ bỏ y phục mà chúng ta mặc, cho tới những kiểu bàn ghế mà chúng ta dùng, từ những đôi guốc cao gót cho tới kiểu tóc dợn sóng. Trong bất cứ một công sở cho tới một góc đường nào ; một hình thể của chiếc bàn giấy, những màu sắc của chiếc xe hơi hay đường nét của một cây cột đèn cũng là theo chung cái luật thẩm mỹ của thời đại. *Chính tất cả hình thể, màu sắc và đường nét của những vật vô tri và tầm thường ấy đã nhào nặn tư tưởng, cảm nghĩ của mọi người nhất là những con người làm nghệ thuật.*

Sống trong cái không khí ấy, cái hoàn cảnh ấy tất nhiên người họa sĩ không thể

cảm nghĩ một cách khác được, và tác phẩm của hắn đã phản ánh những cảm nghĩ đó một cách trung thành. Đi ngược lại những điều đó chỉ là một sự giả dối là bóp méo sự thực. Và chính đó mới là hiện thân của sự lập dị.

Ở địa hạt hội họa, ngôn ngữ của người nghệ sĩ là đường nét, màu sắc và hình thể. Và người thưởng ngoạn chỉ hiểu được tiếng nói của người họa sĩ qua thứ ngôn ngữ đó. Nhưng có một điều cần chú ý : ngôn ngữ thì vẫn vậy song các danh từ và luật tắc đã thay đổi cùng với sự thay đổi của thời đại.

Qua những nhận xét đó và kiểm điểm lại kỹ càng thì người ta sẽ nhận thấy rằng : Hội họa Việt Nam hiện thời đã có một số họa phẩm nào đó, thông cảm và bắt được cái ngôn ngữ mới cùng những danh từ và luật tắc mới của nền nghệ thuật thế giới hiện đại. Tuy nhiên không phải sử dụng chung một ngôn ngữ là đi đến chỗ đồng hóa, nhưng sử dụng thứ ngôn ngữ đó để nói lên cảm nghĩ và tư tưởng của

riêng mình (nếu mình còn có một tư tưởng).

Đành rằng dùng một thứ ngôn ngữ đã chết của một nền văn minh cổ thời là sở thích của từng người, song le những người còn thích sử dụng nó e khó lòng mà nói chuyện với thời đại tiến bộ.

Không thể nào lập luận rằng : vì hiện trạng chậm tiến của Việt Nam về mọi mặt, mà nền nghệ thuật của chúng ta phải lùi lại vài ba thế kỷ. Về sinh hoạt vật chất, về sự tiến triển của khoa học, đành rằng chúng ta cần phải có nguyên liệu, tài chính để tạo ra những chiếc vệ tinh, những phi thuyền không gian. Song về mặt tinh thần trong sinh hoạt và lĩnh vực nghệ thuật chúng ta chỉ cần có bộ óc là đủ. Tạo ra những bức họa theo đúng xu hướng cổ điển, cũng chẳng khác gì bảo rằng : nên chế tạo một chiếc xe hơi chạy bằng hơi nước như ở thời cổ, để rút kinh nghiệm cho việc chế tạo một chiếc hỏa tiễn. Những nguyên tắc giáo khoa căn bản chỉ cần thiết trong các trường học. Những tác phẩm

hội họa đem trưng bày cho công chúng và gửi tới tranh tài ở trong các phòng tranh không thể là sự trình bày những nguyên tắc căn bản ấy.

Nếu cho rằng : so sánh với khoa học thì nghệ thuật còn có những giá trị bất biến vĩnh cửu, song điều đó chỉ đúng ở lãnh vực giá trị tinh thần mà không đúng ở lĩnh vực hình thức thực hiện. Và chẳng cái giá trị vĩnh cửu của một tác phẩm nghệ thuật cũng do sự phản ánh trung thành thời đại của nó.

Kiểm điểm lại một cách cụ thể ; những xu hướng tiến bộ hiện thời trong sinh hoạt nghệ thuật ở Việt Nam ; đã được hoan nghênh khuyến khích và tán thưởng một cách chính thức qua những giải thưởng ; mà một số lớn họa sĩ đã đạt được trong những cuộc triển lãm quốc gia cũng như quốc tế ở năm vừa qua. Ngoài ra số người thưởng ngoạn nghệ thuật hiện nay, ngày càng đông đảo và có ý thức tiến bộ, đề cổ vũ cho phong trào hội họa mau tiến bước, trên đường nghệ thuật.

Sự kiện đó hứa hẹn một tương lai khích lệ cho những người trung thành và tận tâm với lý tưởng nghệ thuật.

Song, nếu bình tĩnh và nhìn thẳng vào thực trạng sinh hoạt của nền hội họa hiện thời người ta sẽ nhận thấy rằng: những huy chương và sự cổ vũ của quần chúng chưa đủ.

Về phía người làm nghệ thuật, còn cần nhiều cố gắng, nhiều thiện chí và nhất là khả năng.

Tìm hiểu trong phạm vi hội họa về mặt kỹ thuật chưa phải là điều trọng yếu. Chúng ta còn cần phải tìm

hiểu một cách rộng rãi hơn nữa về mặt nghệ thuật trong mọi ngành sinh hoạt khác, và nhất là theo dõi những sinh hoạt nghệ thuật, những khám phá mới mẻ, những trào lưu tiến bộ mà tất cả những người làm nghệ thuật trên thế giới đang góp phần xây dựng.

Và cũng chỉ khi nào chúng ta có một kiến thức rộng rãi, một ý thức rõ ràng, một quan niệm chính xác về vấn đề nghệ thuật nói chung thì lúc đó tác phẩm của chúng ta mới có được dấu vết của sự sáng tạo.

THÁI TUẤN

TRẦN CAO LĨNH

Câu chuyện nhiếp ảnh năm Nhâm - Dần

CÁCH đây một trăm năm,

Trong lúc các bộ môn nghệ thuật khác đã được công nhận đang bành trướng phục hưng trong lòng giai đoạn hào hứng thì nhiếp ảnh mới còn là một trò thí nghiệm khoa học trong phạm vi tài tử.

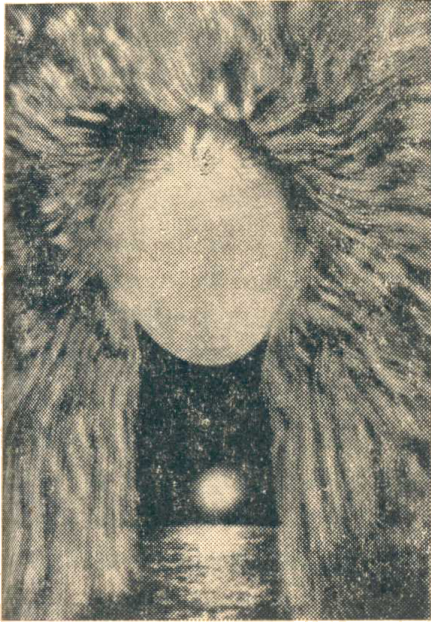
Đầu thế kỷ này nhiếp ảnh cũng chưa có một chỗ đứng trên mảnh đất nghệ thuật.

Vậy mà ngày nay đôi chân trẻ trung của nó xỏ trong cặp hia búp dậm đã đóng một vai trò quan trọng trong nhu cầu hàng ngày của con người.

Ngày nay, câu : «Nhiếp ảnh có phải là một nghệ thuật không?» đã chẳng thành một câu hỏi nữa. Trong những viện nghệ thuật hoặc triển lãm giá trị như tại viện Métropolitain — Nữu Ước — những tác phẩm nhiếp ảnh chọn lọc đã đứng bên những bức thủy thái của Goya một cách bình đẳng trên bình diện diễn tả nghệ thuật truyền cảm.

Sự trưởng thành và khả năng phục vụ của nó đi thẳng vào cuộc sống con người trong tất cả mọi tầng lớp đã như một nhu cầu thiết yếu trong sinh hoạt xã hội hàng ngày bằng mọi hình thức từ đơn giản nhất đến tân kỳ nhất, từ tấm hình căn cước đến những nghệ thuật truyền cảm mãnh liệt. Nhiếp ảnh còn đi sâu cả vào những lãnh vực phức tạp

xa xôi nữa, và gần đây đã vượt qua cả phạm vi trái đất mà tới dóm ngó, thu hình cả tới mặt trái chị Hằng tìm vào khoảng bao la của vũ trụ.



Một loại hình trừu tượng

« Madame La Lune »

của Jacky Michaud (Pháp)

Hiện nay với những phương tiện ấn loát và phổ biến tân tiến hình ảnh của nhiếp ảnh mặc nhiên đã là một thứ thể giới ngữ dễ hiểu nhất mà con người — không phân biệt nguồn gốc, màu da — chẳng cần phải học tập, phải biết đánh vần, chấp tiếng mà vẫn thông cảm, ràng buộc với nhau.

Quá trình của ngành nhiếp ảnh ở Việt Nam

NHIẾP ảnh du nhập vào Việt Nam từ bao giờ, ngày tháng nào chẳng còn ai nhớ được đích xác, hiện tại cũng vẫn còn là một câu hỏi chưa có lời giải đáp.

Chỉ biết rằng, thoát tiên do người Pháp mang vào và một số người Trung Hoa và Việt Nam học lấy tập thành một nghề sinh nhai. Hình ảnh thu vào ống kính hầu hết là một loại « ảnh thờ » ghi chép chân phương các cụ nhà ta ngồi tề chỉnh xòe đủ hai mươi ngón chân tay. Cho tới năm 1935 là năm có thể nói nhiếp ảnh Việt Nam minh bạch đặt bước chân vào căn nhà mỹ thuật ; sự kiện này biểu lộ ra trong Cuộc Thi và Trưng Bày Ảnh Mỹ Thuật Việt Nam do Ông Tardieu giám đốc sáng lập trường Mỹ Thuật Đông Dương đứng ra tổ chức. Kết quả quá đẹp đẽ của cuộc trưng bày này đã khích lệ và gây uy tín cho những phòng triển lãm sau này ở khu đầu xảo, phòng Thương mại Hà-nội mà trong đó ta thấy hiện diện những ảnh mỹ thuật của các nhà nhiếp ảnh xuất sắc thời ấy như Võ An Ninh, Lê Đình Chử.

Nhờ một số báo chí lúc đó dùng hình ảnh là một phương tiện trình bày mới, hấp dẫn độc giả như tuần báo Loa, Trung Bắc Chủ Nhật, Ngày Nay... đã giúp thêm phương tiện cho ảnh mỹ thuật tràn lan và thấm sâu vào nhiều giai tầng xã hội — vốn là những độc giả của họ.

Tuy vậy, vào thời này ảnh vẫn chưa có nét độc đáo của bộ môn mình mà vẫn nằm trong phạm vi trang trí, chịu ảnh hưởng của hội họa và những hình thức sẵn có của hình ngoại quốc — nhất là Pháp — nghệ thuật gói ghém trong vẻ đẹp mắt với trời, cây, mây, nước, thiếu nữ tựa gốc cây, có hoa sen nở muộn, hoa quỳnh nửa đêm ; nói tóm lại ảnh thời ấy thuộc loại ảnh thơ mộng vô thưởng vô phạt, gặt hái cảm tình nhẹ nhàng của người thưởng thức khi họ muốn nghỉ mắt tinh tâm trong tâm trạng « tối rượu xâm banh, sáng sữa bò » yên nhàn đến ủy my.

Đến 1952 một số nghệ sĩ nhiếp ảnh ở Hà-nội đứng lên tự tổ chức lấy một phòng triển lãm lấy tên là « Đệ Nhất triển lãm nhiếp ảnh nghệ thuật Việt Nam » đã ghi một bước tiến bộ trong sự tổ

chức với tính chất độc lập của nhiếp ảnh. Hai mươi lăm nghệ sĩ với gần một trăm tác phẩm trưng bày tại nhà Gương Hà-nội tuy chưa là một con số hùng hồn nhưng cũng là một sự tự hào trong tinh thần cố gắng.

1953, người tham dự lên tới 56 cùng 200 tác phẩm, đặt thêm 1 cái mốc vững vàng nữa cho nền móng nhiếp ảnh Việt Nam. Cuộc triển lãm này mang khá đầy đủ màu sắc toàn quốc qua những hình ảnh từ Giồng Đồng Nai, sông Hương đến giải Nhị Hà ngẫu chất phù sa đã tăng thêm phần phong phú cho hình thức. Tuy vậy hướng phát triển của nghệ thuật mới chỉ nhắm vào nét đẹp quê hương qua chiều thơ mộng.

1954-Genève ! Chia cắt đất nước.

Một số lớn những người nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam mang máy cùng với một triệu người tìm vào miền Nam tự do.

Họ đã tập hợp nhau lại, đoàn tụ trong cuộc triển lãm nhiếp ảnh nghệ thuật Việt Nam tại Saigon ngay năm sau — 1955 — và « lễ ra mắt » bà con trong Nam đã tung bừng trong khuôn khổ « tuần lễ văn nghệ » do Bộ

Thông Tin tổ chức với 120 bức của 33 người. Vì hoàn cảnh « di cư bối rối » nên hầu hết chỉ là những ảnh đã hiện diện ở những cuộc trưng bày ngoài Bắc, nhưng tinh thần những người đóng góp đã mang một tâm trạng mới ngay trong hành động mang ảnh củ đến tham dự. Tuy nhiên trong phòng ảnh này người xem cũng đã gặp được một ít tác phẩm ghi lại sự xót đau chia cắt.

1957, phòng triển lãm giải trí tổ chức tại Thị Nghè Saigon đã lại là dịp tập hợp thêm một số người tham dự — 57 nghệ sĩ — đặc biệt là sự góp mặt một số lớn những người nhiếp ảnh đất Thần Kinh. Và theo lời giới thiệu của ban tổ chức thì tánh chất ảnh đã có hai khuynh hướng : «...một loại trau chuốt tinh vi làm cho người coi vui lòng đẹp mắt... một loại thể hiện những cái gì sâu sắc khiến người xem phải suy nghĩ tìm tòi... »

1958 Bộ Thông Tin mở một cuộc thi — có thưởng — và triển lãm với đề tài : Danh Lam Thắng Cảnh, số khán giả đông đảo tới nhìn ngắm giang sơn gấm vóc qua ống kính nhiếp ảnh đã là một khích lệ và thúc đẩy ban tổ chức tiến tới Cuộc Triển

Lãm Nhiếp Ảnh Nghệ Thuật vào ngay năm sau — 1959 — với nhiều giải thưởng cho những tác phẩm xuất sắc.

Tới đây, trước khi đề cập tới những tổ chức to lớn đánh dấu cho sự vẻ vang nhất của nhiếp ảnh Việt Nam ở phạm vi rộng lớn Quốc tế tưởng chúng ta cũng nên biết rằng từ 1957 một số tác phẩm xuất sắc của mấy nhiếp ảnh gia Việt Nam đã có dịp góp mặt với thế giới trong những cuộc triển lãm Quốc tế. Uy tín càng ngày càng lớn mạnh và làng ảnh thế giới đã sẵn sàng dành một chỗ ngồi đẹp để cho Quốc Gia Việt Nam và cũng do đó, bởi đó đưa tới một ngày đáng nghi nhớ cho nền nhiếp ảnh nước ta là ngày Việt Nam đứng lên tổ chức Đệ Nhất Triển Lãm Nhiếp Ảnh Quốc Tế vào năm 1960. (Văn Hóa Vụ). Thế là từ tháng 10 năm 1960, bản đồ nhiếp ảnh Quốc tế đã thêm một địa điểm cho những nhiếp ảnh gia lỗi lạc, tài năng có dịp qui tụ nhau (qua sáng tác phẩm) trình bày những hình ảnh nhiếp ảnh xuất sắc ưng ý nhất trong một năm sáng tác của họ.

Sự tham gia thật đông đảo của 20 Quốc Gia từ những miền hải

đảo giữa Thái Bình Dương, những nước có nền văn minh cổ truyền như Hy Lạp, xa xôi từ miền tuyết phủ Phần Lan, đến những Quốc Gia hẻo lánh trên lục địa Mỹ Châu, Trung Hoa, v.v... đều có mặt.

Tưng bừng trong một bầu không khí của một ngày hội lớn, giữa Thủ Đô Saigon lần đầu tiên 20 Quốc Kỳ có dịp đứng cạnh nhau phát phối chung một nhịp đập vào trái tim nghệ thuật.

Lần đầu tiên những người xem ảnh và bạn ảnh tài tử Việt Nam có dịp thưởng thức xem tận mắt tác phẩm của những danh tài quốc tế từ bốn phương.

Xếp theo thứ tự ta thấy có sự hiện diện của những Quốc Gia sau đây :

Argentine, Austria, Australia, Burma, Cambodia, China, Deutschland, Espana, Finland, Hongkong, Italia, India, Korea, Malaya, Portugal, Philippines, Singapore, Sweden, Thailand, USA. và Việt Nam (nước tổ chức...)

Tổng cộng là 21 nước với 1.016 tác phẩm tham dự của 132 nghệ sĩ. Ban giám khảo gồm năm nhiếp ảnh gia Việt Nam, đã tuyển chọn được 265 tác phẩm của 132

người đề vào chung kết, và giải thưởng gồm có :

— 1 Huy chương Vàng về tay *Léopold Fischer* (Áo quốc) với tác phẩm « *Sturm* » (tả một người đi trong bão tuyết bằng một kỹ thuật độc đáo và mới nhất).

— 2 Huy chương Bạc trao về cho : Nữ nhiếp ảnh gia *Anné Marie Gripman* (Thụy Điển) với tác phẩm « *Still I Want, Daddy !* »

— Ng. See Youg (Singapore) với tác phẩm « *Ladie in White* ».

— 8 Huy chương Đồng và 17 bằng tưởng lệ danh dự trao về cho nghệ sĩ của các nước : *Austria, Cambodge, China, Hongkong, Malaya, Italia, Thailand, Argentina, U.S.A. và Việt Nam.*

Sự tổ chức khá chu đáo cùng với những phần thưởng quý giá đã phân phát một cách công bằng đúng với giá trị của lần đầu đã khiến Việt Nam thêm tin nhiệm trong thế giới ảnh.

Và như một tục lệ đẹp đẽ nhất, 1961,

Phòng triển lãm nhiếp ảnh Quốc tế kỳ II lại ra mắt công

chúng Việt Nam tại Thủ Đô một cách tưng bừng hơn năm trước vào dịp 26 tháng 10.

Ở năm này, con số quốc gia tham dự lên tới 37 — kể cả quốc gia tổ chức. Nhiếp ảnh Việt Nam vui mừng được tiếp đón thêm 18 nước bạn nữa đó là các nước :

Belgium, Brasil, Canada, Chile, Danmark, England, Japan, Laos, France, Germany, Greece, Holland, Macao, Swiss, Norway, Nouvelles - Hébrides, Sarawak, South-Africa.

Tổng số nghệ sĩ nhiếp ảnh cũng hơn năm ngoài được 330 người (1960: 269 — 1961: 599).

Và số tác phẩm gửi tới tham dự cũng từ 1.016 lên tới 2.114 bức.

Số người được chọn ảnh trưng bày tăng được 52 người, nhưng số tác phẩm được tuyển chọn thì chỉ hơn năm ngoài được 33 bức (1960 : 265 — 1961 : 298).

Một huy chương Vàng năm này về tay :

— *K.C. Chew* (Hongkong) với tác phẩm « *Rainy Day* » (tả một loạt cảnh ngày mưa tại Hương Cảng).

Hai huy chương Bạc về với :

— *Gilles Boinet* (Pháp) với tác phẩm « *La Mère* ».

— *Mark kar Weng* (Thailand) với tác phẩm « *Hung up to dry* ».

Năm này vẫn giữ 8 huy chương Đồng nhưng con số bằng danh dự tăng lên 20 tấm trao về cho tác phẩm của nghệ sĩ các nước : *Germany, France, Sweden, Finland, Italia, Australia, Hongkong, Malaya, England, Canada, Sarawak, U.S.A.* và Việt Nam.

Nhìn vào phòng triển lãm ta lại đọc thấy tên những mặt quen biết lừng danh trong làng ảnh quốc tế, đại diện cho quốc gia ảnh của họ trong nhiều màu sắc, nét độc đáo địa phương với những kỹ thuật tân tiến nhất. Với con số và chất ảnh tham dự mặc nhiên đã xếp Việt Nam vào hàng quốc gia ảnh có sức qui tụ khá lớn trong quốc tế.

1961,

Ngoài cuộc triển lãm quốc tế kỳ II chúng ta còn thấy được sự có mặt của một phòng triển lãm nhiếp ảnh do hội Nhiếp Ảnh Việt Nam — mới chính thức thành lập — đứng

phẩm trưng bày do các hội viên của hội đóng góp và vì là một cuộc triển lãm có tính chất ra mắt, đóng góp, mỗi người đều có trách nhiệm lấy đối với tác phẩm của mình, không có sự dãi lợt bất buộc nào, nên chúng ta lại bắt gặp một phần lớn những tác phẩm đã trưng bày nhiều lần rồi.

Tháng 10 năm 1962,

Tục lệ đẹp đẽ của hai năm qua lại tiếp diễn : triển lãm nhiếp ảnh quốc tế kỳ III lại long trọng khai mạc tại Thủ đô Saigon.

552 nhiếp ảnh gia trong 34 quốc gia tấp nập gửi ảnh về tham dự tới 1955 bức.

Con số tác phẩm gửi về so với năm 1961 có sút kém đi hơn một trăm tấm nhưng lại hơn lên được 99 tấm ảnh màu.

Đặc điểm của triển lãm nhiếp ảnh quốc tế kỳ III này là :

— Lần đầu tiên Việt Nam nhận loại ảnh màu trên giấy, đây là tác phẩm của 39 nghệ sĩ trong 11 quốc gia ;

— Thành phần của Hội đồng giám khảo — gồm 5 vị — đã không do ban tổ chức mời tham gia như 2 năm qua, mà lại do

một cuộc trưng cầu ý kiến của đại đa số các bạn nhiếp ảnh gia Việt Nam đề cử, chọn lựa và tín nhiệm bầu lên.

— Huy chương Vàng năm nay trao tặng cho nhiếp ảnh gia *Matti A. Pitkanen* (Finland) với một bộ hình xuất sắc nhất gồm ba bức : *The hair, Salmon tails, The cock*. Đây là một việc làm chỉ quyết định được vào phút chót là đã phong thưởng cho tài năng một người chứ không phải cho một tác phẩm trội bật lên giữa đồng loại như hai năm qua. Vì sau khi đã phân tích chứng minh kỹ lưỡng toàn thể Hội đồng đều không tìm thấy một tác phẩm nào có đủ giá trị bỏ xa đồng bạn mà lãnh phần tốt đỉnh.

Hai huy chương Bạc năm nay trao tặng cho hai nhiếp ảnh gia *Thái Lan* và *Hương Cảng* là :

— *Deng Yu* với tác phẩm *Alone* ;

— *Chung Man Lork* với tác phẩm *A sweet dreaming*.

8 huy chương Đồng phân phối cho nghệ sĩ của các nước : *Austria, Brasil, Hương-Cảng, Đức, Pháp, và Ý Đại Lợi*.

Về phần ảnh màu giải thưởng chia ra 1 Vàng, 1 Bạc và 2 Đồng vào tay bốn người sau đây :

— Huy chương Vàng : *Dr. K. H. Wu* (Hongkong) với tác phẩm *Gay Afternoon*.

— Huy chương Bạc về *Wellington Lee* (U.S.A.) với tác phẩm *Sandra*.

— Tổng số bằng tưởng lệ là 21 tấm, 17 cho ảnh đen trắng, và 4 cho ảnh màu về tay nghệ sĩ các nước : *Brasil, Belgium, Austria, Germany, Hongkong, Sweden, Italia, Thailand, Macau, Holland, U.S.A. và Việt Nam*.



Tác phẩm ý tưởng bằng tĩnh vật

« Danh Vọng và Cát Bụi »

của Seck On Lee (Đài Loan)

Hai huy chương Đồng về :

— *Tchang Fou Li* (Hongkong) với tác phẩm *Morning Ferry at Lei-Kiang*.

— *Dr Raimo Gareis* (Đức-quốc) tác phẩm *Rainy Day*.

Tính chất đề tài của ảnh

SAU những tác phẩm đem trưng bày tại Việt Nam chúng ta nhận thấy rằng những nước có một nền nhiếp ảnh vững chắc đều có nét riêng của họ như

<https://tieulun.hopto.org>

Ảnh Đức rất vững chắc thoát trông thấy như nặng nề nhưng nhờ kỹ thuật hoàn hảo nên màu đen hay trắng cũng đều có chi tiết làm dịu phần tương phản.

Ảnh Mỹ quốc chú trọng nhiều đến bề ngoài của cảnh vật, nhìn đời bằng ống kính của một người làm phóng sự.

Ảnh Pháp có riêng vẻ tế nhị, thông minh, đỉnh đặc, lúc nào cũng giữ được vẻ nuột nà của nhung lụa.

Ảnh Bỉ rất gần với nét ảnh Pháp nhưng trung hậu hiền lành hơn.

Ảnh Áo nặng về kỹ thuật, dẫn đầu có Léopold Fischer với loại ảnh phân sắc độ và chạy sáng.

Ảnh Ý-Đại-Lợi thành công trong những khóe nhìn đời với con mắt và tâm hồn người trong cuộc, nhất là con người bình dân ngoài sinh hoạt hè phố.

Hồng-Kông với loại ảnh cầu kỳ đẹp mắt v.v...

Mỗi quốc gia ảnh ấy đều có giữ chỗ ngồi riêng biệt của mình trong thế giới ảnh nhưng nhìn chung vào tất cả thì dù loại ảnh

nào ; đường nét, thơ mộng, phóng sự, tĩnh vật, xảo thuật... đại đa số chỉ nhằm vào những hình ảnh « bắt mắt » mà thật ít những loại ảnh bắt người xem phải suy nghĩ vì tác phẩm ấy mang một nội dung sâu sắc, nói dùm lên những thâm kín của nội tâm con người mà trong nhiếp ảnh gọi là loại « *ảnh ý tưởng* ». Đây là một loại ảnh thành hình trong những đầu óc và bàn tay của những người nặng lòng suy tư, khi thì vạch trần, lúc thì ca tụng những trạng thái tâm hồn con người vốn mang nhiều phức tạp. Trong thế giới ảnh hiện nay số lớn các nước Tây phương cũng đang tìm về hướng này. Họ quay về Phương Đông — có lẽ là nơi xuất phát loại hình ý tưởng. Riêng về Việt Nam trong mấy năm gần đây những nhiếp ảnh gia vốn nặng lòng với nền ảnh xứ sở đã mang về cho ta gần ba trăm huy chương và bằng danh dự làm cho thế giới ảnh biết đến mình, dành một chỗ ngồi xứng đáng cho chúng ta. Khi xét lại một số lớn những giá trị cao quý ấy thấy rằng một phần không nhỏ đều do những tác phẩm nói về tình người và

lòng đời. Những tấm ảnh ấy đã mang hình thức của địa phương mà nói hộ cho một nội dung một xúc cảm chung của mọi người.

Ít lâu nay một số nhiếp ảnh gia quốc tế như đang nằm trong một cơn say màu sắc của ảnh màu. Và có mấy người như *Jacky Michaud* (Pháp) mang nhiếp ảnh đi tìm vào phần đất trừu tượng, muốn bóp méo sự thật đi, chấp nối những hình ảnh thật của cuộc đời trước mắt, nhào nặn với nhau thành những hình ảnh quái đản hoặc phong phú hơn nữa để đáp ứng với sự tưởng tượng dồi dào trong đầu óc. Những nhiếp ảnh gia ấy đã muốn làm giàu cho nhiếp ảnh trong phần đất mà trước đây mọi người vẫn cho là cấm địa với ống kính. Thật là một khám phá thú vị cho nhiếp ảnh, do đó ta có thể diễn tả phong phú, sâu sắc hơn những ý tưởng thầm kín bóng gió của ta. Nhưng dù sao, theo ý riêng chúng tôi, với con đường nào đi nữa, mỗi tác phẩm nhiếp ảnh của chúng ta vẫn phải là một lời chân thực, dễ hiểu truyền cảm mạnh mẽ vào lòng người xem ảnh bằng cửa ngõ tâm tư gần gũi nhất. Có như

vậy nhiếp ảnh mới xứng đáng là một thể giới ngữ, tiếng nói chung của mọi con người — người chụp và người xem —. *Hơn một mức nữa chúng tôi thiết nghĩ rằng nhiếp ảnh Việt Nam còn đòi hỏi ở chúng ta — người cầm máy sáng tác trên phần đất này — những nét độc đáo của địa phương chúng ta trong màu sắc dân tộc tính vốn là một ưu điểm đã đưa quốc gia ảnh Việt Nam tới địa vị ngày nay.*

Tóm Luận

SAU khi nhắc qua mấy nét lớn trong tổ chức có tính cách quốc tế ; đề bớt phần thiếu sót cho nhiếp ảnh 1962 trong nước tưởng chúng ta cũng không thể bỏ qua mà không lưu tâm tới phong trào nhiếp ảnh năm nay đã ảnh hưởng và phát triển ra sao trong giới hâm mộ nhiếp ảnh tại Việt Nam.

— Dư luận và cơ quan ngôn luận đã chú ý đến nhiếp ảnh. Nhiều tuần báo, nguyệt san đã dành riêng những mục thường xuyên cho bài vở về tin tức và

lý luận kỹ thuật nhiếp ảnh, không bỏ qua dịp nào có thể loan tin và giới thiệu đến thành tích nhiếp ảnh Việt Nam đã thu lượm được trên trường thi đua quốc tế.

— Nhiều hãng lớn và hội đoàn tư nhân đã mở những cuộc thi và trưng bày ảnh cho nhân viên, đoàn viên nội bộ.

— Những người cầm máy tài tử một phần lớn đã không đóng vai trò khán giả hưởng thụ mà đã bắt tay vào sáng tác. Điển hình nhất có thể nói là cuộc thi và triển lãm nhiếp ảnh tài tử — do tờ tuần báo Điện Ảnh cộng tác với mấy nhiếp ảnh gia — đã mang tới một kết quả không ngờ mà trong đó đã khám phá ra nhiều tài năng mới hứa hẹn rất nhiều triển vọng.

Con số 451 tấm ảnh của 129 tác giả rải đều trong 18 tỉnh và một khu bưu chính tướng cũng

đáng cho chúng ta nhóm một niềm vui. Nhất là nhìn bảng thống kê về nghề nghiệp và tuổi tác chúng ta còn có thể càng vui hơn nữa vì phần lớn các bạn ấy còn rất trẻ trung và phân phối gần đủ mọi ngành hoạt động.

Trong lúc chúng tôi ghi chép ít dòng này thì Hội Nhiếp Ảnh Việt Nam cũng vừa tổ chức xong một cuộc thi cho năm 1962, dành cho các bạn ảnh tài tử và đã cho triển lãm vào ngày 13-1-1963 vừa qua.

Nếu cứ năm vững được đà này, liên tiếp có những tổ chức thi đua hướng về lớp người mới trong làng ảnh nhằm mục đích chung khích lệ và phổ biến như chúng ta vừa thấy trong năm thì chúng ta có thể tự cho phép hy vọng về phong trào nhiếp ảnh trong nước vào năm tới đây nhiều lắm vậy.

TRẦN CAO LĨNH A.R.P.S.

GIẢI THƯỞNG VĂN CHƯƠNG TOÀN QUỐC

HÀN PHONG

Lược sử Giải Thưởng Văn Chương Toàn Quốc

GIẢI thưởng Văn chương Toàn quốc được đặt ra từ năm 1957. Giải thưởng nhằm mục đích khuyến khích mọi hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, trên toàn quốc.

Cũng trong năm ấy một đại hội văn hóa cũng đã được tổ chức tại Thủ Đô, ngày 7 tháng 1. Do đó phong trào phục hưng văn hóa đã vươn lên mạnh mẽ trong toàn quốc.

GIẢI THƯỞNG TOÀN QUỐC ĐẦU TIÊN

GIẢI thưởng Văn chương Toàn quốc có tính cách quan trọng và rộng rãi. Bộ Quốc Gia Giáo Dục, cũng có đặt nhiều giải thưởng song le, tác phẩm dự thi bị giới hạn như trong năm 1956, vào

loại tác phẩm truyện ngắn sáng tác, mô tả sinh hoạt của nhân dân Việt Nam và năm 1957, các tác phẩm có tính cách giáo dục.

Trở lại 40 năm về trước đề diễm các giải thưởng như: Giải thưởng của Hội Khai Trí mở năm 1924, Giải Tự

Lực Văn Đoàn mở năm 1936, Giải thưởng của Hội Khuyến Học Nam Việt mở năm 1941 thì giải thưởng cuối cùng là giải thưởng Alexandre de Rhodes mở năm 1943. Từ 1943 cho đến 1950, không có tài liệu nào ghi lại một giải thưởng văn chương. Như vậy, sau mười năm biến cố, giải thưởng Văn chương Toàn quốc lại được thiết lập để khích lệ hoạt động văn hóa trong nước.

NHỮNG ĐẶC TÍNH CỦA GIẢI THƯỞNG VĂN CHƯƠNG TOÀN QUỐC

GIẢI thưởng Văn chương Toàn quốc 1957 không đòi hỏi một điều kiện nào về nội dung hay hình thức của các tác phẩm gửi đến dự thi, hay của những tác phẩm được xét đến. Các tác phẩm tuy nhiên phải được xuất bản trong niên khóa.

Về phương diện điều hành Văn Hóa Vụ đã mời một Hội Đồng gồm nhiều học giả, nhà văn, thơ, kịch, biên khảo danh tiếng trong nước đọc

và quyết định. Những tác phẩm này đã được các tác giả hay nhà xuất bản gửi đến dự thi như trong năm 1957, hay do chính Hội đồng chọn trong tất cả sách xuất bản trong niên khóa.

Theo nguyên tắc, giải thưởng sẽ được tổ chức hàng năm. Nhưng trong những năm qua, những tác phẩm xuất bản chưa được nhiều, nên giải thưởng đã được tổ chức từng hai năm một: lần thứ nhất, đặc biệt từ 1955-57, lần thứ hai, 1958-59.

Số tiền đặt giải định là 320.000\$, chia làm 4 bộ môn kịch, thơ, tiểu thuyết và khảo luận. Như vậy, mỗi bộ môn được 80.000\$. Mỗi người được giải còn được vinh dự lĩnh một chứng chỉ do **TỔNG THỐNG** Việt Nam Cộng Hòa ban cho.

GIẢI THƯỞNG NĂM 1957

DÂY là năm đầu tiên tổ chức giải thưởng. Nhân viên Hội Đồng Giám Khảo đã đọc 206 tác phẩm xuất bản từ 1954, đến cuối năm 1956,

do tác giả hay nhà xuất bản gửi đến dự thi. Những tác phẩm này cũng thuộc đủ các loại khảo luận, tiểu thuyết, thi ca và kịch.

Hội Đồng Giám Khảo, gồm có học giả, giáo sư, thi sĩ, tiểu thuyết gia, kịch sĩ sau đây : Giáo sư Nghiêm Toản, Ô.Ô. Nguyễn Thành Châu, Nguyễn Khắc Kham, Linh Mục Nguyễn Văn Thích, Ông Trương Công Cừu, Hồ Biểu Chánh, Phú Đức, Bà Tùng Long, Vi Huyền Đắc, Đông Hồ, Trần Tuấn Khải, Vũ Hoàng Chương và Vũ Khắc Khoan.

Nhà học giả danh tiếng miền Nam là Ông Đoàn Quan Tấn làm Chủ Tịch Hội Đồng Giám Khảo này.

Lễ tặng các giải thưởng đã được tổ chức ngày 25-8-58 tại Dinh Độc Lập và TỔNG THỐNG Việt Nam Cộng Hòa đã thân thủ trao tặng.

Khảo luận :

LIỆT KE

Khảo luận :

— Cuốn «*Văn Chương Bình Dân*» của Linh Mục Thanh Lãng (40.000đ.).

— «*Xây dựng Nhân Vị*» của Bùi Tuân (20.000đ.).

— «*Người Xưa*» của Trần Đình Khải (20.000đ.).

Tiểu thuyết :

— «*Tìm Về Sinh Lộ*» của Kỳ Văn Nguyên (30.000đ.).

— «*Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử*» của Nguyễn Kiên Trung (30.000đ.).

— «*Nếp Nhà*» của Bửu Kế (20.000đ.).

Thơ :

— «*Anh Hoa*» của Phạm Mạnh Viện (20.000đ.).

— «*Long Giang Thi Tập*» của Trần Hữu Thanh (20.000đ.).

— «*Nam Trung Thi Tập*» của Nguyễn Văn Bình (20.000đ.).

— «*Kiếp Hồng Nhan*» của Quang Hân (20.000đ.).

Kịch :

— «*Bão Thời Đại*» của Trần Lê Nguyễn (40.000đ.).

— «*Ái Tình Bôn-Sê-Vích*» của Thạch Bích (20.000đ.).

— «*Hai Màu Áo*» của Minh Đăng Khánh (20.000đ.).

GIẢI THƯỞNG 1958 - 1959
NHIỀU ĐỔI MỚI

Văn chương Toàn quốc
1958-1959.

GIẢI thưởng Văn chương Toàn quốc lần thứ hai được công bố vào cuối năm 1960. Ngày 6-4-1961, lễ trao giải thưởng được tổ chức tại Phòng Triển Lãm Đô Thành, dưới sự chủ tọa của Phó TÔNG THỐNG Nguyễn Ngọc Thơ, đại diện TÔNG THỐNG.

Về giải thưởng Văn chương kỳ này, người ta thấy nhiều sự đổi mới; *sự thay đổi này theo lời Ban Tổ chức là để cho thích hợp với tình trạng văn hóa.*

Lần này tác giả không phải gửi tác phẩm đến dự thi nữa, mà do Hội Đồng chọn lựa trong toàn bộ ấn loát phẩm ra đời ở Việt Nam từ năm 1958 đến cuối năm 1959, mặt khác, việc Hội đồng Giải thưởng Văn chương được thành lập sau một thời gian thăm dò rộng rãi ý kiến các văn nghệ sĩ toàn quốc.

Vì không quan niệm là một cuộc dự thi (các nhân viên Hội đồng đọc tất cả các tác phẩm) nên trong phiên họp đầu tiên Hội Đồng đã đổi tên thành *Hội đồng Giải thưởng*

Ông Trương Công Cửu, Phó Chủ tịch Quốc Hội kiêm Khoa Trưởng Đại Học Văn Khoa làm Chủ tịch của Hội Đồng, gồm nhiều văn nhân nghệ sĩ, giáo sư danh tiếng như Ông Hà Như Chi, Hà Thượng Nhân, Đái Đức Tuấn, Trần Hữu Thanh, Đỗ Đức Thu, Đông Hồ và Vi Huyền Đắc.

Hội đồng đã làm việc với những tiêu chuẩn mà Vị Chủ tịch đã trình bày trong bài diễn văn đọc trong khi phát giải thưởng: « Thực ra Ban Tổ chức Giải thưởng khi ủy thác cho chúng tôi công việc đọc các tác phẩm không hề nêu ra một tiêu chuẩn nào. Có lẽ những người đảm nhiệm công việc tổ chức đã ý thức đúng với công việc mình làm cho văn hóa, nên mặc nhiên công nhận các tiêu chuẩn rất trừu tượng và siêu việt là Chân, Thiện, Mỹ. Cũng trên tiêu chuẩn này, Hội Đồng chúng tôi đã lựa chọn tác phẩm... ».

Trong suốt 5 tháng, Hội Đồng đã đọc 54 tác phẩm

thuộc bộ môn khảo luận, 50 tập thơ, 34 cuốn tiểu thuyết, và 3 vở kịch. Và đã trao tặng 7 giải thưởng liệt kê sau đây:

Khảo luận :

— « Dịch Kinh Tần Khảo » của Nguyễn Mạnh Bảo (30.000đ.).

— « Việt Nam Văn Học Toàn Thư » của Hoàng Trọng Miên (25.000đ.).

Tiểu thuyết :

— « Đồ Dọc » của Bình Nguyên Lộc (25.000đ.).

— « Thần Tháp Rùa » của Vũ Khắc Khoan (25.000đ.).

— « Đời Phi Công » của Toàn Phong (15.000đ.).

— « Mưa Đêm Cuối Năm » của Võ Phiến (15.000đ.).

Thơ :

— « Tập Hoa Đắng » của Vũ Hoàng Chương (30.000đ.).

Riêng bộ môn Kịch không có giải thưởng.

GIẢI THƯỞNG NĂM 1960 - 1961

HỘI Đồng Giải thưởng Văn chương Toàn quốc lại một lần nữa thay hướng đổi tên, dưới danh hiệu mới

« Hội Đồng Tuyển Trạch Giải thưởng Văn chương Toàn Quốc 1960-1961 ». Ông Thu Giang Nguyễn Duy Cần, biên khảo gia đã được bầu làm Chủ Tịch.

Thành phần Hội Đồng Tuyển Trạch Giải thưởng Văn Chương 1960-1961

Hội Đồng gồm có 10 người chia ra làm ba Tiểu ban :

a) *Tiểu Ban Khảo Luận :*

Các Ông :

Nguyễn Duy Cần

Nguyễn Đăng Thục

Nguyễn Văn Trung.

b) *Tiểu ban Thơ :*

Các Ông :

Vũ Hoàng Chương

Đông Hồ

Thanh Tâm Tuyền.

c) *Tiểu Ban Tiểu Thuyết và Kịch :*

Các Ông :

Vi Huyền Đắc

Vũ Khắc Khoan

Đỗ Đức Thu

Bình Nguyên Lộc.

Tuy chia ra ba Tiểu Ban nhưng toàn thể Hội Đồng đều chịu trách nhiệm về kết quả chung.

Hoạt động của Hội Đồng và kết quả sự chọn lọc

Hội Đồng đã nhóm 3 lần tất cả và cứu xét 112 tác phẩm gồm có 37 cuốn biên khảo, 39 tập thơ, 34 cuốn tiểu thuyết và 3 vở kịch.

Sau khi cân nhắc Hội Đồng đã quyết định cấp những giải thưởng sau đây :

Biên khảo :

— Giải duy nhất : « *Việt Ngữ Chính Tả Tự Vị* » của Lê Ngọc Trụ, một công trình khảo cứu rất công phu về ngữ học Việt Nam, được thưởng 80.000\$.

Tiểu thuyết :

— Giải nhất : « *Thềm Hoang* » của Nhật Tiến, truyện dài mô tả cảnh sống của một hạng người nghèo khó đáng thương trong xã hội (40.000\$).

— Giải nhì : « *Gìn Vàng Giữ Ngọc* » của Doãn Quốc Sỹ, tập truyện ngắn đề cao tinh thần cao quý của nhân loại và những truyền thống tốt đẹp của dân tộc trải qua hoàn cảnh lịch sử khó khăn vừa qua (20.000\$).

— Giải nhì đồng hạng : « *Tàu Ngựa Cũ* » của Cô Linh Bảo, tập truyện ngắn về cảnh sống cùng tâm tình của người phụ nữ (20.000\$).

Thi ca :

— Giải nhất : « *Đường Vào Tình Sử* » của Đinh Hùng, một tập thơ kỹ thuật điêu luyện, tình cảm phong phú — được thưởng 30.000\$.

— Giải nhì : « *Hy Vọng* » của Hoàng Bảo Việt, thi tập xuất sắc vì nội dung mới mẻ ca tụng một cuộc sống rộng rãi, can đảm đầy nhiệt tình (20.000\$).

— Giải ba : « *Tổ Ấm* » của Anh Tuyến, thi tập ca tụng tình gia đình giữa cha mẹ vợ con và tình bạn bè làng mạc (15.000\$).

— Giải ba đồng hạng : « *40 Bài Thơ* » của Mai Trung Tĩnh và Vương Đức Lệ, thi tập phản ánh tâm trạng của một lớp thanh niên hiện đại (15.000\$).

Kịch :

Hội Đồng không cấp giải thưởng vì chỉ có 3 vở kịch xuất bản mà không thấy vở nào có giá trị.

Diễn từ của ông Bộ Trưởng Văn Hóa và Xã Hội

(Đọc trong buổi Lễ phát Giải Thưởng
Văn Chương Toàn Quốc 1960 - 1961)

Thưa Quý Vị Bộ Trưởng,

Thưa Quý Vị,

Tôi rất hân hạnh và hoan hỉ chủ tọa ngày hôm nay buổi lễ long trọng phát Giải thưởng Văn chương toàn quốc.

Tất cả quý Vị dù là nhà văn đã sáng tác, hay ủy viên tuyển trạch đã phê bình, hay cán bộ các cấp đã dày công tổ chức, tất cả Quý Vị đã cống hiến phần tinh túy nhất của mình cho nền văn hóa nước nhà.

Đó là tài sản tinh thần quý báu hơn cả vàng ngọc lâu dài, vì tài sản đó thuộc về bản thể hơn là sở hữu của con người. Đó là tất cả những giá trị cấu tạo và bảo đảm cho nền văn minh chân chính, những giá trị có một mãnh lực lôi cuốn thiêng liêng, một lối chinh

phục lạng lẽ êm đềm, một sức quyến rũ không chút lừa dối, luôn luôn tồn tại, mặc dầu mọi biến thiên của lịch sử. Xưa kia, thời thượng cổ, người Hi Lạp đã chứng minh sự thật đó một cách rõ rệt vì, tuy thất bại, họ đã khuất phục, họ đã thắng bằng văn hóa, những kẻ chiến thắng bạo tàn.

Đối với người Việt Nam chúng ta, cũng không phải là quá đáng nếu chúng ta tự hào rằng một nguyên nhân tồn tại của dân tộc khiến cho kẻ xâm lăng và thực dân đã thành ra bất lực, không thể đồng hóa nổi chúng ta, nguyên nhân đó chính là nền văn hóa quốc gia của chúng ta vậy.

Nhưng hiện tình chúng ta đang sống một thời đại nguyên tử, nền văn hóa quốc gia cần phải được xây dựng trên một nhân bản toàn diện đúng theo tinh thần nhân vị đấu tranh và cảnh giác.

Trong hậu bán thế kỷ XX này, như lời Ông Cố Vấn Chính Trị Ngô Đình Nhu đã nói mới đây, những nước thuộc địa đã thâu hồi hoặc đang chiến đấu cho nền độc lập, những nước chậm tiến của khối Á-Phi, tức là những nước đã bị Tây phương thống trị về phương diện chính trị, quân sự, cũng như kinh tế, những nước đó hiện tìm cách thoát khỏi tình trạng khổ nhục ấy, bằng một công cuộc cách mạng. Mà cách mạng nghĩa là thay đổi căn bản, thay đổi một cách mau chóng nếu không phải là dữ dội, những cơ cấu, định chế và quy luật. Các dân tộc chậm tiến không những đau khổ vì cảnh nghèo thiếu thốn, thiếu tài nguyên, thiếu phương tiện, thiếu cán bộ ưu tú, thiếu chuyên viên và vốn liếng ; nhưng, so sánh với Tây phương, họ còn nhận thấy tủi nhục và bất công của tình trạng mình. Sự nhận xét cảnh tương phản cách biệt hiển nhiên, khơi hố sâu giữa hai phần nhân loại, cùng sống trong một thế giới không còn thu hẹp trong địa phương nữa mà có tính cách nối liền không gian và vũ trụ, khiến cho con người khó tự kìm hãm được mà tức khắc vùng dậy vì phần nọ.

Phản ánh của cuộc cách mạng kỹ nghệ ở Âu-Châu về cuối thế kỷ thứ XVIII, dưới con mắt những người trong khối Á-Phi là một bên tự do tư bản dưới hình thức thực dân, và một bên là Cộng sản đế quốc, vừa đối thủ vừa liên hệ với tư bản, bởi lẽ ngoài các hệ thống tư tưởng riêng biệt, những cơ cấu kỹ nghệ hiện đại đều có tính cách đế quốc cả.

Những nước chậm tiến hiện đang ở trong một tình trạng vừa bị đất vừa khần cấp, đúng là trạng thái cách mạng ; những nước đó, hoặc hướng theo nếp sống Tây phương, lối tự do thay lối công cộng, hoặc chống lại nếp sống đó, hoặc dung hòa nếp sống ấy với lối cổ truyền địa phương.

Danh từ « xã hội » mà các dân tộc Á-Phi quan niệm chừng tờ hùng hồn nỗ lực của các dân tộc đó cố gắng theo kịp đà tiến triển hiện đại.

Sự thay đổi ấy có đặc tính mau lẹ bởi những dân tộc trong khối Á-Phi nhất tâm tranh thủ thời gian, theo kịp cho kỳ được Tây phương bằng cách phát triển cực độ và bước tiến rộn rã. « Hành động hữu hiệu và mau lẹ » có thể là phương châm của những cấp lãnh đạo cương quyết hướng về tương lai.

Tôi thiết nghĩ rằng giới văn nghệ và văn học không thể nào sống ngoài phạm vi xã hội và lịch sử ấy được.

Các bạn Văn sĩ thân mến,

Chủ nghĩa Nhân Vị không tách các bạn ra, trái lại, kéo các bạn vào vòng lịch sử và xã hội loài người. Chủ nghĩa Nhân Vị đặt các bạn vào chính trung tâm cuộc thử thách của lịch sử, và dành cho các bạn phần qui nhất, chỉ còn do nơi các bạn tự đảm nhận để làm nảy nở bằng mọi sáng tác. Mỗi người trong chúng ta phải dẫn mình vào lịch sử, phải thúc đẩy cuộc vận động lịch sử, chứ không phải

ngồi yên chờ đợi và nhìn ngắm hay mơ ước sông. Bất chiến tự nhiên thành là một quan niệm sai lạc, bởi lẽ có chiến mới có thắng.

Trong thế giới mà chúng ta đang cùng nhau xây dựng, đồng tiền không còn là mực thước duy nhất đo lường tất cả, dù là đo lường sự vật, nhân vật hay xã hội. Phần ưu tiên và cốt yếu phải dành cho con người. Cần kiến tạo lại con người, con người toàn diện, con người nối liền với Thượng Đế, với những người khác cũng như với vũ trụ. Muốn được như vậy, chúng ta cần phải đặt lại vấn đề giá trị và cấp bậc giá trị. Trước hết, cần phải đề cao giá trị thiêng liêng, như một nhu cầu tuyệt đối, chứ không phải dùng giá trị đó như một luận điệu để mê hoặc quần chúng hay mưu lợi cá nhân.

Ai muốn thực sự kính trọng con người thì phải giúp cho người đó đạt tới cứu cánh thiêng liêng, hoàn thành sứ mệnh và thiên chức của mình. Những giá trị vật chất, tuy là cần thiết, cũng không thể x nó làm nầy nở hoặc thỏa mãn con người. Các dân tộc chậm tiến không phải chỉ sống bằng cơm gạo, mà còn khao khát vinh dự, công bằng, chân lý và bác ái.

Tìm chân lý, mến chuộng mỹ thuật, phát triển tự do sáng tạo, biết dùng tự do đúng mức để thực hiện những mục tiêu của đời mình, từng bao giờ coi thương cảnh khổ của người khác, đừng chịu cúi đầu trước mọi đè ép, cố vượt tiến để đạt tới Thượng Đế mà mỗi người trên trái đất này là hình ảnh, đó là những điều kiện và những nguyên tắc của một đời sống nầy nở toàn diện.

Trước khi dứt lời, tôi xin cầu chúc những nhà văn trúng giải, cũng như tất cả các văn gia thi hữu thân mến, nhiều thành công rực rỡ hầu xây đắp một nền văn học lộng lẫy huy hoàng xứng đáng với bá Tiên Điền mà hôm nay là húy nhật, xứng đáng với nước

Việt Nam ngàn năm Văn hiến ». Với tác phẩm văn chương thi phú, với nhạc khúc muôn điệu du dương, với tất cả nỗi hoài bão của những tâm hồn băn khoăn vì lo âu hay phấn khởi trong hy vọng, với nhiệt huyết của nghệ sĩ đầy mơ mộng cũng như đầy tin tưởng, các bạn sẽ là những danh công tinh xảo xây đắp xã hội mới của ngày mai. Trong xã hội mới đó, sắc đẹp sẽ được chiều chuộng nâng niu mà không bị đẩy vào vùi dập, tâm hồn ngây thơ của nhi đồng sẽ được che chở dùm bọc, và con người sẽ sống với nhau tương thân tương ái. Xã hội mới đó sẽ là một thế giới gấm vóc mỹ lệ dệt bằng tình bác ái không vụ lợi, bằng đức liêm khiết không xảo trá, và bằng tài trí không tự tôn tự đại.

TRƯƠNG CÔNG CỬU

Bộ Trưởng Đặc Nhiệm Văn Hóa và Xã Hội.

Diễn văn của Ông LÊ - NGỌC - TRỤ đại diện các văn, thi sĩ trúng Giải Thưởng Văn Chương Toàn Quốc 1960-1961

*Kính thưa Ông Bộ Trưởng Đặc nhiệm Phối hợp Văn Hóa
Xã Hội, và quý vị Bộ Trưởng,*

Kính thưa Ông Tổng Giám Đốc Tổng Nha Thông Tin,

*Kính thưa quý vị trong Ban Tổ chức và quý vị trong
Ban Tuyển Trạch Giải Thưởng Văn Chương Toàn quốc
năm 1960-1961.*

Kính thưa quý vị quan khách.

Thật là một vinh dự lớn lao cho chúng tôi, những người có tác phẩm được trúng giải của « Giải thưởng Văn chương Toàn quốc » kỳ này đã được tiếp nhận Giải thưởng trong buổi lễ long trọng hôm nay.

Thay mặt tất cả văn hữu được trúng giải, tôi xin chân thành tỏ lòng tri ân Ông Bộ Trưởng Đặc Nhiệm Phối hợp Văn Hóa Xã Hội,

đại diện Chánh phủ, chủ tọa buổi lễ và xin đặt một niềm tin tưởng đối với một bậc có đầy đủ đức năng và thiện chí, lại có trách vụ thúc đẩy việc phát triển nền văn hóa của nước nhà.

Thưa quý vị,

Ngày phát giải thưởng hôm nay lại đúng vào ngày húy nhật văn hào Tiên điền Nguyễn Du ; sự lựa chọn đầy ý nghĩa này gợi cho chúng tôi tinh thần trách nhiệm thiêng liêng, ấy là thiên chức của nhà văn đối với tiếng Việt, một công cụ sắc bén, một phương tiện hữu hiệu nhất trong việc phát triển văn hóa ; và nguyện vọng của chúng tôi đối với tiền đồ văn hóa Tộc Quốc là ngôn ngữ được thống nhất, văn tự được điển chế ắt cũng là nguyện vọng chung của các giới.

Trong công cuộc kiến tạo quốc gia, hoạt động văn hóa vẫn đi song song với hoạt động chánh trị, quân sự và kinh tế xã hội. Nhưng chánh trị, quân sự, kinh tế có khi tùy giai đoạn lịch sử mà đổi hướng xoay chiều. Văn hóa, hiểu theo văn học và nghệ thuật, trái lại, tuy có tùy thuộc kinh tế và chính trị, lại có tánh cách trường tồn vĩnh cửu với dân tộc. Trải mấy ngàn năm lịch sử, với bao triều đại thăng trầm, bao chế độ đổi thay, nước Việt Nam Văn hiến vẫn tiến lên, với nền văn hóa cổ hữu tiêu biểu dân tộc tính bất khuất, và với một sức sống mãnh liệt của tiếng Việt tể nhị, mặc dầu ở kề cận bên văn hóa và ngôn ngữ của một nước khổng lồ, lúc nào cũng lăm le đồng hóa dân ta mà vô hiệu.

Vì thế, người ta có thể xét qua một nền văn hóa đang vươn lên mà biết được sinh lực dồi dào và trình độ tiến triển của một dân tộc.

Với tình trạng nước nhà ngày nay, trong giai đoạn toàn dân kiến thiết xứ sở theo tôn chỉ cao cả « vận động lịch sử giải phóng dân tộc

và giải phóng con người » thì vai trò của văn hóa càng trở nên quan trọng và cần thiết, bởi văn hóa chẳng những kịp bước với chánh trị mà còn phải tiên phong trong việc kiến thiết xã hội, giới văn nghệ sĩ chẳng những hòa mình đồng tiến với nhân dân mà còn có trách nhiệm trong sự thực hiện dân chủ và phát triển tự do, phải hướng dẫn quần chúng trên đường tiến bộ, đem tài năng sở trường của mình mà gây tình đoàn kết tương thân tương ái giữa đồng bào, và làm sáng tỏ công lý.

Ngoài trách vụ thường xuyên ấy, nhà văn còn có thiên chức trau dồi phát huy tiếng mẹ đẻ, nhất là trong tình trạng ngày nay, bởi ngôn ngữ là tinh thần của dân tộc.

Để hoàn thành trách nhiệm mình một cách cụ thể, mỗi nhà văn, mỗi văn nghệ sĩ nên gia tâm khảo cứu tìm tòi, sáng tác và dịch thuật được nhiều, trau dồi mỗi bộ môn sở trường của mình, đề cố gắng đi lần đến chỗ thiện mỹ. Như thế, các ngành học thuật, các xu hướng văn nghệ, tóm lại, tất cả các bộ môn trí thức trong xã hội đều có đà phát triển. Mỗi tác phẩm sẽ được viết bằng quốc văn rành rẽ rõ ràng, khả dĩ giúp vào sự học hỏi hiểu biết của các giới đồng bào. Trong khi trước tác, dịch thuật, giảng giải, bắt buộc ta phải tìm kiếm thuật ngữ thích hợp, chọn lựa cân nhắc danh từ cho ổn đáng, hoặc đặt bày thêm tiếng mới cho đủ dùng. Nhà văn nghĩ ra những cách dùng chữ khéo, những cách đặt câu tài, rồi lần lần lưu truyền đi, thành ra thông dụng. Cũng có thể ta lầm lạc trong sự lựa tiếng dùng chữ, nhưng người dùng sai thì có người phủ chính, trong cuộc bàn cãi giải thích sẽ nảy ra ánh sáng, làm rạng tỏ vấn đề, tư tưởng và từ ngữ nhờ đó sẽ được hòa hợp thích đáng với nhau. Và tiếng nói của chúng ta sẽ luyện thành qua những lỗi lầm về văn nói hoặc văn viết, bởi vì có sai lầm, có giải thích cãi cọ, thừa nhận, tất cả đều sẽ giúp cho Việt ngữ thêm dồi dào và thêm điều luyện.

Ngôn ngữ bàng bạc trong dân chúng, trải qua không gian và thời gian ; nhà văn ra công thâm thập, sắp dọn, định nghĩa, điều chế và dụng vào trong những tác phẩm của mình, trong mỗi bộ môn học thuật chuyên môn của mình. Thêm vào đó, những di sản văn hóa cổ truyền, những tác phẩm văn học nền tảng đời trước, được sưu tầm, diễn giải và phổ biến rộng rãi ; những tinh hoa của văn hóa quốc tế, những danh tác của Đông phương cũng như của Tây phương được thấu nhận và phiên dịch giải thích bằng tiếng Việt, rõ ràng, dễ hiểu.

Tất cả văn phẩm của mọi ngành trí thức sản xuất theo đà phát triển ấy sẽ là những kho tài liệu phong phú, gầy vốn cho tiếng Việt, giúp ta thực hiện sự thống nhất ngôn ngữ, diễn chế văn tự, nghĩa là kiến dựng nền tảng cơ bản cho tiếng Việt, thúc đẩy sự phát triển ngôn ngữ về mọi ngành kỹ thuật, để tiếng Việt xứng đáng địa vị « Quốc ngữ » của nước Việt Nam văn hiến. Và Viện Hàn Lâm sẽ lo tu soạn bộ tự vị tiêu chuẩn, quyền văn phạm mẫu mực, bộ *Việt Nam Bách Khoa Từ Điển* thâm thập biên khảo các ngành học thuật văn hóa của xứ sở. Và công trình này sẽ giúp quốc gia vượt tiến lên, nhân dân nhờ có tài liệu đầy đủ để học hỏi mà hiểu rộng thấy xa, phát huy đạo đức. Có biết mình, biết người, mới dễ thất bại tình yêu nhân loại.

Đó là nguyện vọng tha thiết của chúng tôi và chắc cũng là nguyện vọng của các giới.

Song văn hóa chỉ có thể phát triển trong tự do và phát triển mạnh mẽ nếu được khích lệ nâng đỡ.

Về điểm này, chúng ta vô cùng hào hứng khi nhận thấy tinh thần tự do nơi đây được thể hiện dưới nhiều hình thức mà rõ rệt nhất là việc tổ chức Giải thưởng Văn Chương Toàn quốc. Thật vậy, tổ chức này, từ trước đến nay, không hề đặt ra điều kiện hoặc thể thức đặc biệt nào, về nội dung cũng như về hình thức, khiến các tác giả dự tuyển phải tuân theo, để cho tác phẩm của mình được trúng cách. Và văn nghệ sĩ mặc nhiên tự do sáng tác, trong tinh thần xây dựng, hợp với hoàn cảnh thực tế của xứ sở. Đến khi tuyển chọn,

Ban Hội đồng cũng không vì giải thưởng của chánh quyền mà phải dựa theo một tiêu chuẩn cố định nào để lựa chọn tác phẩm, như ông Chủ tịch Hội đồng chấm giải kỳ trước đã long trọng tuyên bố trong kỳ phát thưởng năm ngoái.

Trong công việc khích lệ phong trào văn hóa của chánh quyền bằng cách đặt giải thưởng hàng năm do Văn Hóa Vụ đảm nhiệm, hầu hết văn nhân nghệ sĩ đều hoan nghinh và hưởng ứng ; tất cả đều tin tưởng vào tính cách tự do ấy mà sáng tác, và đã lần lượt đạt được những kết quả vẻ vang. Nay đến lượt chúng tôi được giải thưởng, tuy những tác phẩm trúng tuyển chưa được hoàn toàn thiện mỹ, chúng tôi cũng rất lấy làm sung sướng và hãnh diện là đã dự một phần nhỏ trong công cuộc xây dựng và phát triển nền văn hóa đang vươn lên của đất nước. Và riêng tôi, được giải nhất bộ môn khảo cứu, mà lại là giải duy nhất, tôi không thể không cảm động, một phần vì mình được vinh dự, mà một phần lớn vì nhận thấy rằng giới trí thức và chánh quyền đã lưu tâm đặc biệt đến tiếng « mẹ đẻ » : một nước độc lập phải trau dồi lấy quốc ngữ của mình.

Giải thưởng Văn chương Toàn quốc thật tốt đẹp, đầy ý nghĩa ; vài cơ quan văn hóa khác đã hưởng ứng, như Tinh Việt Văn đoàn, Liên Đoàn Công Chức Cách Mạng Quốc Gia, Nhật báo Tiếng Chuông. Nhưng việc khuyến khích sáng tác sẽ được nhiều cơ quan văn hóa đủ các xu hướng hưởng ứng, đặt nhiều giải thưởng về đủ mọi ngành, được nhiều nhà có hăng tâm hăng sản thiết tha vì tiền đồ văn hóa nước nhà, tham gia gây thành phong trào tặng giải thưởng khuyến khích văn học. Và như vậy, công cuộc chấn hưng văn hóa của xứ sở sẽ có cơ thành đạt.

Đó là sở nguyện của chúng tôi. Một lần nữa, chúng tôi xin Ông Bộ Trưởng Đặc nhiệm Phối hợp Văn hóa Xã hội, và quý vị Bộ Trưởng, Ông Tổng Giám Đốc Tổng Nha Thông Tin, quý vị trong Ban Tổ chức và Ban Hội đồng chấm giải, nhận nơi đây lòng thành kính tri ân của chúng tôi.

LÊ NGỌC TRỤ

(Đọc trong buổi lễ

Giải Văn Chương Toàn Quốc tổ chức tại

phòng Triển lãm Đô Thành

<https://tieu lun.hopto.org>

NGỌC ANH

Kết quả Giải Thưởng Văn Chương Toàn Quốc và các giải thưởng khác

Văn hóa vụ, thuộc Tổng Nha Thông Tin, theo nguyên tắc, từ năm 1956 có tổ chức mỗi năm những giải thưởng văn chương, mệnh danh là « Giải thưởng văn chương toàn quốc ».

Dưới đây là những nhà văn đã đoạt giải lần đầu năm 1957.

Môn khảo luận :

— « *Văn chương bình dân* » của Thanh Lăng (40.000đ.).

— « *Xây dựng trên nhân vị* » của Bùi Tuân (20.000đ.).

— « *Người xưa* » của Trần Đình Khải (20.000đ.).

Tiểu thuyết :

— « *Tìm về sinh lộ* » của Kỳ Văn Nguyên (30.000đ.).

— « *Nếp nhà* » của Bửu Kế (20.000đ.).

— « *Đem tâm tình viết lịch sử* » của Nguyễn Mạnh Côn (20.000đ.).

Thơ :

— « *Anh Hoa* » của Phạm Mạnh Viên (20.000đ.).

— « *Long Giang thi tập* » của Trần Hữu Thanh (20.000đ.).

— « *Nam Trung thi tập* » của Nguyễn Văn Bình (20.000đ.).

— « *Kiếp hồng nhan* » của Quang Hân (20.000đ.).

Kịch :

— «*Bão thời đại*» của Trần Lê Nguyễn (40.000đ.).

— «*Ái tình Bôn-sơ-vích*» của Thanh Bình (20.000đ.).

— «*Hai màu áo*» của Minh Đăng Khánh (20.000đ.).

Thành phần ban giám khảo : Chủ tịch là ông Đoàn Quan Tấn, rồi đến giáo sư Nghiêm Toản, Trương Công Cừu, Nguyễn Khắc Kham, Vũ Hoàng Chương, Vũ Khắc Khoan, linh mục Nguyễn Văn Thích, bà Tùng Long, nhà văn Phú Đức, Hồ Biểu Chánh, Vi Huyền Đắc, Đông Hồ và ông Nguyễn Thành Châu.

Giải Thưởng Văn Chương 1958 - 1959

Khảo luận :

— «*Bộ Dịch kinh tân khảo*» của Nguyễn Mạnh Bảo (30.000đ.).

— «*Việt Nam văn học toàn thư*» của Hoàng Trọng Miên (25.000đ.).

Tiểu thuyết :

— «*Đò dọc*» của Bình Nguyên Lộc (25.000đ.).

— «*Thần tháp Rùa*» của Vũ Khắc Khoan (25.000đ.).

— «*Đời phi công*» của Toàn Phong (15.000đ.).

— «*Mưa đêm cuối năm*» của Võ Phiến (15.000đ.).

Thơ :

— «*Hoa đăng*» của Vũ Hoàng Chương (30.000đ.).

Kịch :

Không có giải thưởng.

Thành phần Hội đồng giải văn chương 1958-1959 gồm có : Ông Trương Công Cừu, Hà Như Chi, Đái Đức Tuấn, Hà Thượng Nhân, Trần Hữu Thanh, Đỗ Đức Thu, Đông Hồ, Vi Huyền Đắc.

Giải Thưởng Văn Chương 1960 - 1961

Khảo luận :

— «*Việt ngữ chính tả tự vị*» của Lê Ngọc Trụ (80.000đ.).

Tiểu thuyết :

Giải nhất :

— «*Thềm Hoang*» của Nhật Tiến (40.000đ.).

Giải nhì :

— «Gìn vàng giữ ngọc» của
Doãn Quốc Sỹ (20.000đ.).

— «Tàu ngựa cũ» của cô
Linh Bảo (20.000đ.).

Thơ :

Giải nhất :

— «Đường vào tình sử»
của Đinh Hùng (30.000đ.).

Giải nhì :

— «Hy vọng» của Hoàng
Bảo Việt (20.000đ.).

Giải ba :

— «Tổ ấm» của Anh
Tuyền (15.000đ.).

— 40 bài thơ của Mai
Trung Tĩnh và Vương Đức
Lệ (15.000đ.).

Kịch :

Không ai được giải.

Hội đồng Tuyển Trạch :

Thành phần Hội đồng
Tuyển trạch Giải thưởng văn
chương toàn quốc năm 1960-
1961 không giống như ở
những kỳ trước, nghĩa là
không do Ban Tổ chức chỉ
định mà lại do các văn thi sĩ

trong toàn quốc chọn lựa đề
cử. Lễ lối hoạt động, tổ chức
có quy củ và đầy tinh thần
dân chủ, công bằng này được
giới văn nghệ ở đây nhiệt
liệt hoan nghênh và đem lại
cho giải thưởng nhiều kết
quả tốt đẹp làm thỏa mãn
mọi người. Ban Tổ chức Giải
thưởng gửi đến từng văn
nhân thi sĩ trong nước một
Phiếu Đề cử Hội đồng Giám
khảo Giải thưởng Văn
chương Toàn quốc 1960-1961,
gồm có tên tuổi của các nhà
văn, nhà thơ quen biết thuộc
từng bộ môn: Khảo luận,
Thi ca, Tiểu thuyết, Thoại
kịch. Các phiếu đề cử này
được tập trung lại rồi Ban
Tổ chức căn cứ vào tên tuổi
nào được số phiếu đề cử
nhiều nhất để thành lập danh
sách của Hội đồng Tuyển
trạch.

Sau đây là kết quả của
cuộc đề cử Hội đồng Tuyển
trạch Giải thưởng Văn
chương Toàn quốc 1960-1961 :

Bộ môn khảo luận :

Ô.Ô. — Nguyễn Đăng Thục

— Nguyễn Duy Cần

— Nguyễn Văn Trung.

Bộ môn thơ :

- Ô.Ô. — Vũ Hoàng Chương
— Đông Hồ
— Thanh Tâm Huyền.

Bộ môn kịch và tiểu thuyết :

- Ô.Ô. — Vi Huyền Đắc
— Vũ Khắc Khoan
— Bình Nguyên Lộc
— Đỗ Đức Thu.

Nguyễn Thạch Kiên : với tác phẩm *Màu hoa phượng*.

Lan Đình : với tác phẩm *Đường xa chỉ mấy*.

Cô Chi Lan Thảo : với tác phẩm *Một thời ly loạn*.

Không ai đoạt giải Lecomte de Nouy.

và trong niên khóa
1960 - 1961

Giải thưởng Văn Chương Tỉnh Việt

Do một nhóm nhà văn tổ chức tặng cho những tác phẩm Việt ngữ sáng tác hoặc biên khảo theo những nguyên tắc như sau : Quyền tối thượng của tinh thần — Phát triển nhân vị — Tình yêu gia đình và tổ quốc — Nghĩa liên đới nhân loại.

Có hai giải thưởng :

Giải « Trương Vĩnh Ký » dành cho tiểu thuyết (20.000\$)

Giải « Lecomte de Nouy » dành cho các loại biên khảo (20.000\$).

Năm 1958-1959 Tỉnh Việt Nam đoàn đã tặng giải cho những nhà văn :

Giải Lecomte de Nouy về tay bác sĩ Nguyễn Văn Thọ với tập « Trung Dung khảo luận » gồm ba cuốn, và tập « Một triết lý cho thanh niên » của Nguyễn Văn Cần. Nhưng ông Nguyễn Văn Cần đã từ khước không nhận giải thưởng.

Không tác giả nào được giải thưởng « Trương Vĩnh Ký ».

Giải thưởng Truyện Ngắn « Tiếng Chuông »

Bên cạnh 2 giải thưởng « Văn chương Toàn Quốc » và « Tỉnh Việt » còn có « Giải thưởng Truyện ngắn » do nhật báo Tiếng Chuông tổ chức.

Đến nay, giải này đã được 4 tuổi — năm đầu từ 1958. Đây là một giải thưởng hoàn toàn có tính cách tư nhân và các tác phẩm trúng giải là những truyện ngắn do độc giả của nhật báo gửi đến tham dự. Những truyện khá được đăng hằng ngày với một số tiền nhuận bút là 300 đồng. Sau một đợt 6 tháng, Tòa soạn báo Tiếng Chuông và Hội đồng Tuyển Trạch gồm có một số nhà văn, nhà báo tên tuổi, tuyển chọn ở vòng chung kết các tác phẩm khá nhất để trao tặng giải thưởng. Sáng kiến này có hai tác dụng: làm tăng thêm số độc giả cho báo T.C. và khuyến khích các bạn trẻ tập tành sáng tác. Cuộc thi này được rất đông độc giả hưởng ứng và là một giải thưởng có tính cách « văn nghệ » duy nhất do một cơ quan tư nhân đứng ra tổ chức.

Trên bình diện văn chương, số lớn tác phẩm trúng giải của giải thưởng không có

một giá trị nào đáng kể, nhưng cuộc thi của nhật báo Tiếng Chuông có được số tiền tặng thưởng khá lớn, gây sự chú ý đặc biệt, cho mọi người.

Tính số phí và tiền làm giải thưởng trong 1 năm của cuộc thi. Truyện ngắn Tiếng Chuông, gồm có :

300\$ (1 bài) × 150 (bài) :	45.000\$
Tiền thưởng	40.000\$
Chi phí mỗi kỳ phát giải	30.000\$

Tổng cộng : 115.000\$

Và mỗi năm, tổ chức 2 lần:
115.000\$ × 2 : 230.000\$.

Như vậy, tiền chi cho một năm của cuộc thi truyện ngắn Tiếng Chuông là 230.000\$ — và hiện nay, nhật báo T. C. đang tiếp tục tổ chức cuộc thi này.

DUY ANH

Cải thiện và chấn hưng Giải Thưởng Văn Chương

L.T.S. — Giải Thưởng Văn Chương Toàn Quốc do Văn Hóa Vụ tổ chức đã được 3 kỳ với những thành quả tốt đẹp. Những tác phẩm trúng giải thuộc đủ loại gồm nhiều màu sắc, khuynh hướng khác nhau và được giới văn nghệ ở đây thừa nhận giá trị văn chương của nó. Các tác giả đoạt giải thưởng là những văn thi sĩ có tên tuổi trên văn đàn, đã có ít nhiều thành tích trên đường sự nghiệp. Giải thưởng đã phát ra, tuy không to tát lắm, song là phần thưởng tinh thần đáng chú ý và làm bộc hiện tính chất duy nhất, giá trị văn học của Giải Thưởng Văn Chương Toàn Quốc.

Tuy nhiên, xét thấy vẫn còn nhiều khuyết điểm trong phần tổ chức, cũng như ở một vài điều lệ chấm giải mà bất cứ giải thưởng nào cũng gặp phải trong giai đoạn đầu, ban tổ chức đang nỗ lực cải thiện giải thưởng để thích ứng với nhu cầu văn nghệ và giá trị văn học bằng cách rút tỉa kinh nghiệm ở mỗi kỳ tổ chức.

Đề góp phần xây dựng giải thưởng với ban tổ chức, bạn Duy Anh có đề nghị một ý kiến cải thiện và chấn hưng « Giải Thưởng Văn Chương Toàn Quốc », Văn Hữu hân hạnh đăng tải bài của bạn Duy Anh và hy vọng nó sẽ gây được tiếng vang trong giới văn nghệ với sự góp ý kiến xây dựng nhiệt thành của các văn hữu xa gần.

TỪ năm 1957 tới nay, Văn Hóa Vụ đã tổ chức được ba giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc (1957, 1958-59, 1960-61).

Với mục đích khuyến khích mọi hoạt động trong lĩnh vực văn học trên toàn quốc, những giải thưởng này cho thấy những kết

quả như sau :

1) Giới trí thức văn nghệ đã chú ý đến nền văn học nước nhà ; báo chí, dư luận đã chăm chú theo dõi, nên trước và sau mỗi kỳ công bố giải thưởng, các báo hàng ngày, hàng tuần, các tập san đã có những bài bình luận, giới thiệu và phê bình...

2) Giải thưởng đã kích thích được một phần nào hoạt động xuất bản trong nước, nhất là ngành xuất bản thi phẩm ;

3) Một vài tổ chức văn hóa của đoàn thể hoặc tư nhân đã hưởng ứng việc làm của Văn Hóa vụ.

Trong những kết quả thu lượm được, Văn Hóa Vụ cũng có những nhận xét sau đây :

A. — Sự hưởng ứng của các đoàn thể, tổ chức tư nhân trong việc treo các giải thưởng văn chương hãy còn ít ỏi và quá thiên về mặt văn chương thuần túy (tiểu thuyết, truyện ngắn, thơ...) mà không để ý đến những công trình biên khảo có khi rất công phu (như cuốn « *Dân Luật Lược Khảo* » của Vũ Văn Mẫu, cuốn « *Cây Cỏ Miền Nam Nước Việt* » của Phạm Hoàng Hồ...) Những cuốn này rất có giá trị trong lĩnh vực chuyên môn, khảo cứu, nhưng không được xét tới để khích lệ.

B. — Cũng vì lý do trên, nên văn giới dồn sự chú ý vào giải thưởng của Văn Hóa Vụ, được coi như quan trọng nhất, có lẽ vì có tánh cách chánh thức, bao gồm nhiều bộ môn văn nghệ,

và số tiền thưởng tương đối lớn hơn.

..

SONG song với những thành quả này, đã có những thắc mắc, những đòi hỏi mà ta không thể nhất đán thỏa mãn được ;

Việc làm của Văn Hóa Vụ nằm trong Tổng Nha Thông Tin — như trên đã nói có mục đích kích thích phong trào văn hóa — thường bị lẫn lộn với công việc của một Hàn Lâm Viện : bởi thế trong giới văn nghệ đã có những suy luận khác nhau. Thí dụ : Khi ta thưởng những tác giả đã có tên tuổi từ hồi tiền chiến thì phái trẻ phản nản là quá bảo thủ, không biết thưởng thức những xu hướng mới ; trái lại nếu tặng thưởng cho những tác giả lớp sau thì có thể bị chê trách là theo thời và không công bình đối với những giá trị nghệ thuật vĩnh cửu ; khi thưởng một tác phẩm như cuốn « *Đem Tâm Tinh Viết Lịch Sử* » của Nguyễn Kiên Trung thì bị coi như nặng về tiêu chuẩn chính trị, có dụng ý lệ thuộc văn nghệ vào chính trị ; nhưng nếu thưởng cho cuốn « *Đò Dọc* » của Bình-Nguyên Lộc thì lại bị công kích là chủ

trương một thứ văn chương hoạt
đầu, phù phiếm, vô trách nhiệm..
Tóm lại, thật là khó xử khi phải
đóng vai trò một trọng tài gần
như độc nhất giữa các xu hướng
này học, giữa nhu cầu văn hóa
và nhu cầu chính trị.

..

DO những nhận xét trên, tôi
nghĩ rằng nên có giải pháp
chuyển hướng sau đây :

1) Thay vì độc lực gánh lấy
trách nhiệm nâng đỡ văn học,
ta hãy vận động cho được nhiều
quan, đoàn thể, tổ chức, hiệp
hội văn hóa, chính trị, tham gia
phong trào khuyến khích hoạt
động văn học bằng cách hàng
năm treo nhiều giải thưởng văn
nghệ :

a) — Được như vậy, mỗi
năm sẽ có một số đông văn nghệ
sĩ được khuyến khích và nâng
đỡ, thay vì hàng năm họ chỉ
trông đợi có một kỳ vào giải
thưởng của Văn Hóa Vụ.

b) — Có nhiều giải thưởng
mới có hy vọng khuyến khích
được sự tìm tòi, khảo cứu trong
nhiều ngành học thuật, trong đủ
các xu hướng văn nghệ. Thí dụ :
Những tác giả như Sao Trên
Rừng, Tô Thùy Yên... có thể
trông ở giải có xu hướng như

nhóm Sáng Tạo, trong khi bà
Tương Phố, ông Vũ Hoàng
Chương trông đợi ở một Thi ca
khác; tác giả «Saigon Năm Xưa»
có thể được một giải thưởng do
Tòa Đô Chính Saigon tặng trong
khi cuốn « *Cộng Sản Là Gì ?* »
sẽ được Hội Nạn Nhân Cộng
Sản tưởng thưởng.

c) — Với sự tham gia của các
đoàn thể, tư nhân... Việt Nam sẽ
có nhiều giải thưởng và mỗi giải
thưởng sẽ phản ảnh một khuynh
hướng, một lập trường văn học.
Hiện tượng này chứng tỏ *Tự Do
Văn Hóa* của ta, và lúc đó dư
luận sẽ không đòi hỏi ở giải
thưởng Văn Hóa Vụ một sự công
bằng tuyệt đối không thể có được
như hiện thời : giải thưởng Văn
Hóa Vụ cũng chỉ phản ảnh một
quan niệm mà thôi. Tùy theo sự
nhận định về tình hình văn nghệ,
sự khuyến khích của ta có thể
mỗi năm, mỗi giai đoạn, hướng
về một bộ môn hoặc về một nội
dung khác nhau.

Thí dụ : Trong giai đoạn này
xét thấy bộ môn Kịch bị sút kém,
ta đặt giải thưởng về kịch, hoặc
xét thấy trong lúc toàn dân chiến
đấu mà nghệ phẩm thiếu chiến
đấu tính, thì ta tặng thưởng
riêng những tác phẩm có tính
chất đó.

Sự khuyến khích văn nghệ của ta, như vậy có đường lối, có chủ trương rõ rệt, không thể bị coi nhầm là độc tài, là chỉ huy, vì ta công nhận các xu hướng khác có quyền phát triển tự do.

d) — Hiện thời mỗi năm Văn Hóa Vụ chỉ có 320.000\$ về giải thưởng mà vẫn không nâng đỡ đủ mọi cố gắng văn hóa. Sau này, với sự tham gia của các đoàn thể tư nhân v.v... ta có thể hạ món tiền thưởng xuống 100.000 đồng chẳng hạn, nhưng dồn cả vào một bộ môn và một hướng văn nghệ nào xét ra cần phải khuyến khích nhất. Như vậy công quỹ được lợi, mà giới văn nghệ cũng được lợi, vì họ còn trông đợi ở nhiều giải thưởng khác.

2) Mỗi năm tổ chức thành một « Mùa Giải Thưởng Văn Chương » tập hợp tất cả các giải thưởng vào trong thời gian này. Thí dụ : Tam cá nguyệt cuối năm (tháng 10, 11 và 12) sẽ dành riêng cho việc tuyên bố và cấp các giải thưởng văn học.

Nếu cơ quan, đoàn thể công tư nào cùng ấn định ngày phát thưởng vào một trong 3 tháng đó, các văn nghệ sĩ sẽ biết trước, có đủ thời giờ dự bị sáng

tác để chờ đợi kết quả vào những tháng cuối năm.

« Mùa Giải Thưởng Văn Chương » sẽ làm sôi nổi tinh thần ganh đua văn nghệ và sẽ gây một bầu không khí náo nhiệt cho giới văn học của Việt Nam tự do.

3) Điều kiện tham dự các giải thưởng Văn Chương sẽ dễ dãi, văn nghệ sĩ có thể nộp bản thảo viết tay hoặc đánh máy không bắt buộc phải ấn loát các tác phẩm dự thi.

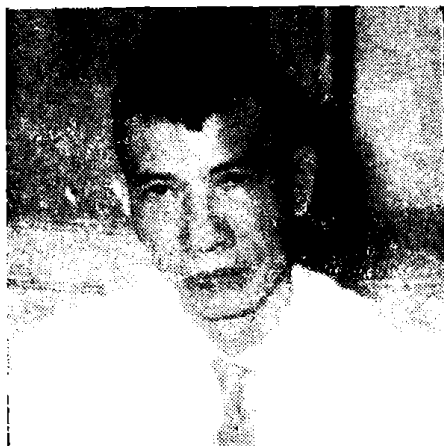
Sự dễ dãi này sẽ khuyến khích một số đông các tác giả có tài, có thiện chí xây dựng văn học, nhưng không có đủ phương tiện để in tác phẩm của họ.

..

VIỆC cải thiện lại « Giải Thưởng Văn Chương » có thể là một công trình xây dựng lớn lao trong công cuộc chuyển hướng và bồi dưỡng nền văn nghệ nước nhà. Tuy nhiên thành công được vẫn do sự khéo léo vận động ; và sự nâng đỡ và cộng tác mật thiết của các cấp trên trong chính quyền, của những đoàn thể, tư nhân thiết tha đến nền văn hóa nước nhà.

PHẦN THỨ HAI

Phần thứ hai của Văn Hữu số 21 này được hoàn thành với sự cộng tác của các nhà văn, nhà thơ đã trúng Giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc 1960-1961 : Nhật Tiến — Lê Ngọc Trụ — Doãn Quốc Sỹ — Đinh Hùng — Mai Trung Tĩnh — Vương Đức Lệ — Hoàng Bảo Việt — Anh Tuyền — Cô Linh Bảo — Bình Nguyễn Lộc.



Lê - Ngọc - Tru

- ★ Sinh ngày 25-3-1909 tại đường Phú Lâm, Cây Gõ (Hộ Sáu Chợ-Lớn Châu Thành), trong một gia đình không khá giả, đông con.
- ★ Lúc nhỏ, học chữ Hán với cha ; lớn lên, học trường Phú Lâm (1915-1925) và trường Sư phạm Sài-Gòn (1925-1929).
- ★ Dự cuộc bãi khóa 17-5-1929, bỏ thi Thành-chung. Và, để tỏ tình đoàn kết với anh em, không trở vô học lại, cam tâm đi làm hăng buồn để bồi thường 4 năm học phí. Vì vậy, cho đến ngày nay, ông không có mảnh bằng gì cả.
- ★ Bị đau lỗ tai và bị mổ xương tai (1-6-1926), bệnh này ảnh hưởng nhiều đến sức khoẻ của ông, khiến ông đau ốm luôn, nhưng cũng giúp ông, với tánh hiếu học, « ngồi mãi ở nhà, cặm cụi với sách vở ».
- ★ Ra đời, từ 1932 đến 1944, cai quản Tiệm vàng Lê Văn Ngừ (Chợ-Lớn) của cha vợ. Trong thời gian ấy, ông tự học, đọc sách khảo cứu về ngôn ngữ, và viết bài đăng rải rác trên các báo.
- ★ Hội viên Hội Khuyến Học Nam Việt từ năm 1941 và biên tập viên Tập kỷ yếu của Hội.
- ★ Sau thời biến cố, từ năm 1948, giúp việc tại Thư viện Quốc gia, và được cử làm Chủ sự Phòng Sưu tầm và Thư viện từ năm 1961.
- ★ Tiếp tục khảo cứu tiếng Việt và đăng bài trong các tạp chí Sông Hương, Mới, Văn đàn... và xuất bản bộ Chánh tả Việt ngữ (1951).
- ★ Được mời làm giảng viên môn Chánh tả Việt Nam tại Trường Đại học Văn khoa Sài-Gòn, từ năm 1958.
- ★ Quyền Việt ngữ chánh tả tự vị (1960) được « Giải thưởng Văn chương Toàn quốc 1960-1961 », Bộ môn Biên khảo. Ngoài ra, đã hiệp tác với ông Phạm Văn Luật biên khảo và chú thích quyền Nguyễn Cư Trinh và quyền Sài Vãi (1952).
- ★ Hiệp tác với bà Võ Thị Hay dịch quyền Le Livre de mon ami (Quyền chuyện của bạn tôi) của Anatole France (1962).
- ★ Đang soạn quyền Việt Nam ngữ nguyên tự vị.



LÊ NGỌC TRỤ

Lối đọc chữ Hán

CÓ loài người, có ngôn ngữ ; nhiều dân tộc khác nhau nói nhiều ngôn ngữ khác nhau. Và con người dùng tiếng nói trao đổi tư tưởng với nhau thật rất trước lâu, từ khi có nhân loại ; dấu hiệu tượng trưng và chữ viết chỉ mới được bày để ghi lại tiếng nói, vào khoảng năm ngàn năm nay : dấu vết còn lại được thấy bằng lối nét vẽ, dấu hiệu thô sơ trên đá, trên xương, trên đất hăm và đồ đồng. Và lối chữ tượng hình biểu ý cũng có trước rất lâu hơn lối chữ tiêu âm rập vần.

Tiếng nói ra rồi mất, và ngôn ngữ, cùng với thời gian, dễ biến thiên ; nhiều tiếng cổ, tiếng xưa ta không còn biết nữa, nhiều ngữ từ đã không còn dùng hoặc lối thời. Chữ viết lưu lại dấu vết, ghi được phần nào tiếng nói, nên

tuy chữ viết có sau tiếng nói, lại là tài liệu cụ thể giúp ích ta tìm biết được những từ ngữ cổ xưa.

Chữ Hán, dùng gọi chung cho lối chữ thông dụng tại Trung Hoa và các xứ lân cận chịu ảnh hưởng văn hoá Trung Hoa, như Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam..., là lối chữ biểu ý. Từ lối chạm vẽ thô sơ thời Tam Hoàng Ngũ Đế, thời Nghiêu Thuấn, lối « đại triện khoa đầu tự » của Thái sử Trụ đời Châu (khoảng thế kỷ thứ VIII Tiền), lối « tiểu triện » của Lý Tư đời Tần Thỉ Hoàng đến lối « khải thư » đời Tấn thông dụng đến ngày nay, nếu kể luôn lối tỉnh lược và thảo tự thì chữ Hán đã thay đổi biến thiên rất nhiều, từ hình thể đến sự cấu kết các « bộ » để thành một chữ.

Một chữ Hán viết ra lại tùy (miền Nam cũng như miền Bắc), từng vùng từng xứ mà phát âm khác nhau, ngay với dân tộc Trung Hoa cũng có nhiều giọng ; với người Triều Tiên, thành tiếng Hán-Hàn, với người Nhật, tiếng Hán-Hoà, và với người Việt, tiếng Hán-Việt từ thế kỷ thứ X.

Ở đây, chúng tôi không đối chiếu giọng đọc khác nhau của các vùng các xứ cùng một chữ Hán. Riêng về giọng Hán-Việt, Trung Hoa dùng cách nào để đọc đã trại khác xa giọng Trung Hoa

Vậy, chữ Hán là lối chữ biểu ý, không phải như lối chữ tiêu âm ráp vần mà đọc, thì người



Không kể thời-gian-tính, dờ tự-diễn chữ Hán, thấy đại-đề có mấy lối chủ-âm sau đây :

- lối « *đọc-nhược* » 讀若 ;
- lối đọc chữ sẵn có ra một loại « *thình* » khác ;
- lối « *phiên-thiết* » 反切.

1) Lối « *đọc-nhược* », tức là « *đọc như* », nghĩa là dùng một chữ « *đồng-âm* » mà chua, như 徇 « *đọc như* » 宣 « *tuyên* ».

Khang-Hi tự-diễn dùng mấy thuật-ngữ « *đọc-nhược* », « *âm* 音 » hoặc « *đồng* 同 » để ghi lối này. Thí dụ như :

- 丿 « *đọc như* » 哀 (cồn)
- ㄩ « *âm* » 鴉 (a) ; 中 « *âm* » 忠 (trung)
- 万 « *đồng* » 萬 (vạn)

.....

Lối này, nếu không có chữ « *đồng-âm* » thì không dùng được.

2) Lối thứ nhì, cũng ít thông-dụng, là dùng một chữ sẵn có thuộc loại *thình* nhất-định, mà đọc ra một loại *thình* khác.

Như trong *Khang-Hi tự-điển*, nơi chữ 𠀤, ghi 𠀤 (*ca*) «khứ-thình»; vậy phải đọc là *cá*. *Ca* thuộc loại «bình-thình» và ở vào âm-giai «thượng-bình-thình», đọc ra «khứ-thình» là giọng có dấu *sắc*, dấu *nặng*, mà ở vào âm-giai «thượng», đồng âm-giai với tiếng chưa là «thượng-bình», nên phải đọc với giọng *sắc*: *cá*.

Nơi chữ 𠀤, chưa 𠀤 (*nhậm*) «nhập-thình». *Nhậm* ở «hạ-khứ-thình» phải đọc ra «hạ-nhập-thình» là *nhập*.

Nơi chữ 𠀤, ghi thêm 𠀤 (*thương*) «thượng-thình». *Thương* ở «thượng-bình» đọc ra «thượng-thượng», với giọng, *hỏi* là *thưởng* (quen đọc là *thường*).

Nơi chữ 𠀤, ghi thêm 𠀤 (*tàng*) «nhập-thình». *Tàng* ở «hạ-bình» đọc ra «hạ nhập» là *tạc*.

Nơi chữ 𠀤, chưa 𠀤 (*mộc*) «bình-thình». *Mộc* ở «hạ-nhập» đọc ra «hạ-bình» là *móng*, vì tiếng Hán-Việt khởi-đầu bằng *M* không có giọng *huyền* («hạ-bình»).

.....

Như vậy, phải biết bốn loại thình, và tùy bậc thình của chữ dùng «chú-âm» mà đọc ra bậc thình của loại thình được ghi-chú.

Ta biết «thình» chữ Hán gồm bốn loại: *bình*, *thượng*, *khứ*, *nhập*; mỗi loại có hai bậc, ở hai âm-giai khác nhau, gọi *thượng* và *hạ* hoặc «*thanh*» và «*trọc*»: *thượng-bình*, *hạ-bình*; *thượng-thượng*, *hạ-thượng*; *thượng-khứ*, *hạ-khứ*; *thượng-nhập*, *hạ-nhập*.

Nếu đối-chiếu với tiếng Hán-Việt thì đại-đề tứ thình đối-ứng với các dấu-giọng của tiếng Hán-Việt như vầy:

Thượng-bình là giọng *ngang* (viết không dấu).

Hạ-bình là giọng *huyền*. (Riêng đối với tiếng Hán-Việt khởi-đầu bằng *L*, *M*, *N*, *Ng*, *Nh*, *D* và *V* thì là giọng *ngang*, như: *nam nhi*, *lê minh*, *nghi*, *dân*, *văn*...)

Thượng-thượng: *hỏi*

Hạ-thượng: *ngã* (và một số ít: *nặng*)

Thượng-khứ : **sắc**

Hạ-khứ : **nặng**

Thượng-nhập : **sắc**

Hạ-nhập : **nặng** } những tiếng có *c, ch, p, t* cuối.

Đây là đối-chiếu từ thanh với giọng Hán-Việt ; giọng Trung-Hoa cổ như thế nào, thật chưa biết rõ. Đối-chiếu với giọng-Trung Hoa ngày nay, giọng Quảng-Đông (miền Nam) không tương-ứng với giọng quan-thoại (miền Bắc). Tiếng Quảng-Đông có chín (9) giọng, tiếng quan-thoại có năm (5), trong khi tiếng Hán-Việt có tám (8). Đại-khái như dưới đây.

Từ Thanh	Hán-Việt	Dấu	Quảng-Đông	Dấu	Quan-Thoại	Dấu
thượng bình (âm bình)	ngang	không dấu	sắc	1	ngang	—
hạ bình (dương bình)	huyền	◡	huyền	1	hỏi	?
	ngang (những tiếng khởi đầu : l, m, n, ng, nh, đ, v)	không dấu				
thượng thượng	hỏi	?	hỏi	2	huyền	◡
hạ thượng	ngã	~	nặng, huyền	2		
thượng khứ	sắc	/	ngang	3	sắc	/
hạ khứ	nặng	•	huyền (kéo dài)	3		
thượng nhập	sắc	/	sắc	4	không có <i>c, ch, p, t</i> cuối, đọc ra mấy giọng trên (1)	
hạ nhập	nặng	•	(trung nhập) ngang nặng	0		
				4		

(1) giọng **sắc** (và **ngang**) những tiếng khởi-đầu bằng **thanh-âm** (*p, t, k, ph, th, kh, ch, h*) và **hữu-âm** (*l, m, n, ng, nh, đ, v*) của tiếng Tàu.

giọng **hỏi**, những tiếng khởi-đầu bằng **trọc-âm** (*b, đ, g, j, d, v, h*) của tiếng Tàu.

Nhân theo trên đây, ta có thể đọc những tác-phẩm của học-giả Tây-phương **phiên-thành** tiếng quan-thoại, như Couvreur, Wiegner, Vissière : — (ngang), ? (hỏi), ◡ (huyền), / (sắc).

Hai loại thanh *thượng* và *khứ* có khi cũng đọc lẫn nhau, như « thanh-thượng » đọc ra « thanh-khứ » :

Thiếu = *thiểu*; *sử* = *sử*; *tử* = *tử*...

và « trọc-thượng » đọc ra « trọc-khứ » :

Lưỡng = *lượng*; *đễ* = *đệ*; *tễ* = *tệ*; *hãn* = *hạn*...

Theo sự đối-chiếu tứ thanh trên đây, có người cho giọng Hán-Việt ngày nay còn giữ được giọng Trung-Hoa thời xưa.

3) Lối thông-dụng để đọc chữ Hán là lối *phiên-thiết*. Phiên-thiết gần như lối « nói lái » của tiếng Việt, nhưng có theo quy-cử hơn, lấy hai chữ đã biết rồi, mỗi chữ cắt đôi vắn ra, rồi nối âm khởi-đầu của tiếng trước với vận của tiếng sau, đọc liền lại, theo quy-tắc nhất-định, thành tiếng muốn tìm. Quy-tắc ấy là : tiếng trước chò âm khởi-đầu và định bậc thanh (*thanh* hay là *trọc*) ; tiếng sau dùng làm vận (*khai-khẩu* hoặc *hợp-khẩu*) và định loại thanh (*bình*, *thượng*, *khứ* hay *nhập*) của tiếng tìm.

a) Thí dụ những tiếng khởi-đầu bằng phụ-âm, về thanh *bình*, như chữ *tiên* và *tiền*.

Tiên 仙, KHTĐ chưa : *tương* + *nhiên* hoặc *tô* + *tiền*.
TN và TH chưa *tức* + *nhiên*.

Tiền 前, K.H.T.Đ. : *tạc* + *nhiên* hoặc *tài* + *tiên*.
TN và TH : *tề* + *nghiên*.

Mấy tiếng dùng phiên-thiết của ba tự-diễn tuy có khác, nhưng nguyên-tắc vẫn một.

Tô + *tiên* thiết, tuy tiếng sau là *tiên* (dấu *huyền*, hạ-bình-thanh) nhưng tiếng trước là *tô* (không dấu, thuộc *thanh-âm*) nên kết-quả phải là *thanh-bình-thanh*, không dấu : *t* + *iên ngang* : *tiên*.

Tài + *tiên* thiết, hoặc *tề* + *nghiên* thiết, tiếng *tiên* và *nghiên*, không dấu ở *thanh-bình-thanh*, nhưng vì tiếng trước *tài* hoặc *tề* là tiếng có dấu *huyền*, thuộc *trọc-âm*, nên kết-quả tiếng tìm phải là *trọc-bình-thanh*, dấu *huyền* : *t* + *iên huyền* : *tiên*.

Đây là loại tiếng *khai-khẩu*, mở miệng phát ra được liền. Về tiếng *hợp-khẩu*, khi phát-âm phải túm miệng, (viết ra chữ Việt phải có *o, ó, u* hoặc có *bán-âm sau o* hoặc *u* trước vận, như *tuyền, tuyền*), thì tiếng sau dùng phiên-thiết cũng định luôn loại *khai-khẩu* hoặc *hợp-khẩu*.

Tuyền 宣, KHTĐ chưa *tu + duyên* hoặc *túc + duyên*.
TN và TH chưa *tu + uyên*.

Tuyền 泉, KHTĐ chưa *tát + duyên* hoặc *tài + duyên*.
TN và TH chưa *tùng + duyên*.

Cũng theo nguyên-tắc thanh-trọc trên, *tài + duyên* thiết hoặc *tùng + duyên* thiết, *duyên*, không dấu, thuộc thanh-bình-thinh, nhưng vì tiếng đầu là *tài* hoặc *tùng* dấu huyền, thuộc *trọc-âm*, nên kết-quả phải đọc *tuyền*, chứ không đọc *tuyền* được.

Về thanh *thượng*, như *trữ*, là « chứa » (quen viết *trữ*, dấu ngã) và *trữ* là « chờ đợi ».

Trữ 貯, KHTĐ : *tranh + lữ* hoặc *triển + lữ*.
TN và TH : *trư + ngữ*.

Trữ 佇, KHTĐ : *trục + lữ* hoặc *trượng + lữ*.
TN và TH : *trục + ngữ*.

Về hai chữ này, hai tiếng sau dùng phiên-thiết vẫn là một : *triển + lữ* và *trượng + lữ* hoặc *trư + ngữ* và *trục + ngữ* ; đồng một chữ sau dùng phiên-thiết mà kết-quả khác nhau là tiếng đầu, *tranh* hoặc *triển* và *trư* là tiếng không dấu (thanh-bình) hoặc dấu *hỏi* (thanh-thượng) nên thuộc *thanh-âm*, kết-quả phải ở *thanh-thượng-thinh*, dấu *hỏi*, *tr + u hỏi* : *trữ*. Tiếng đầu, *trục* hoặc *trượng* và *trục* là tiếng có dấu *nặng* nên thuộc *trọc-âm*, kết-quả phải là *trọc-thượng-thinh*, dấu *ngã*, *tr + u ngã* : *trữ*.

Về thanh *khứ* cũng vậy, như chữ *kiến* và *kiện* :

Kiến 見, KHTĐ : *cồ + diện* thiết.
TN và TH : *ký + yển* thiết.

Kiến 健, KHTĐ : *cừ + kiến* thiết.
TN và TH : *ky + yển* thiết.

Tiếng sau *điện*, dấu *nặng* mà kết-quả phải đọc *kiến*, cũng như tiếng sau, *cừ* + *kiến* hoặc *ky* + *yến*, dấu *sắc*, mà phải đọc *kiện*, dấu *nặng*, vì lẽ tiếng đầu, *cồ*, dấu *hỏi*, thuộc *thanh-âm* (*kiến*), và tiếng đầu, *cừ* hoặc *ky*, dấu *huyền* hoặc dấu *nặng*, thuộc *trọc-âm* (*kiện*).

Thí-dụ về *thình nhập*, cũng thấy cùng với nguyên-tắc ấy :

Chiết 折, KHTĐ : *chỉ* + *niệt* hoặc *chi* + *liệt*.

TN và TH : *chức* + *yết*.

Kiệt 傑, KHTĐ : *cừ* + *liệt* hoặc *cự* + *liệt*.

TN và TH : *cực* + *nghiệt*.

Hai chữ sau dùng phiên-thiết đều là *liệt*, mà *chi* + *liệt* thì đọc *chiết*, *cự-liệt* đọc *kiệt*, cũng bởi tại tiếng trước, *thanh*, *trọc* khác nhau, *chi* (không dấu) hoặc *cự* (dấu *nặng*).

b) Trên đây là thí-dụ những tiếng khởi-đầu bằng *phụ-âm*.

Với những tiếng Hán-Việt khởi-đầu bằng *nguyên-âm* thì tiếng trước dùng phiên-thiết cũng khởi-đầu bằng *nguyên-âm*, song tiếng này chỉ cho ta biết tiếng tim sẽ là tiếng khởi đầu bằng *nguyên-âm* và ở bậc *thanh-thình* mà thôi, chớ không phải là cho kết-quả ra một *nguyên-âm* giống với *nguyên-âm* tiếng đó. Nguyên-âm kết-quả lại là *nguyên-âm* của vận của tiếng sau, dùng phiên-thiết ; với loại này, thấy rõ lối « nói lái ». Thí dụ :

a 啊, KHTĐ : *ư* + *hà* thiết } nói lái là : *a* + *hư* hoặc
TN và TH : *ách* + *ca* } *a* + *cách*

ả 啊, KHTĐ : *ô* + *khả* hoặc *y* + *khả* } nói lái là *ả* + *khô*
TN và TH : *ách* + *khả* } hoặc *ả* + *khách*...

y 衣, KHTĐ : *ư* + *hi*

TN và TH : *ất* + *hi*

an 安, KHTĐ : *ư* + *hàn*

TN và TH : *a* + *can*

ác 惡, KHTĐ : *ô* + *các* hoặc *át* + *ngạc*

TN và TH : *a* + *các*

Theo thí-dụ của *KHTĐ*, thì những chữ đầu *ư, ô, y* không cho kết-quả âm khởi-đầu, mà mấy vận của tiếng sau mới là kết-quả của tiếng tìm : *a (hà), ả (khả), i (hi), úc (các), an (hàn)*. *Hà* và *hàn* ở trắc-bình-thanh dấu huyền, nhưng vì tiếng khởi-đầu là nguyên-âm thuộc *thanh-âm*, nên kết-quả tiếng tìm phải ở *thanh-bình-thanh*, vậy phải đọc : *a, an*.

Những tiếng trước và tiếng sau dùng để phiên-thiết trong tự-điền Trung-Hoa có sắp thành bảng kê để làm mẫu. Về chữ trước khởi-đầu, thời Mạt-Đường, nhà sư Thủ-Ôn 守溫 vịn theo lối phân-loại các âm-tổ tiếng Phạn của văn-phạm-gia Ấn-Độ mà sắp thành 36 « mẫu », gọi là *tam thập lục tự-mẫu*. Các « mẫu » này, Tư-Mã-Quang 司馬光 đời Tống, trong quyển *Thiết-vận chỉ-chương đồ* 切韻指掌圖 đã biện-biệt theo « thanh », « trắc » làm 5 loại : 1) *toàn-thanh* ; 2) *thứ-thanh* ; 3) *toàn-trắc* ; 4) *bất-thanh bất-trắc* ; 5) *bán-thanh bán-trắc*.

Tóm thành như bảng dưới đây (xin xem trang 112).

Mỗi « mẫu » lại đại-biểu cho một số chữ dùng làm « chữ trước » để phiên-thiết, những chữ ấy lại chia làm hai nhóm :

1) nhóm những tiếng không có chữ *i*, như : *ta, tan*

2) nhóm những tiếng có chữ *i*, như : *ti, tiên*

Về « chữ sau » để phiên-thiết và định vận cuối thì các chữ ấy, từ vận *hào, đông, mở, hầu...* đến vận *khôi, chi...* được tổng-hợp trong 20 bảng kê gọi là *nhị thập đồ*. Mỗi bảng sắp theo 36 « mẫu » và tứ « thanh » : *bình, thượng, khứ, nhập*.

Các vận chia làm hai loại lớn :

1) *khai-khẩu* là những tiếng khi phát-âm « mở miệng » như bình-thường, như những vận : *a, ai, an, iên...*

2) *hợp khẩu* là những tiếng khi phát-âm « túm môi », — như những vận có *o, ô, u* ;

— hoặc có một *bán-âm sau* (*o* hoặc *u*) xen ở trước nguyên-âm, như *oa, uê, quan, quyen...*

Bảng 36 tự-mẫu theo quyền Thiết vận chỉ chương đồ

	Toàn thanh		Thứ thanh		Toàn trắc		Bất thanh bất trắc		Bán thanh bán trắc	
	tự mẫu	dẫn	tự mẫu	dẫn	tự mẫu	dẫn	tự mẫu	dẫn	tự mẫu	dẫn
Như âm	K 見 kiến	經 堅	K' 溪 khê	輕 牽	g 羣 quần	勑 乾 ^{ng}	疑 nghi	銀 研		
Thiết đầu âm	T 端 đoan	丁 顛	T' 透 Thâu	汀 天	đ 定 định	延 ⁿ 田	泥 nê	寧 年		
Thiết thượng âm	Ch 知 Tri	珍 遭	Ch' 徹 siết triệt	癡 涎	i 澄 trùng	陳 ^{ny} 纏	娘 nuơng	紐 尼		
Thần âm trọng	P 幫 bang	畫 邊	P' 滂 phang bàng	續 篇	b 並 bính tịnh	貧 便	m 明 minh	民 綿		
Thần âm khinh	f 非 phi	分 番	f 敷 phu	芬 蕃	v 奉 phụng	墳 煩	w 微 vi	文 亡		
Xí đầu âm	tx 精 tính	津 煎	tx' 清 thanh	親 千	dz 從 tùng	泰 前			斜 ià z	錫 延
	x 心 tâm	新 先								
Chính xỉ âm	ts 照 chiếu	真 體	ts' 穿 xuyên	嗅 蟬	dj 牀 sàng	崢 潺			禪 thiền sh (p)	脅 蛇
Hầu âm	s 審 thâm	身 殮								
Bán thiết	c 影 (	因 煙	h' 曉 hiếu	馨 軒	h 匣 hạp	刑 賢	o 喻 (	寅 延		
Bán xỉ							l 來 (	鄰 連		
							nh 日 (	入 然		

Bên tiếng Trung-Hoa, mỗi loại *khai-khẩu* hoặc *hợp-khẩu* đều có hai lối phát-âm :

1) *hồng-âm* 洪 音, tiếng nghe « lớn », khi lưỡi nằm sát, hoặc lưng lưỡi thụt ra sau.

2) *tế-âm* 細 音, tiếng nghe « nhỏ », vì đầu lưỡi chồm tới gần răng cửa, hoặc gần « cửa cứng ». Cửa, tiếng Hán-Việt gọi là *khẩu-cái* 口 蓋 hoặc *ngạc* 腭. Luồng-âm thoát ra bị lưỡi cản bít nên nghe « nhỏ ».

Vì thế, Phan-Lội 潘 耒 đời Thanh gọi tên « từ-đẳng » như vậy :

1) *khai-khẩu* 開 口 *thuần tuý*, loại « khai-khẩu hồng-âm » là những tiếng vận *a* : *a*, *ai*, *ao*, *am*, *an*...

2) *tễ-xỉ-hô* 齊 齒 呼 là loại « khai-khẩu tế-âm », là những tiếng có *i*, như vận *é*, *i*, *iêm*, *iên*, *iêu*...

3) *hợp-khẩu* 合 口 *thuần-tuý* là loại « hợp-khẩu hồng-âm », là những vận có *o*, *ô*, *u*, hoặc có một *bán-âm* sau (*o* hoặc *u*) đứng trước một nguyên-âm, nhưng *không có i*. Như : *ô*, *u*, *ông*, *ung*, *oa*, *hoang*, *quan*...

4) *toát-khẩu-hô* 撮 口 呼 là loại « hợp-khẩu tế-âm » của tiếng Trung-Hoa. Loại này đặc-biệt của tiếng Tàu là những vận có *ũ*, như âm *u* của Pháp. vì khi phát-âm nguyên-âm *ũ*, môi túm mà đầu lưỡi chồm gần cửa-cứng : môi túm là « hợp-khẩu » mà đầu lưỡi chồm gần cửa, luồng-âm bị hẹp, nghe nhỏ : « tế-âm ».

Ở tiếng Trung-Hoa, giọng Hán-Việt đọc ra *ư*, mà cách phát-âm *ư* của Việt-Nam, không có « túm miệng », chùn lưỡi thụt gần cửa-mềm, nên rất khác với cách phát-âm *ũ*.

Vì vậy chữ 魚 (*ngư*) đại-biểu lối toát-khẩu-hô của tiếng Trung-Hoa, đọc giọng Hán-Việt thì không ra kết-quả « toát-khẩu-hô ».

Lối toát-khẩu-hô bèn tiếng Hán-Việt chỉ là những loại *hợp-khẩu* có âm y, như uy, uyên, nguyệt...

Các âm khởi-đầu, vận cuối và thỉnh mà tự-diễn chữ Hán dùng phiên-thiết là để ghi giọng Trung-Hoa. Mà giọng Trung-Hoa mỗi vùng mỗi khác, và trải qua thời-gian lịch-sử, giọng ngày nay không giống giọng tiếng Trung-Hoa thời xưa, thời Đường, Tống (*Quảng-vận*), thời Nguyên (*Vận-hội*), thời Minh (*Chính-vận*). Đối-chiếu với giọng Hán-Việt, càng thấy cách-biệt. Như xét về âm-khởi-đầu của bản *Tam thập lục tự-mẫu*, thì hai loại « thanh » và « trọc » của tiếng Tàu thời xưa được phân-biệt rõ-ràng, mà giọng Hán-Việt lại phát-âm hỗn-hợp. Thí-dụ, hai phụ-âm *t* và *đ* đều đọc ra *đ* giọng Hán-Việt : *đoan* và *định*.

Như vậy, không thể vịn vào phụ-âm khởi-đầu mà biết phụ-âm nào « thanh », phụ-âm nào « trọc » để áp-dụng « nguyên-tắc thanh-trọc » của chữ Hán : « *những thanh-âm thuộc thanh-thỉnh, những trọc-âm thuộc trọc-thỉnh.* » Với chữ quốc-ngữ có dấu-giọng ghi tiếng Hán-Việt, nhờ vịn vào « *bực thỉnh* » mà biết được phụ-âm nào thanh hoặc trọc. Xem nơi cột những tiếng « *toàn-thanh* » là những tiếng *không dấu, dấu hỏi và sắc* : *kiến, đoan, tri, bang, phi, tinh, tâm, chiếu, thăm, ảnh*. Những tiếng « *toàn-trọc* » là những tiếng có dấu *huyền, ngã, nặng* : *quần, định, trừng, tịnh, phụng, từng, sàng, hạp*. Riêng về loại « *hữu-âm* » là những tiếng Hán-Việt khởi-đầu bằng *l, m, n, ng, nh* thuộc trọc-âm, nhưng ở thỉnh *bình*, đều có giọng *ngang*, chứ không có giọng *huyền*.

Những chữ dùng phiên-thiết trong tự-diễn Trung-Hoa tuy không giống nhau, nhưng đều theo đúng « nguyên-tắc thanh-trọc » nói trên.

Lối phiên-thiết được Tôn-Viêm 孫夷 đời Ngụy áp-dụng có phương-pháp trong khi chú-thích bộ *Nhĩ nhĩ âm nghĩa*. Từ đời Hán trở lên, cũng thấy rải-rác cách đọc « hai

hợp thành một chữ», như *nhĩ dĩ* 而已 là *nhĩ* 耳, *chi hồ* 之乎 là *chư* 諸. Nhưng Tôn-Viem cũng chỉ dùng chú-âm chứ không viết nên tác-phẩm nào. Đến đời Lương, Cồ-Dã-Vương 顧野王 mới dùng soạn bộ tự-diễn *Ngọc-thiên* 玉篇 (542). Đời Tùy, Lục-Pháp-Ngôn 陸法言 cùng với bọn Lưu-Trần, Nhan-Chi-Thôi tám người, soạn nên bộ *Thiết-vận* 切韻, năm quyền (601). Bộ này được Tôn-Miền 孫愐 đời Đường phụng lệnh trùng-tu và đổi tên là *Đường-vận* 唐韻. Đến đời Tống, Trần-Bành-Niên 陳彭年 phụng chỉ tăng-bổ trùng-tu bộ *Thiết-vận* và đặt tên là *Bại Tống trùng-tu Quảng-vân*, gọi tắt là *Quảng-vân* 廣韻.

Bộ *Ngọc-thiên* và *Thiết-vân* ngày nay không còn. Lối phiên-thiết của bộ *Quảng-vân* như vậy :

đông 東 : đức + hồng thiết

đông 冬 : **đề** + **tông**

chung 鐘 : *chúc* + *dung*

chi 支 : *chrong* + *di*

vi 微 : *vô + phi*

nqur 魚 : *nqũ* + *cu*

Ngoài ra, bộ *Quảng-vận* còn có lối *song-thanh điệp-vận* 雙聲韻, như :

bình-thỉnh: 章) *chước* + *lượng thiết.*
) *chương* + *lược thiết.*

chương chước, lương lược là «song-thanh» (thủ-thanh):
ch, ch; l, l.

chước lược, chương lương là « điệp-vận »: ước, ược ;
rong, ương.

thượng-thỉnh: 掌 } *chương + lưỡng thiết.*
 } *chưởng + lương thiết.*

Lối này, như về bình-thịnh, thì lấy chữ trước *nhập-thịnh* và cùng một *âm khởi-đầu* với tiếng kết-quả.

Hai chữ sau, đồng vận và ở *bình-thinh*.

Hoặc chữ trước, song-thanh *bình-thinh* thì chữ sau ở *nhập-thinh* và đồng-vận.

Về thượng-thinh, cũng theo lối ấy: chữ trước, « song-thanh » ở *bình-thinh*, chữ sau « đồng-vận » ở thượng-thinh, hoặc chữ trước ở thượng-thinh, thì chữ sau ở *bình-thinh*.

Vì lối song-thanh điệp-vận không dùng những vận nhất-định, nên có sự phức-tạp. Về sau, mấy học-giả khác có đề nghị cải-cách cho giản-tiện hơn.

1) Trong bộ *Tập-vận* 集韻 của Đinh-Độ 丁度 đời Tống thì chữ trên của phiên-thiết phải chú-ý đến *thanh-điệu* và *đẳng-liệt*. Như chữ *kê* 雞 do *cồ* + *hề* thiết, sửa lại là *kiên* + *hề*, vì *kiên* và *kê* đều thuộc *bình-thinh*.

2) Theo *Giao-thái-vận* 交泰韻 của Lữ-Khôn 呂坤 đời Minh thì :

— chữ trên *thinh bình* phải thiết chữ bằng chữ *thinh nhập*, chữ *thinh nhập* phải thiết bằng chữ *thinh bình*, chữ *thinh thượng* phải dùng *lưỡng thượng*, chữ *thinh khứ* dùng *lưỡng khứ*. Như :

đóng 東 : *đốc* + *ông* thiết.

đồng 董 : *đỏ* + *ông* thiết.

đống 凍 : *đổ* + *úng* 杜 (âm thời xưa).

đốc 篤 : *đông* + *ốc* thiết.

— chữ dưới của phiên-thiết phải chú-ý đến « âm » « dương », nghĩa là đồng bực *thinh*. Như *đóng* 東 do *đức* + *hồng* thiết, sửa lại là *đốc* + *ông*, vì chữ *hồng* thuộc loại *dương-điệu* mà *đóng* và *ông*, đều thuộc một loại *âm-điệu* với nhau (*âm-bình-thinh*, *dương-bình-thinh*).

3) Theo *Loại-âm* 類音 của Phan-Lội 潘耒 đời Thanh thì :

— chữ trên phải dùng *bồn-hô* : *thinh* *trắc* thiết *bình*,
thinh *bình* thiết *trắc*. Thí dụ :

Tiên 先 do *tô* + *tiền* thiết, sửa lại là *tiết* + *yên* thiết.
 Vì *tiên* là « *tê-xỉ-hô* » thì phải dùng *tiết* cũng « *tê-xỉ-hô* »
 chứ *tô* là « *hợp-khầu-hô* ».

Tiết là « *nhập* *thinh* », *tô* là *bình* *thinh*.

— chữ dưới phải dùng « *ảnh, dụ* » mẫu, nghĩa là dùng chữ
 khởi-dầu bằng nguyên-âm, hoặc *d*, thay-vì chữ khởi-dầu
 bằng các phụ-âm khác.

Như chữ *tiên* 先 dẫn trên, do *tô* + *tiền* thiết, chữ *tiền*
 là tiếng khởi-dầu bằng phụ-âm nên cải lại là *tiết* + *yên*
 thiết, *yên* là tiếng khởi đầu bằng nguyên âm mà cũng
 đồng *bực* *thinh* với chữ *tiên*.

4) Cuối đời Thanh, Lý-Quang-Địa 李光地 trong bộ *Âm-vận*
tiền-vi 音韻闡微, sửa lỗi phiên-thiết cho tiện dùng hơn :

— chữ đầu phải dùng trong số các vận « *chi, vi, ngư, ngư,*
ca, ma », nghĩa là những vận tron có một nguyên-âm cuối,
 chứ không mang một *tự-âm* cuối.

— chữ dưới dùng « *ảnh, dụ* » mẫu và chú-ý đến « *âm* »,
 « *ương* », nghĩa là chữ dưới phải là tiếng khởi-dầu bằng một
 nguyên-âm hoặc phụ-âm *d*, và *đồng* *bực* *thinh* với tiếng
 kết-quả.

Sở-dĩ dùng chữ trước đề phiên-thiết không có phụ-âm
 cuối, và chữ sau khởi-dầu bằng nguyên-âm hoặc phụ-âm *d*
 (*dụ* mẫu), là để cho dễ ráp vần.

Trên đây là mấy lỗi cải-cách đề phiên-thiết ; mấy tự-diễn
 chữ Hán ngày nay không theo hẳn một lối nào, nhưng chỉ
 giữ đúng « *nguyên-tắc* » mà thôi.

Đến như đọc giọng Hán-Việt, có nhiều chữ lại không theo phiên-thiết mà chỉ đọc theo nhân-tuần, thói quen của tiền-nhân.

Như chữ *nhất*: 一 + *tất* thiết, đáng lẽ phải đọc là *ất* (giọng quan-thoại đọc *i*);

Chữ *tất* 必, phiên-thiết lại ghi: *bích* + *cát* = *bát*...

Lại như chữ *oanh* 轟, *Khang-Hi tự-diễn* ghi:

1) hô + hoành 呼 + 宏 = *hoanh*

2) hô + mạnh 呼 + 孟 = *hoánh*

3) hô + quang 呼 + 光 = *hoang*

*
**

Tiếng Hán-Việt ngày nay phần lớn đã theo phiên-thiết của tự-diễn *Khang-Hi* mà phát-âm. Những tiếng phát-âm theo nhân-tuần tương-đối rất ít.

Tiếng Việt phần lớn đã chuyển bên giọng xưa của chữ Hán, vì vậy, nếu vịn theo phiên-thiết của *Khang-Hi tự-diễn*, ta có thể phản-tầm nguồn-gốc của một số tiếng Việt. Thi-dụ:

Tiếng *bêu* chuyển bên tiếng *tiêu* 標, chữ này *KHTĐ* ghi: *phủ* + *diêu* thiết = *phiêu*. *Phiêu* cho ta tiếng *bêu* là lẽ tự-nhiên, dễ hiểu.

Tiếng *bằng* (nhau) chuyển bên tiếng *tĩnh* 並, mà chữ này phiên-thiết: *bồ* + *quỳnh* hoặc *bộ* + *quỳnh* = *bính*.

Chữ *thị* 匙, *Hán-Việt tự-diễn* Đào-Duy-Anh ghi *chủy*, *KHTĐ* ghi: *thị* + *chỉ* thiết, *thường* + *chỉ* thiết, *thần* + *chỉ* thiết, hoặc *thị* « *bình* *thình* ».

Phát-âm là *thị* mới thấy rõ tiếng *thịa* và *chịa*, (*chịa* khoá và *chịa* vôi) của tiếng Việt.

Chữ *già* 遮 quen đọc như vậy, theo phiên-thiết là *chính* + *xa* = *cha*, và âm *cha* cho ra tiếng *che* của Việt-ngữ.

Lại như chữ *phiễn* 驛 đã quen đọc, theo phiên-thiết : *thực + chiến = thiễn*. Chính âm này cho ra tiếng Việt là *thiến* : ngựa *thiến*, gà *thiến*...

Chữ *triệt* 徹 là «suốt», «thông suốt» cũng có một âm nữa là *sửu + liệt, sắc + liệt*, đọc là *siết*. Âm *siết* cho ra tiếng Việt «suốt», «thấu suốt» thật là dễ hiểu.

Chữ *đả* 打 là *đánh* cũng có một âm nữa là *đỏ + đĩnh* thiết - *đĩnh*. Và chính âm *đĩnh* cho ra tiếng *đánh* của Việt-ngữ.

Lại như chữ quen đọc là *yết* 歇 là «*hết*», theo phiên-thiết là *hứa + kiệt = hiết*, cho ra tiếng «*hết*» của ta.

..

Chữ biểu-y không ghi đúng được giọng phát-âm.

Chữ Hán lại còn gặp trường-hợp tùy vùng, tùy lúc mà phát-âm trại khác. Tuy nhiên, cách đọc theo lối phiên-thiết cũng giúp được những dân-tộc đã theo văn-hoá Trung-Hoa đọc được chữ Hán.

Riêng về Việt-Nam, với lối phiên-thiết, có bao nhiêu chữ Hán, ta đều đọc ra giọng Hán-Việt được hết, và như thế, những chữ ấy trở thành tiếng Việt theo lối «*nho hoá*». Rồi từ giọng Hán-Việt, tiếng nói lại biến-đổi chuyển-di thành tiếng Việt bình-dân. Song tiếng Hán-Việt mới có vào khoảng thế-kỷ thứ X; trước thời-gian ấy, tiếng Việt bình-dân nếu có chuyển gốc chữ Hán, ắt đã theo giọng Trung-Hoa thời đó. Vậy ta có thể vịn theo phiên-thiết đời Đường, đời Tùy (*Quảng-vận*) mà truy-nguyên một số lớn tiếng Việt chuyển gốc chữ Hán.

ĐINH HÙNG

Cô gái thiên nhiên

ĐINH HÙNG.

Sinh năm 1921 tại Hà Nội.

Đã cộng tác với báo Hà Nội Tân Văn do Vũ Ngọc Phan chủ trương (1939), Thông Tin (Hà Nội 19...?), Công Tội (1950), Hồ Gươm (1951), Tự Do (1955-1957).

Ngoài bút hiệu Đinh Hùng, còn :

Thần Đăng, ký dưới những bài thơ trào phúng, Hoài Diệp (Đám ma tôi do Tân Việt xuất bản 1940-Hà Nội) Hoài Diệp Thứ Lang ký dưới những tiểu thuyết dã sử (Kỳ Nữ gò Ôn Khâu, Ánh lửa Đông Đô, Người đao phủ thành Đại La v.v.. đăng trên các báo Tự Do, Ngôn Luận).



Nàng nhón lên giữa mùa xuân hoa cỏ,
Nửa linh hồn u ám bóng non xanh.
Ngoài thiên nhiên nở bừng thân mỹ nữ,
Nàng yêu ta, huyền hoặc mối kỳ tình.
Ôi bí mật của tấm lòng đề ngộ !
Đã ai vào dò xét truyện rừng sâu ?
Trải sông nước, vượt qua từng châu thổ,
Ta đến đây nghe vọng núi kêu sầu.



Cảnh diễm lệ ngần ngơ hồn cầm thú,
 Thôi dừng chân, xem Nhan Sắc lên ngàn.
 Nỗi vui mừng nở trắng ý phong lan,
 Chiều hương lạ, mộng rừng về nghỉ ngủt.
 Chúng tôi gặp nhau bên dòng suối ngọt,
 Làm đôi người cô độc thuở sơ khai ;
 Nàng băng khuâng đốt lửa những đêm dài,
 Ta từng buổi bơ vơ tìm bộ lạc.
 Nàng là Gái - Muôn - Đời không đôi khác :
 Bộ ngực tròn nuôi cuộc sống đương xuân,
 Ta đến đây làm chủ hội phong trần,
 Lấy hoa lá kết lên Tình Thái Cồ.
 Rừng buổi đó vang tiếng cười man rợ,
 Quả tơ duyên đỏ thắm sắc trên cành.
 Chúng ta đi, lặng ngắm núi đồi xanh,
 Bước trên cỏ để nghìn sau in dấu.

Ôi ! Giữa trời Thơ, những đêm hiền hậu,
 Con chim nào kêu vắng tiếng trần ai ?
 Mấy thu xanh dòng thác lệ u hoài ?
 Trời xa vắng mở hương lòng trái đất.
 Trong tay Nàng ta ngả mình ngây ngất,
 Nghe rõ ràng trên thịt ấm, da xuân.
 Ngực dâng cao, hơi thở đã mau dần,
 Mùi cỏ lá bỗng thoảng hồn mong nhớ.
 Ta ngừng lên, mắt Nàng buồn muôn thuở,
 Ngắm hoa sao lay động dưới khe nguồn.
 Chung mối sầu, thơ thần với trăng sông,
 Bên sườn núi có con hươu vàng diệp.

NHẬT TIẾN

Chuyện dưới vườn



BÙI NHẬT TIẾN, bút hiệu
Nhật Tiến.

Sinh ngày 24-8-1936 tại Hà Nội

Tác phẩm đầu tay in năm 1959,
tuần tự là :

- Những người áo trắng
(truyện dài) 1959
- Những vì sao lạc (truyện
dài) 1960
- Thềm Hoang (truyện dài)
1961
- Người Kéo Màn (tiểu thuyết
kịch) 1962.

Cộng tác với giai phẩm Văn Hóa Ngày Nay, tạp chí Tân
Phong, và Bách Khoa.

Những hoạt động khác :

- Thư ký ban Thường Vụ Trung Tâm Văn Bút Việt
Nam niên khóa 1962-1963.
- Hiện dạy học ở Saigon, và đang sáng tác truyện
trường thiên « Mầm Hời Sinh » dự định in năm 1963.

DỌC hết cái tin vặt cuối cùng
trên tờ nhật báo nhàu nát,
gã uể oải chống cái nạng lên mặt
hè rồi đứng dậy. Nắng buổi trưa

rải lên những mái lá nứt rạn
ngoài xa làm mắt gã nhắm lại.
Gã khập khiễng lê lại phía đầu
nhà. Qua hàng rào thưa xộc xệch

ở mé bên kia, bọn trẻ con nhà lão Năm Bi đang quây quần trên một cánh cửa ngả ra làm phần gỗ. Mâm cơm đặt ở chính giữa. Một tô canh, một bát cà và lưng chén nước mắm. Bốn đứa từ hai đến sáu tuổi thi nhau vục dừa, vục thìa vào những cái bát mẻ cầm trên tay. Canh, cơm bắn vung vãi tứ bề. Ngồi gần đấy, dưới bóng mát của cây bông gòn, bác Năm Bi gái, một thiếu phụ rất trẻ, trạc hai mươi sáu, hai mươi bảy đang cho một đứa nữa bú trên lòng. Bàn tay nhỏ xíu của đứa bé quờ quạng lên khắp bộ ngực mở toang nút áo, bầu bình và trắng toát.

Người đàn bà ngồi nghiêng, mắt nhìn lơ đãng trên những bẹ chuối xanh ngất mọc ở bờ mương. Mũi thẳng, gò má cao, đỏ hồng trong ánh sáng chói lọi buổi trưa. Nàng đẹp như một hòn đá quý không mài rũa. Nom thoáng thấy gã, cặp mắt của nàng hơi bối rối. Nhưng nàng vẫn giữ đầy vẻ thản nhiên đến lạnh lùng, bàn tay kín đáo khép hai vạt áo lại. Cử chỉ ấy làm gã lúng túng. Gã lê cái nạng tiến sát lại hàng rào nấn vu vợ mấy cái nan xộc xệch rồi lại quay vào. Gã nhận thấy hết sự trơ trẽn trong lòng mình. Lần này gã lại

ngả người trên ghế xích đu và nhìn ra ngoài đường cái. Con đường đất đỏ lờn nhồn những ổ gà bắt đầu chạy từ đường nhựa liên tỉnh ngoài bến đò, qua những lùm dừa xanh ngất, len lỏi vào những xóm hẻo lánh miền quê. Từ chỗ gã ở đến cầu đò không bao xa. Ngồi ở đấy, gã có thể nghe thấy tiếng động cơ xe lòi nổ ròn rã, tiếng ô-tô chạy rầm rì, và tiếng đò máy ì ì vang trên mặt sóng.

Tất cả dân chúng quanh đây phần lớn đều sống nhờ ở sự thịnh vượng của bến sông ngoài ấy. Hàng xóm của gã, sát vách là vợ chồng lão Năm Bi. Cặp vợ chồng, theo ý gã, điển hình cho sự bất công và chênh lệch nhất trên cõi đời này. Bên người đàn bà đẹp, lão Năm Bi chỉ là một con người béo ụ ị, cái bụng lúc nào cũng xệ xuống, quanh năm chỉ bận một cái quần đùi trễ quá rốn và một chiếc áo thun rách nát ở đằng lưng. Suốt ngày lão quần quật trên chiếc xe lòi gấn máy trên đường liên tỉnh, vì thế nước da đen thui và bóng nhẫy như đồng lum. Tuy xấu người nhưng tốt nết, lão rất cưng vợ và quý con. Hồi còn chưa lộn xộn chiều nào cũng vậy, trước khi trở về tắm rửa lão cũng chắt

bốn đứa nhỏ lên thùng xe, «phóng» một hơi vào trong đồng hừng gió mát. Bọn trẻ khoái chí cười vang như nắc nẻ. Trong lúc ấy, người vợ đặt được đứa út ngủ trên vông, đi dọn dẹp rồi lăm lũi xuống bụi chuối ven sông tắm giặt rất lâu trong ánh sáng nhá nhem của buổi hoàng hôn.

Bên cạnh nhà Năm Bi là nhà mẹ con cô Hảo. Cô Hảo thấy nói làm thợ may ở bên tỉnh. Vì vậy thỉnh thoảng đôi ba tuần cô mới về một lần mà lần nào cô cũng diện đồ dài, xách bóp, đeo vàng túi bụi nên ai cũng ngờ cái nghề may lương thiện của cô ta. Mới lần thấy bóng áo dài hoa hoét của cô hiện ra dưới bóng mát của rừng dừa, bọn trẻ trong xóm ủa đến trước tiên. Như một bà tiên nhân từ, cô Hảo phân phát cho từng đứa khi thì phong bánh đậu, khi thì chiếc kẹo tây, hoặc ít nhất thì cũng một khoanh bánh bông lang có mùi trứng gà thơm phức. Sự rộng rãi của cô Hảo làm mọi người quên hẳn sự mờ ám trong nghề nghiệp của cô. Chỉ có Tài Nhì là hay nói bằng quơ :

— Ngon không ! Nghề may mà có cơ như vậy thì mời vợ tui cũng đi may phứt.

Tài Nhì cùng vợ mới cưới sống chui rúc trong một cái túp gần hồ cá tra. Mộng lớn trong đời hắn là có tiền mua được một cái xe gắn máy thay cho chiếc xe đạp cũ kỹ như sắp oằn xuống bởi sức nặng của cái thùng xe. Những buổi chiều ế khách, ngồi vên ở bến đò, Tài Nhì thêm thường nhìn các bạn nhẩn cái bàn đạp cho máy nổ ròn tan, rồi sang số toanh toách, rồi cái xe vù đi, bon bon trên đường nhựa, mỗi khách ngồi trên là mười đồng, gấp đôi, gấp ba cái giá một cuộc xe của hắn đạp còm rọm trên đường đất nẻ gồ ghề.

Rồi cứ thế, ngày ngày gò lưng trên chiếc xe cũ kỹ, Tài Nhì vẫn tưởng tượng như mình đang cưỡi trên chiếc xe « phon lít », hùng dũng phóng trên đường nhựa thẳng băng với kiểu sang số năm chục ki lô mét giờ. Bằng cái trò chơi ấy, gã cũng thấy mình bớt mệt đi nhiều.

Xong bữa cơm, bọn trẻ nhà Năm Bi túa ra ngoài ngõ. Người đàn bà một tay cấp cái rổ lớn, một tay xốc đứa út bên cạnh sườn đi ra vại nước.

Ngồi trong hàng hiên, Sinh thu cái nạng lại gần mình rồi với lấy tờ báo đọc lại uể oải.

Qua kẻ hở của cánh tay, gã nom thấy khuôn mặt của thiếu phụ đỏ hồng lên dưới nắng. Nàng cúi xuống đặt cái rổ lên mấy viên gạch rồi thò tay ra rút những mớ quần áo vàng khè khô cong trên dây thép. Thằng út bị chói mắt rúc mãi cái đầu chốc lở vào ngực mẹ.

Cái bụng run của nó phưỡn ra, dít tong teo còm côi, hai cẳng chân đen sạm và đầy mụn lở. Một lát, thiếu phụ đi vào. Nét mặt cô độc, lạnh lùng. Hai con mắt đục lờ lờ ngó xuống đất. Vành môi hơi mím lại, suốt đời như mím lại. Sinh chưa thấy bao giờ nàng nở một nụ cười.

Lúc bóng của nàng khuất sau tấm liếp xô lệch, Sinh cũng cau có chống nạng đứng dậy. Gã có cảm giác như người đàn bà vừa ném một hòn đá vào vùng ý nghĩ của gã khiến lòng gã xao động, tấm tức. Cuộc đời của gã ở đây, nếu không bị xen vào nhân vật ấy thì chắc gã đã hoàn toàn vui lòng cam phận sống với những ngày tàn tật, nhàn hạ của mình.

Ngày trước gã đi theo kháng chiến dự nhiều trận đánh lớn ở chiến dịch Tây Bắc. Gã đã đi qua nhiều miền tràn ngập khói lửa. Từ Sơn Tây, Hưng Hóa lên

Trung Hà, từ Phú Thọ đi vào Trảng, Sào hay ngược Thái Nguyên, Tuyên Quang. Đến ngày chiến thắng Phố Lu thì gã mất nghiêng một giò bên phải. Bạn đồng hành của gã bỏ gã lại một làng hẻo lánh vùng đồi núi thượng du. Ở đấy gã bắt đầu cảm thấy mình bị phản bội. Những vị anh hùng đi trước đã được tuyên dương và chỉ tuyên dương một lần. Vì người ta còn phải tuyên dương những vị anh hùng kế theo, kế theo nữa. Bởi thế công trạng của gã không đủ tạo thành một tiếng gào thét lớn lao để cho cuộc đời ồ ạt bên ngoài ngó lại. Gã đã bị bỏ rơi thực thụ và gã đã sống vất vưởng với một chiến công thay cho một chân cụt của mình. Một năm sau gã trở thành tù binh và được đưa về Hà nội. Ở đấy, người yêu ngày xưa của gã đã góa một đời chồng. Cả hai, mặc dầu đều sút mẻ nhưng không có gì ngăn cản cho sự chấp nối mối tình ngày xưa của họ. Gã mang vợ vào Nam theo chuyến tàu di cư thứ nhất.. Con người lừng lẫy ngày xưa bây giờ thu lại với chức vụ ông chủ một quán cơm nhỏ hẹp. Quán Ba Sinh. Với một chân cụt, một thân hình bệnh hoạn, gã hầu như không giúp

được việc gì cho cái việc làm chồng để cho vợ gã nướng tựa vào đấy làm ăn. Hiên nhiên gã biến thành một thứ « mác ». Mác Ba Sinh, cũng như thẻ cái biển đề tên « Quán Ba Sinh » treo xê lệch bên ngoài cửa hiệu. Tuy vậy sự đó không làm gã băn khoăn bằng cuộc đời lủi thủi, tối tăm của người đàn bà đẹp bên hàng xóm. Bởi vì cuộc đời của gã như vậy là đã an bài trọn vẹn, rõ ràng như một quân tỳ xì đã được lật lên. Nhưng cuộc sống và ý nghĩ của thiếu phụ nhà bên vẫn còn đầy vẻ ảm ức, ghen ngào bó chặt ở trong thế giới riêng tư của nàng, mà gã chỉ đoán được phần nào qua ánh mắt.

Gã nằm chộp đi và tỉnh dậy vào lúc chập tối. Chung quanh gã đầy tiếng muỗi bay. Gã châm một que diêm vào ngọn đèn dầu để trên nóc tủ. Trên mặt bàn đã thấy để một cái cà mên cơm do người ở xách từ quán Ba Sinh mang vào cho gã. Gã trở dậy ra đứng ở hàng hiên. Bây giờ gã mới nghe thấy tiếng ồn ào rộn rả ở nhà bên cạnh. Sinh liếc nhìn qua hàng rào. Gã nom thấy bốn, năm người đàn ông tùm tùm quanh một bàn tiệc kê ở ngoài sân. Ánh sáng đỏ quạch của

ngọn đèn đất soi lên những khuôn mặt rạng rỡ một cách thô bỉ. Năm Bi ngồi ở một đầu bàn. Bên cạnh lão là hai chai rượu trắng. Ngực lão phanh trần, mỡ lụng nhụng, đen bóng. Lão có vẻ say sưa nhất. Giọng nói của lão kè nhẹ, tiếng cười sặc sụa rượu. Lúc vợ lão ra tiếp cơm vào một cái liễn, lão bá lấy cổ nàng rồi vít xuống. Khuôn mặt của nàng rầy rụa trong cái mờ bóng mỡ và lồm chồm râu ria của lão. Lão phá lên cười, mọi người phá lên cười theo. Có hàng chục con mắt long lanh nhìn chòng chọc vào cái cổ trắng nõn của nàng phủ lòa xòa những sợi tóc. Một lát nàng vùng ra, đi khuất vào trong bóng tối. Gã Ba Sinh thấy miệng mình đắng lại. Gã trở lại chiếc ghế xích đu quen thuộc và châm thuốc hút. Hình ảnh những mẫu sống sôi nổi ở bề mặt trái sự êm ả làm gã muốn mình khóc được như một đứa trẻ. Khói thuốc không làm gã thú vị gì hơn nên gã búng nửa điếu thuốc cháy dở ra bờ mương. Ánh sáng đỏ lừ uốn cong một vòng rồi tắt ngấm trong bóng tối. Gã khập khiễng đứng dậy đi vòng ra cầu nước đằng sau nhà. Gã vục cái gáo vào chum, và rội lên người những

áo nước mát lạnh để dẹp xuống những ý nghĩ khinh bỉ chính mình.

Khi trời hơi khuya thì vợ gã trở về, Người đàn bà ngày trước thì phối tâm hồn gã bao nhiêu thì bây giờ càng mờ nhạt như một cái bóng bấy nhiêu. Đối với vợ vất vả của nàng, gã không hề xẻ được gì hết. Bởi thế, nếu cứ coi cuộc đời là một sự vất vả không ngừng, thì gã là kẻ thua cuộc chơi. Cô độc. Hoàn toàn cô độc, ngay cả trong những phút vợ gã trở về huyền thuyên về những món lơ lửng, những câu chuyện vui vui hoặc những dự định sẽ làm trong tương lai. Lúc thối tắt ngọn đèn trên nóc, gã thường thao thức trong lòng sùng vọng lại từ ngay ngoài làng hay ở rất xa, trong tiếng gáy đều đặn của người đàn bà vào một ngày vất vả, và gã muốn khóc nhưng không bao giờ khóc được, mặc dầu chỉ một hai giọt nước mắt trên vành mi.



SÁNG sớm hôm sau, bên nhà Năm Bi có tiếng xô xát. Trong Năm Bi gầm lên như một thú dữ :

— Trời đất ơi ! Thế thì sao mày không đâm đầu xuống sông mà chết đi cho rồi, con kia !...

Một rổ bát đĩa bị đá tung lên loảng xoảng và giọng lão ta thất thanh đi :

— Nó vào từ hồi nào !...

Người đàn bà đáp :

— Hồi nửa đêm !...

— Bộ mày muốn nó hay sao mà mày không gọi ông. Ông biết rồi. Tụi bay phục rượu cho ông say rồi tụi bay ngủ với nhau ngay trong cái nhà này. Ông giết !...

Lão chồm lên. Những cánh tay hộ pháp của lão giáng huỳnh huých xuống đầu, xuống lưng người đàn bà. Thằng út oà lên khóc ngằn ngặt. Gã Ba Sinh nghe thấy lần đầu tiên nàng to tiếng trong xóm nhỏ :

— Nếu tôi muốn nó thì tôi không thèm nói cho ai biết hết. Ông uống rượu với nó rồi ngủ say như chết. Nửa đêm nó lên vào...

— Bộ mày căm sao mày không la làng lên.

— Nhưng nó có dao, có súng..

— Thế thì bay chết đi còn hơn là để nó làm nhục thân bay. Đàn bà đạo đức không có thứ nào căm miêng thốc như bay đâu.

— Bộ tướng tôi ham sống lắm sao. Nhưng lũ nhỏ đó, nuôi nổi một mình không ?

— Chết cha hết cả tội bay đi. Trời ôi ! Mày ngủ với nó thì tao còn mặt mũi đâu trông thấy mày nữa.

Lão lại xông đến túm tóc nàng và đánh xuống như mưa. Tấn thảm kịch kéo dài đến quá trưa. Hàng xóm xúm lại xem, nhưng lão vác dao ra đuổi về hết, rồi lão ra trèo lên ngồi trên chiếc xe lôi để ở giữa sân nắng. Một tay lão lăm lăm con dao, một tay lão ngửa cổ tu từng ngụm rượu trắng. Mặt lão đỏ tím lại. Mặt lão lừ lừ như hai cục lửa. Bọn trẻ con nhà lão bỏ hết ra ngoài ngõ. Người đàn bà vẫn nằm ti tỉ khóc ở buồng trong.

Ngoài vườn dừa đôi diện với sân nhà lão xuất hiện mấy người lính áo đen xách súng đi tuần lượn đi, lượn lại. Một lát bọn họ ngồi xuống một gốc cây nói chuyện om xòm. Những họng súng chụm lại, chĩa lên trời cao. Cây lười lê cắm ở ngọn súng phản chiếu ánh sáng nom sáng quắc.

Ngày hôm đó, lão Năm Bi không cho xe ra ngoài. Hôm sau, hôm sau nữa cũng vậy. Bọn trẻ

bắt đầu đói, khóc như rí. Những trận xô xát giữa hai vợ chồng lại xảy ra. Một lần cuối cùng, người đàn bà rít lên như một con trăn bị thương quần quại :

— Đồ hèn như con chó ! Có giỏi sao không tìm nó mà trả thù, lại đi trút cái nhục lên đầu con này. Nó còn đây ! Đi đi !

Mặt lão Năm Bi xám ngoét lại. Lão nhìn nàng trừng trừng rồi bỏ đi. Câu nói ác nghiệt của nàng đã chấm dứt sự êm ái của gia đình lão.

Một đêm choạng vạng sáng, lão bị giết chết ở trong đồng.
... ..

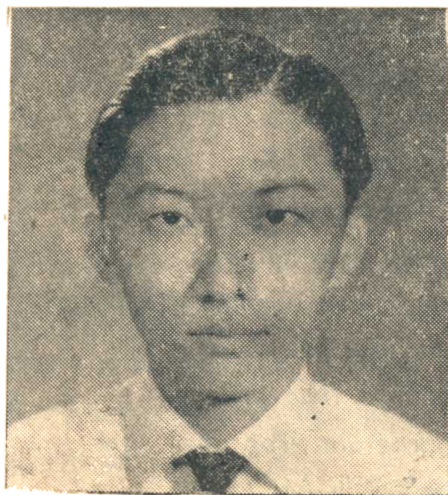
Cuộc đời của Năm Bi chấm dứt nhanh chóng không khác một quân tốt được nhắc ra khỏi bàn cờ. Êm thấm. Duy chỉ có đời sống hai gia đình nhờ đó mà thay đổi hẳn :

— Tài Nhì nhận nuôi mấy đứa trẻ nên hẳn được cho không cái xe « phôn lít » mà suốt đời hẳn hằng mơ ước.

— Còn thiếu phụ xinh đẹp bên hàng xóm có khuôn mặt mà không bao giờ Ba Sinh quên được, đã đi theo cô Hảo sang bên tỉnh ly. Ở đó, nàng sẽ đi làm thợ may.

HOÀNG BẢO VIỆT

Bằng hữu



*Tên thật : NGUYỄN HOÀNG
QUỚT*

Sanh ngày 6-6-1934

Quê Nội Ngoại Vĩnh Long

*Lớn lên ở Kiên Giang, Saigon,
sống ở nước ngoài một thời
gian.*

Đã xuất bản hai tập thơ :

- Hy Vọng (1961)*
- Những Dòng Nước Trong
(1962).*

*Đăng thơ, truyện trên các tạp chí Đời Mới, Gọi Đàn, Duy
Tân, Nhân Loại, Sinh Lực, Gió Mới, Bách Khoa, Sáng
Tạo, Văn Nghệ...*



*Bởi chúng ta còn sống lâu như hy vọng
Giữa một thế giới bị gian trá chia đôi
Chỉ có tình yêu tình bạn mới thật đáng kể
Anh tin nơi lời em đã nói
Về cuộc đời xứ sở tương lai
Anh tin nơi nụ cười pha giọt lệ thơ ngây*

Anh nhớ mãi... buổi đầu gặp gỡ...
 Trời Bắc Âu vàng mây tháng bảy đông đưa
 Em tự mở tim đón mời tình Anh vào
 Chợt em hỏi vì sao Anh đau khổ
 Em hỏi vì sao Anh biết trả lời sao
 Quê hương tuy xa cách đã lâu
 Hình ảnh vẫn thắm tươi trong trí nhớ
 Như những tàn phá thời gian chưa khỏa lấp
 Hoặc chỉ vui chôn xích sắt nhục nhằn
 Dưới thi thề những người yêu dấu
 Trong đùm bọc đồng bào nương náu
 Lốp lốp mây sâu vây kín Trường sơn
 Sông Hồng sông Hương chung số phận đau thương
 Đáy quặn bùn bởi mối hờn mất nước
 Trẻ con trở mình suốt đêm thao thức
 Tiếng Mẹ ru không ngừng lẫn tiếng vông đưa
 Như mãi nuôi nấng niềm tin bất khuất
 Như nhắc nhở đời sẽ đẹp ngày mai
 Ôi xứ sở của thương yêu sao còn đau khổ
 Xứ sở của lòng Anh kể em nghe sao hết
 Khi dao cắt thịt da gươm xẻ chân tay
 Tim ngoắc ngoài lệ suýt trào hoen máu mắt
 Không, quê hương Anh không thể khóc nữa em ơi!
 Dòng nước sẽ phai màu ảm đạm
 Khi lửa trẻ mồ côi khôn lớn
 Khi mỗi người đứng lên như mặt trời to
 Dưới chân cầu mới bắc bóng tối buông tay
 Giữa giọng nói buồn vui không kềm gai rào đón
 Người được nhìn nhau xin hãy gọi Anh em
 Một sớm mai trên trán trẻ con hiền

— Đường Lân Thiện Thai (thi phẩm — Mai Trung Tĩnh 1962).

— Một số sách giáo khoa : Luận đề văn chương, các tác giả trong chương trình trung học.

— Một tập truyện cổ tích giáo dục thiếu nhi (gồm 12 truyện — Tấn Phát Saigon)...

Thuyết trình viên về đề tài «Từ thơ mới đến thơ Tự Do» tại Câu Lạc Bộ Văn Hóa Saigon, ngày 17-8-1961.

Sửa soạn ấn hành : 100 bài thơ Tình Vương Đức Lệ



SAU giờ sáng anh trở dậy, tựa lan can uống từng hơi nắng sữa.
 Nghe cuộc sống bên ngoài lên tiếng ồn ào
 Những vĩa hè và những đại lộ
 Tuổi trẻ trong anh, tưởng xuân về thành phố
 Cuộc đời hằng chiêm bao
 Trái tim người bỏ ngõ
 Ngưỡng vọng và khát khao
 Anh muốn gọi tên Em giờ này reo vui lời cây cỏ
 Mùa Xuân đầy ước ao
 Bướm hoa về tình tự
 Anh nhìn cuộc đời ở dưới phố,
 Nền trời xanh mây cao
 Nhà nhà mở cửa.

Mấy trái cây tươi thêm một tô phở nhỏ
 Sau bữa điểm tâm, anh vào phòng học lúc tám giờ
 Lấy văn bài làm những người bạn rất thân
 Chuyên cần nghe lời sách vở

Anh bỗng yêu đời học trò
 Từng trang giấy thơm, từng hàng chữ số
 Những bài văn và những bài thơ
 Những anh hùng lịch sử
 Những biển, núi, sông, hồ
 Bao la miền vũ trụ
 Bỗng anh yêu đời sách vở thư sinh

Bữa cơm trưa đầy đủ mặt gia đình
 Từng câu chuyện điểm những nét cười
 Anh vui cùng em trai nhỏ
 Anh vui cùng em gái thơ
 Hương huệ thơm, những trái cây chín đỏ
 Lời khuyên ba mẹ ngọt ngào
 Anh muốn mãi đời mùa Xuân — đầm ấm thoả hương trầm
 Gia đình không khí Tết
 Giấc ngủ trưa anh mơ toàn mộng đẹp
 Có anh, có Em
 Bằng hữu, họ hàng !

Nghe chuông đồng hồ anh tỉnh dậy còn mỉm cười
 Giấc chiêm bao không thiếu trong cuộc đời
 Ôm sách vở anh đến trường học tập
 Bạn bè đã reo vui
 Anh nghe lời chim hát
 Năng ẩm căng bầu trời
 Mừng thêm ngày họp mặt
 Trống trường điểm, giờ trôi
 Lời giảng nhập tâm đầy ấm áp.

Khi trở về đại lộ vừa lên đèn
Hàng cây xanh thì thăm thiu ngủ buổi đêm
Bánh xe êm lăn trên từng mặt nhựa
Thành phố đẹp thần tiên
Anh cười không tư lự
Bữa cơm tối anh lại vui thêm cùng em nhỏ
Đầy yêu thương những bộ mặt gia đình
Anh thấy ngày mai thêm cửa ngõ
Mùa Xuân cuộc đời như mộng xanh

Tám giờ tối anh trở về phòng một mình
Đài xanh vừa đủ sáng
Gió quạt vừa lên nhạnh
Những bản nhạc vui làm anh hài lòng thêm cuộc sống
Nhật trình hân hoan loan báo những tin lành
Mười giờ đêm anh thả hồn rời mộng
Hình ảnh yêu kiều chan chứa ngập hồn anh !

Xế màn tuyn, qua cửa sổ đầy sao.
Sáu giờ sáng anh trở mình, trở dậy ra lan can uống hơi nắng sữa.

Tuổi trẻ hoa xuân tha thiết mời chào
Bắt đầu hơi thở cũ.

LINH BẢO

Đồng sương ký

Tên thật : Nguyễn Thị Diệu Viên, sinh ngày 14-4-1926 tại Huế. Từng theo học Đại học đường Tôn Trung Sơn (Quảng Châu — Trung Hoa).

Cộng tác với các báo : Mới, Người Việt Tự Do, Văn Hóa, Ngày Nay, Tân Phong, Vui Sống.

Tác phẩm đầu tay là tập phóng sự «Chồng Chung» (viết với em gái : Băng Thanh và ký chung : Hương Thi). Nhưng bản thảo thất lạc trong cuộc cách mạng 1945.

Đã xuất bản : Gió Bắc (truyện dài 1952), Tàu Ngựa Cũ (truyện ngắn 1961).



BỐN người đàn bà ngồi tỉ tay bên cửa sổ nhìn nhau, tuy chẳng có gì đáng nhìn cả. Họ không phải ghét nhau nhìn một cách hằn học, cũng không cảm tình nhiều nhìn nhau triu mến, âu yếm như muốn ghi lấy hình ảnh thân yêu. Họ nhìn nhau lơ đãng dừng dưng. Bốn người đàn bà, nhà đều không có đàn ông, họ thuê bốn căn gác đối

diện này và sống lặng lẽ như những cái bóng ma. Ngõ hẻm đưa vào đây không có lối ra. Giữa sân là chỗ để xe rộng rãi. Mỗi cô có một số bạn rất ít, họ cũng ít khi đi chơi đâu, và chỉ nhìn cánh cửa sổ đóng hay mở cũng khó biết họ có nhà hay đi vắng. Vân ở căn gác số 1, Trân căn số 3, Lài căn số 2 và Lý số 4.

Chiều 30 Tết, ai cũng lo sửa soạn ăn Tết, tô điểm cho gia đình hay sẵn sóc con cái và sửa soạn đón ông bà. Các cô ngồi tỉ tay bên cửa mơ mộng những thứ mọi người có, các cô không có. Họ không bước sang nhà nhau vì sợ nhìn gần nhau quá. Còn gì khó chịu hơn phải nhìn thấy từng nét răn sắp thành hình của người bạn gái cùng trang lứa. Nhìn họ cũng như soi thấy mình trong gương, trên mặt mình cũng đang có những nét mơ hồ sắp thành hình như thế. Chuyện với nhau thì nhạt lăm. Trời không nắng cũng không mưa, không nóng cũng không lạnh. Thế giới họ, không thiết tha. Nói một lúc động đến chuyện lòng thì phiền, vì ai cũng muốn dẫu cả. Ai cũng muốn dẫu cái vẻ mùa thu của cuộc đời mình. Họ nhìn nhau xa xa, thấy dáng mặt và màu sắc vẫn còn phong độ, các cô yên tâm hơn một chút. Nhưng cuộc sống như thế cuối năm tính sổ vẫn không hề đem lại một cái gì. Đâu đâu cũng vẫn thấy trống rỗng và vô nghĩa. Mọi vật đều như thiếu linh hồn.

Nhà cô nào cũng có bánh mứt và hoa quả nhưng những thứ ấy cũng không thể tạo ra cho họ một cái vẻ Tết. Hay có chăng, chỉ giả tạo bên ngoài. Cái mùi vị Tết ở bên ngoài mà thông thắm nhuần đến bề trong làm cho họ băng khuâng. Họ gặp mặt nhau, khẽ nhếch một nụ cười xã giao rất gượng rồi lại nhìn lên trời. Cái sân xe đúc bằng xi măng không có một gốc cây nào để vươn cành lá lên không trung, bên dưới cũng không hề có một bóng mát. Trời chỉ là một mảnh con con lọt vào giữa cái sân xe và mây không hề lảng vảng đến gần cái khung trời này. Họ đành lại phải nhìn ngay mặt nhau. Vân thấy cô Lại nhà đối diện số 2 hôm nay hình như già thêm một chút. Nàng nghĩ thầm :

— Quái lạ, biên giới của năm này sang năm kia đúng là chiều 30 sao chứ ! Chả nhẽ người ta chuẩn bị để sau giao thừa là già một cái rụp. Khổ đến thế thì thôi !

Nàng chú ý nhìn Lại thấy giá cô đừng buộc cái đuôi ngựa theo lối tóc thơ ngây

kia trông còn thuận mắt hơn. Thân hình Lài thon nhỏ nhưng nhiều xương ít thịt. Cô làm ra vẻ ngây thơ nhí nhánh như cô bé mười hai tuổi, lối ăn mặc của cô giống bọn trẻ con mười tuổi bên Âu Mỹ, và trong ánh mắt cô, người ta đọc thấy cái mơ mộng băng khuâng của cô gái hai mươi. Nếu muốn biết tuổi thật của cô có lẽ phải cộng tất cả những thứ ấy lại thì vừa đúng.

Lài sống một mình với con chó bông lông ngắn Nhật Bản. Đi chơi đâu nàng cũng bế đi theo. Vân không biết Lài làm gì vì không thấy cô bận rộn hay quan tâm đến việc gì hết. Mỗi ngày cô gởi tiền nhờ chị Tư bếp của cô Trân mua giùm thức ăn. Cô tự nấu lấy xong cùng ăn với con chó. Thấy một cổ, tứ một cổ. Hai cái bóng đen in lên tường mỗi tối như một bức tranh linh động và bất di bất dịch. Có lúc Vân tò mò muốn biết nàng làm gì để sống nhưng không dám hỏi. Nàng sợ làm phiền lòng cô bạn gái ở bên mái tây. Nhưng một hôm Vân bỗng tìm thấy sự thực. Hôm ấy nàng đang ngồi

bên cửa sổ ngắm « cảnh » và đang thấy buồn vì không có gì để ngắm cả. Hai cửa sổ nhà mái tây vẫn đóng im ỉm. Cô Lý đi vắng từ trưa chưa về. Lài, chắc cũng không có nhà. Vân lơ đãng nhìn vào khoảng không. Ai trông thấy vẻ mặt đăm chiêu lúc đó chắc tưởng Vân nghĩ chuyện gì ghê gớm lắm, kỳ thực đầu óc nàng trống rỗng, chả có một ý nghĩ gì cả.

Vân đang nhìn bỗng thấy một người đàn ông từ trên cầu thang chung của Lài và Lý bước xuống. Ông ta người có vẻ bệ vệ lắm, mồm ngậm một điếu xì gà to tướng, mặt mày có vẻ phê phỡn. Ông lên chiếc xe màu nâu và lái ra khỏi sân. Chiếc xe nâu ấy mấy hôm lại ghé đây một lần, thì ra cô bạn mái Tây là một món « quốc cấm » của chủ nhân chiếc xe nâu.

Cửa sổ nhà cô Lài hé mở, cô nhìn xuống đường định mở rộng, nhưng chợt thấy Vân ngồi ở cửa đang nhìn sang, cô vội khép lại.

Vân tự bảo thầm :

— À, người ta lắm lúc chỉ nên « thông cảm » mà thôi!

Hiều nhau vừa vừa là đủ rồi, một vài bí mật phải tôn trọng.

Chiều hôm nay 30 Tết, chiếc xe nâu ấy cũng đã đến một lúc. Bức rèm trúc buông xuống cửa sổ rung rinh theo làn gió nhẹ. Nhưng nó được vén lên rất chóng vì chủ nhân chiếc xe nâu đã phải vội vàng ra đi, trên môi vẫn dính chặt điệu xì gà như thường lệ.

Vân đoán chắc hẳn phải về vội vì sợ vợ rầy. Hẳn phải tiếp khách, lo trang hoàng nhà cửa, hay đi phố với vợ. Hẳn có thể quên không nhớ đến cô Lài trên cửa sổ nhìn hẳn ra đi, mà hẳn cũng có thể làm tất cả những công việc nhà mà tâm hồn để cả nơi đây. Tội nghiệp cô Lài, tối nay cũng lại như mọi tối, chỉ có con chó Nhật cúng giao thừa, và ăn Tết với cô thôi. Bên cạnh gác cô là buồng của cô Lý. Cô đóng cửa ban ngày để ngủ và đi chơi, đóng cửa ban đêm để đi làm. Vì thế nếu người nào đến tìm cô cũng chỉ tần ngần trước cửa một lúc, mân mê cái khóa cửa, nhìn quanh nhìn quẩn

rồi ra về. Cô Lý là ca sĩ, lúc đầu cô hát với tất cả tâm hồn. Lòng cô rung cảm với ý tình của bài hát, nhưng lần lần cô thấy không thể lên được bền theo thời đại, đòi hỏi hát thích hợp, tuy cô chỉ nghề ngao chẳng biết là mình đang hát gì? Lắm lúc bài cũng chả cần thuộc, cứ cầm đại bản hát lên máy vi âm. Thính giả không cần cô phải diễn xuất, phải trình bày với tất cả tâm hồn để nói lên tình ý trong bài hát thì cần gì phải thuộc cơ chứ! Cô thấy tiền nhiều hơn, làm việc đỡ vất vả hơn, nhưng tâm hồn cũng trống rỗng hơn bao giờ hết!

Liền bên cạnh Vân là gác cô Trân số 3. Cô này trẻ tuổi và xinh đẹp nhất. Nhà cô ngoài chó bông Nhật ra còn có một chị bếp. Trước kia cô là một vũ nữ danh tiếng, bạn bè rất đông nhưng từ ngày một ông chủ hãng tàu đem cô về đây «kim ốc tàng kiều», cô sống rất ngoan ngoãn. Có lẽ một cô gái nhà lành cũng không ngoan bằng. Mỗi sáng cô dậy tập hát và học thêm tiếng Anh một mình. Trưa cơm nước xong

cô ngủ cho đến chiều ; thức dậy tắm trang điểm xong thì chiếc xe màu da trời đến. Chủ nhân cao lớn to béo từ trên xe bước xuống đóng cửa đánh sầm một tiếng, tay nắm xâu chìa khóa lắc kêu reng reng bước lên cầu thang. Hai phút sau chị bếp cầm cái bát ra cửa, con chó Nhật lẻo đẹo theo sau. Chị Tư mua phở đem về nhà để lên bàn ăn, xong chị lại dẫn con chó ra đi, người ngẩn mặt nhìn trời ; chó, cúi đầu xuống đất tìm một mùi hơi gì quen thuộc.

Một giờ sau Trân ra đứng cửa sổ lấy mắt tiễn chiếc xe da trời ra khỏi sân.

Vân đoán anh chàng này dẫu cô bé ở đây ; mỗi ngày ở sở về sớm nửa giờ, về nhà « báo danh » muộn nửa giờ. Hai phương diện công tư đều không có gì trở ngại lắm, thế là ông ta lợi được một giờ đến đây thăm Trân, ăn một bát phở, hàn huyên mấy câu, mắt lăm lét nhìn đồng hồ, lơ hờn nào câu chuyện dài dòng một tí, trễ giờ là ông hốt hoảng chạy ra xe, nhấc hết ga, phi một hơi về nhà « trình diện ».

Chị Tư đi dạo xong dắt chó về thì trời cũng vừa tối. Cơm nước xong, nếu buồn Trân đem cả chị Tư đi xem xi nê, nhốt con chó trong phòng khóa cửa lại mặc nó cào cửa kêu ầm ỹ.

Trong đêm 30 Tết hình như người ta không chú ý đến nhau mấy. Bốn cô gái nhìn nhau mà vẫn như không thấy gì cả. Chắc là họ đang suy nghĩ nhiều lắm hay là đầu có phải trống rỗng vô cùng.

Có tiếng người cười nói dưới sân, bốn cô cùng nhìn xuống, mong đây là bạn mình, nhưng họ đi làm nhà nên nhìn ngóng một lúc trở ra ngay.

Cô Lý đã ăn mặc chỉnh tề đóng cửa đi làm. Còn lại Vân, Lài và Trân, lúc này cũng cúi xuống sân như muốn tìm một vết chân, hay đợi một kỳ tích hiện ra.

Trời đã hơi tối, ai cũng quay vào nhà lên đèn, Vân vắn bóng đèn nhỏ màu xanh nhạt, nàng mở tập thư nhận trong một tuần lễ ra đọc, toàn là của những ai đâu đâu, đọc giả yêu văn lắm lúc có những ý muốn kỳ lạ. Có

người hỏi thăm đời tư của nàng. Ai lại thế kia chứ, đời tư của người ta sao lại moi móc ra làm gì ?

Cái đời sống « ngoại cảnh » của nàng thì dễ biết lắm ai cũng trông thấy sờ sờ ra đấy. Nàng ở căn gác này, sống bằng một nghề thủ công, thỉnh thoảng viết lách lăng nhăng, những câu chuyện vô thưởng vô phạt. Ban đầu Vân đăng báo nhưng sau thấy đăng dễ, lấy tiền khó nên viết xong Vân cất vào ngăn kéo, bỏ thêm mấy con dán vào cho có « sinh khí » và có bạn rồi quên hẳn. Nguyên do chỉ vì có một tờ báo đăng của nàng một mách mười ba bài, xong đến khi lấy tiền ông chủ nhiệm trốn mất. Và có khi nào gặp nàng, ông làm cái mặt lạnh như băng. Hình như ông cho tiền là một thứ bẩn thỉu nhất trên đời, không đáng cho nhớ đến và nhắc đến.

Muốn tránh cái cảm tưởng nhục nhã lúc nhận tiền hay hỏi tiền, Vân không đăng báo nữa. Vân tức giận vì thấy quả thực mình có quyền đòi, và cũng đã có sự thỏa thuận

trước, thế mà lúc lấy tiền người ta coi mình như ăn mày đi xin, cùng lắm họ trả với bộ mặt miễn cưỡng không vui tí nào, coi như mình là một kẻ phá hoại « an ninh và trật tự » vậy. Từ đấy những kẻ sòng phẳng đối với văn hữu đón hỏi bài và hứa bút phí sẽ bỏ phong bì cho người đem lại tận nhà trả, Vân cũng chỉ cười lắc đầu :

— Tôi độ rày đầu não rỗng lắm. Chả viết lách gì cả !

Người ta tỏ vẻ thương hại nàng. Tội nghiệp thực đấy chứ ! Đầu não đã trống rỗng thì còn làm ăn viết lách gì được nữa.

Đây là « ngoại cảnh », còn phần « nội tâm » ra sao, chính Vân cũng hoang mang. Đầu óc nàng tuy có trống rỗng thực, nhưng tim nàng lại chan chứa cảm tình. Cái hình ảnh ấy đến với nàng lần đầu, tràn ngập trong tim nàng, rồi xây dựng « thủ đô » ngay tại đấy không chịu dời đi đâu nữa. Phong độ, học vấn tư tưởng, dáng người, cách ăn nói, cái của chàng Vân đều vừa ý tất cả. Trái lại, chàng cũng thế. Chàng thấy Vân

đúng là người chàng ao ước. Chàng thấy mình trẻ lại, và ngạc nhiên vì mình yêu say mơ mộng như lúc ban đầu, với mỗi tình đầu. Rõ ràng họ hẹn nhau từ kiếp trước. Chỉ khổ một nỗi là Nguyệt Lão ngồi làm việc dưới trăng mà không có cà phê, mệt mỏi quá nên đã xe nhầm tơ ! Tình chàng dù có thắm thiết đến thế nào, « minh châu » của người yêu cũng đến « Hè tại Hồng la nhu » là cùng ! Họ dừng lại ở một « vĩ tuyến » và lặng lẽ nhìn nhau. Chàng nghĩ :

— Mình không nên « vượt tuyến » xâm lấn vào cuộc đời nàng. Mình có đem cho nàng cái gì được đâu ! Đời mình đã thuộc về vợ con hết tất cả rồi, chỉ còn trái tim, nhưng chỉ có trái tim như thế có đủ không ? Mình sẽ mỗi ngày đến ăn một « bát phở 5 giờ » như ông láng giềng của nàng rồi về chăng ? Nếu quả thực như thế thì đáng buồn cho đời nàng lắm. Tình yêu của nàng phải được sưởi ấm dưới ánh mặt trời, không thể nào âm thầm dấu diếm như thế được. Nàng đáng được sung sướng đi bên cạnh

người đàn ông của mình ! Không, không thể được ! Chàng không đem lại cho nàng được cái gì cả. Sự dấu diếm sợ hãi làm cho bần tiện con người ! Cả hai cùng không muốn.

Còn Vân, nàng cũng nghĩ thầm :

— Người ta có bốn phận rồi, rắc rối vô ích. Dù yêu nhau đến thế nào đi nữa cũng chỉ là đề lụy cho nhau thôi. Gây ra gánh nặng mà không ai gánh nổi cả thì tốt hơn nên tránh. Vả lại xâm phạm đến « sở hữu » của người khác là một việc làm không đẹp. Trong hai người ai sẽ thành ra « người quân tử » cũng đều không nên !

Ờ, nhưng nàng định sống suốt đời như thế này sao ? Viết bài vút vào ngăn kéo, sống lơ mơ trên đường đời như người say rượu tìm lối về. Có một căn nhà ấm cúng quá nhưng của người khác ! Chỉ có kẻ hành khát, trộm đạo, mới bời hời trước ngõ nhà người ta. Người say rượu nghĩ thế, nên dù khát nước cũng không đứng lại xin một hớp.

Bây giờ Vân mới thấy sợ cô đơn. Vân tưởng tượng nếu yêu nhau, lúc chàng ra về lòng nàng sẽ trống trải sầu tủi đến như thế nào. Ấy là chàng không hề ăn « bát phở 5 giờ », nếu không còn ai oán cho người đứng bên cửa sổ nhìn theo nhiều hơn nữa.

Vân bắt giắc thêm một tiếng động, một giọng nói. Ừ nếu không ngọt ngào âu yếm thì gắt gỏng la mắng cũng được. Ít nhất cũng làm cho gian phòng vắng lạnh, không gian, và tâm hồn có một âm thanh xáo động.

Nhưng sự thực chỉ có một mình nàng, hay cô láng giềng của nàng cần xáo động thôi, còn ngoài ra thiên hạ ai cũng thích bình yên êm đềm. Vậy hãy cứ để cho họ yên. Vân chợt nghĩ ra như thế... và trong chốc lát nàng quả quyết rời bỏ nơi này.

Pháo giao thừa bắt đầu nổ vài nơi xa xa vang lại. Vân

đứng dậy ra cửa sổ nhìn sang. Hai cô láng giềng đã ngồi bên cửa sổ từ lúc nào. Họ đang mơ một tiếng giầy hay một tiếng chìa khóa đụng nhau leng keng, mắt họ nhìn vào khoảng không thất thần.

Vân nghĩ đến mai đây khi nàng dọn đi rồi, không biết một tâm hồn như thế nào sẽ đến ăn dưới cửa sổ mái đông này !

Vân bỏ căn phòng để trốn chạy con người nàng cảm thấy hình như mình đã chờ đón mơ ước suốt nửa đời người.

Sự thật Vân đã quá lo xa. Nàng không cần phải bỏ đi đâu, trốn chạy ai hết. Đêm giao thừa, mọi người đều say sưa không khí ấm cúng của gia đình. Dù họ có « ăn phở » đâu đâu đi nữa, giờ ngày ấy, lá rụng về cội, họ vẫn là người của vợ con. Vân không hề làm khổ ai, nàng chỉ tự làm khổ mình.

Cô LINH BẢO

Tìm đọc

UỒI ĐỜI thơ Ninh Chữ

một thi phẩm của các bạn trẻ yêu thích văn nghệ

<https://tieulun.hopto.org>

MAI TRUNG TĨNH

Buổi sáng tỉnh dậy



Tên thật : NGUYỄN THIỆU
HÙNG, sinh năm 1937 tại Hà
Nội (Bắc Việt).

Bắt đầu sáng tác từ năm 1951-
1952.

Đã cộng tác với các báo : *Quê
Hương* (xuất bản tại Hà Nội),
Dân chủ (1956), *Thế Hệ, Sáng
Tạo...*

Hiện làm giáo sư văn chương tại
một trường công lập ở Saigon.

Các tác phẩm đã xuất bản :

- « 40 bài thơ của Mai Trung Tĩnh và Vương Đức Lệ »
(1960).
- « Ngoài vườn địa đàng » (1962)
- Một số luận đề văn chương có tính cách giáo khoa cho
học sinh đệ nhất và đệ nhị cấp do nhà xuất bản Bông
Lau ấn hành.

Các tác phẩm dự định ấn hành :

- *Thơ xuôi.*
- *Những hạt ba-dăng của Niêm* (truyện ngắn).



*S*ÁNG đã lên ngoài cửa sổ, À ! Tôi phải dậy đây.

Tôi dậy cùng nỗi buồn thức dậy như người bạn suốt đời trung thành
[chẳng bao giờ muốn chịu xa nhau.

tôi phải làm gì trước nhĩ trong động tác đòi tôi khi ngày chuyển một vòng ? Tôi bước khỏi giường làm bước giãn thân, tôi giãn tôi vào cuộc hành trình không khởi điểm, hành trang là khối óc từ chi tôi. Tôi uống ly nước đầu tiên như trút dầu xăng cho chiếc máy. Tôi đổ hoài nhưng bình chứa vơi khô ngay, khô như mặt mũi tôi cái nhãn hiệu phơi se ngày ngày gió thổi. Ôi tôi nhớ em cũng lên đường một chuyến, sao tôi đi rồi rã bao năm mà chẳng gặp để chân tôi giờ biến thành đôi đế sắp lung lay. Tôi, bức tượng hết linh thiêng sẽ đổ xuống nặng nề, mắt chưa kịp quay nhìn bọn sùng bái rủ nhau lánh dần quên bội bạc. Từng mảnh chất liệu cát nên tôi rơi rụn tan tành trong cơn lốc vốn a tòng từ muôn [kiếp, chỉ đợi thời vùi hút đến vô tận. Năng vừa bùng soi như khói bốc. Máy nóng rồi, thôi, ta vận áo [quần lót diện cho đồng cảnh với anh em.

MAI TRUNG TĨNH

Đón đọc

« KHI NGƯỜI CHẾT CÓ MẶT »

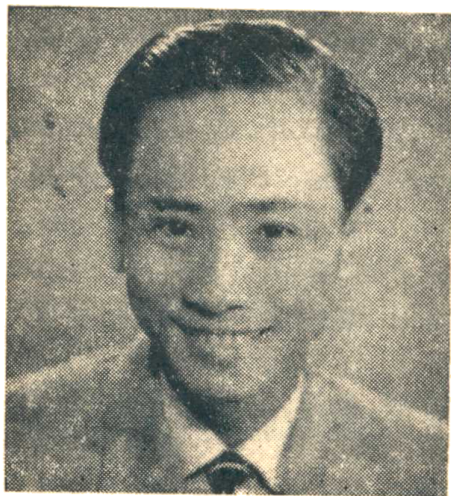
Tiểu thuyết của NGUYỄN-NGU-Í

- Tác phẩm mới nhất với nhiều công phu sáng tạo của nhà văn quen biết: NGUYỄN - NGU - Í
- Sách trình bày đẹp mắt, ấn loát mỹ thuật với lời tựa của BÌNH-NGUYỄN-LỘC

<https://tieulun.hopto.org>

ANH TUYẾN

Tổ ong



Tên thật LÊ VĂN TUYẾN

Sinh năm 1923 tại Ngã-ba-Đình
(Rạch giá)

Làm thơ, soạn kịch.

Đã xuất bản :

- THÂM CUNG, kịch thơ ,
1957.
- TỒ ẤM, thơ (giải thưởng
V.C.T.Q. 1961)
- HƯƠNG LÚA TÌNH QUÊ,
kịch xã hội (giải thưởng
L.Đ.C.C.C.M.Q.G. 1961)

Kịch phẩm đã trình diễn :

- Ở sân khấu : Thâm Cung, Đời Chiến Sĩ, Vườn
Hạnh Sau Chùa (hợp soạn với Kiên Giang)
- Ở Đài Phát thanh : Nắng Ấm, Tiếng Còi Sương.



MỘT lũ trẻ trên bờ đê đùa giỡn

Nào trèo cây, nào đuổi bướm, hái hoa...

Bình minh lên, ánh nắng sớm chan hòa ;

Gió thoang thoảng, thấm tươi, trời rộng rãi...

Một thằng bé chui vào lùm hoa dại,
 Bỗng tỉnh cò trông thấy một con ong
 Đang hiền lành hút nhụy một chùm bông...
 Tánh tình nghịch, nó bẻ que lại đuổi.
 Con ong con, sống một đời cặm cùi,
 Hút nhụy về và nhả mật cần lao,
 Sáng hôm nay bị thằng bé đánh nhào
 Nằm dẫy chết, giữa bình minh rực rỡ !

Thấy hay hay, lũ bé con hơn hở
 Cùng rủ nhau bẻ gãy để săn ong,
 Chúng tìm ra, trên ngọn một cây vông
 Một tổ quốc của một bầy ong nghệ !
 Những con ong vàng vàng, xinh đáo để
 Đang cần cù xây đắp tổ, bình yên.
 Nào ngờ đâu một lũ trẻ cuồng điên
 Đã phạm đến tự do cò kính !
 Những chiếc gậy ngang tàng vung lên đánh !
 Những con ong bé nhỏ rụng rơi...
 Chiếc tổ ong bị đánh tan tành rơi...
 Ong vỡ tổ, vù vù bay tán loạn !
 Lũ bé con hả hê, cười ngạo mạn !
 Nhảy tung tăng và hò hét reo mừng...

Chúng ngờ đâu ong mất tổ, một lòng
 Vì non nước đã nhất tề, tử chiến !
 Và trên đầu, và trên tay, trên miệng !
 Cả đàn ong, liên kết lại, đánh bừa !
 Lũ bé con tiu tít, khóc như mưa...
 Và từ đó, không bao giờ trở lại,
 Trên bờ đê, bên những lùm hoa dại !

Nắng vàng lên, đầm ấm và thái bình
 Bầy ong con đang nhả mật hiền lành...

BÌNH - NGUYỄN LỘC

Xác không chôn

PHƯƠNG vịn hàng rào của trại y xá nữ để ngắm ánh nắng mai chơi giỡn trên pho tượng Phật bằng sứ đất giữa bồn bông ở sân nhà thương, bên kia hàng rào, tức bên ngoài của sân trại y xá.

Tuy sự thương ngoạn của nàng có đối tượng, nhưng tâm mắt nàng vẫn đi xa hơn, vượt khỏi con suối chảy qua trước những dãy trại bệnh để rình cổng nhà thương.

Phượng đã cố gắng đau ốm một chứng bệnh lật vật để được đưa ra nằm ở trại y xá này, dành riêng cho những con bệnh mắc những chứng bệnh nhẹ khác hơn là chứng bệnh chánh của họ là bệnh điên. Những con bệnh bị lao phổi hay cùi lại được đưa sang những trại đặc biệt nữa.

Trại y xá nữ được xây cất trước mặt các trại khác, trông thẳng ra sân lớn của bệnh viện, và là một tiền-tiêu trình sát lý tưởng để điểm những cuộc ra vào cổng nhà thương.

Nàng rình cái cổng này đã bốn tháng nay rồi, từ sáng đến chiều mỗi hôm, suốt một trăm hai mươi ngày dài đằng đẳng mà không thấy bóng người mà nàng mong đợi, vào qua nơi đó.

Ở dưỡng trí viện này có ngót hai ngàn con bệnh, nhưng chỉ có bốn mươi người vừa nam vừa nữ là trong ngóng như Phượng thôi. Đó là những người khỏi bệnh mà chưa được ra nhà thương vì một lý do bí mật nào mà họ không được rõ.

Bao nhiêu người khác, đang chìm đắm trong chốn u minh của thức giấc, không chờ đợi ai cả, nhưng một số người trong bốn mươi người này, đáng lý gì cũng cùng một tình trạng với những người còn bệnh, nhưng họ cứ chờ, nhứt là phụ nữ.

Đó là sự chờ mong dai dẳng có lẽ kéo dài cho đến ngày họ hóa đá vọng phu.

Dưỡng trí viện đặc biệt dễ dãi về sự thăm viếng, bất kỳ giờ phút nào trong ngày, xin vào thăm người bệnh cũng được cả, chớ không có thời dụng biểu cho các cuộc viếng thăm như ở các nhà thương khác trong nước, cốt để khuyến khích người nhà không chặt đứt cây cầu liên lạc giữa họ và các con bệnh, thế mà người thăm viếng cũng quá thừa thớt.

Người điên bị kẻ thân yêu bỏ quên chẳng ?

Thật ra, Phượng chỉ mới trông chờ từ hơn hai tháng nay thôi. Lúc vừa ra khỏi giấc mơ dài, nàng chưa nhớ hết mọi việc, biết rằng mình mắc tâm bệnh và vừa khỏi, chỉ có thể thôi.

Lần lần thức giấc trả ra những kỷ niệm cũ và, ráp lại bao nhiêu kỷ niệm ấy, nàng khôi phục lại được ký vãng của nàng.

Cuộc tái thiết quá khứ này không phải là không đau đớn vì nàng xây dựng nó trên một nền móng nặng nề căm hận.

Cái nền móng ấy là cái đêm cuối cùng của khoảng đời trước của nàng mà nàng thức suốt sáng sau khi Nam, chồng nàng, ra đi với một thiếu phụ mà nàng biết chắc là hơn tình của hấn.

Nam đã ngoại tình từ lâu rồi, và Phượng đã từ lâu rồi ngấm ngấm đau khổ nhưng không hề dám hở môi vì hấn vô phu như một tên vô lại.

Nhưng cái bất lịch sự đêm đó của hấn mới là vũ đánh tàn nhẫn cuối cùng nó làm chấn động cả tâm thần nàng. Uất khí bị dồn ép nhiều ngày, đêm đó đã đầy ứ và tàn phá cả trí giác của nàng.

Ngược dòng thời gian, Phượng nhớ ra rằng nàng là một thôn nữ trôi giạt lên Saigon vì chiến tranh. Nàng học nghề làm thợ may ở một hiệu khâu đầm đường Catinat.

Nơi đó, nàng gặp Nam, một anh thợ kỹ đánh máy ở một hiệu buôn gần đó. Hai người yêu nhau, lấy nhau, ăn ở với nhau hơn ba năm trong đầm ấm, rồi thì Nam đổi dạ thay lòng.

Cái đêm cuối cùng ấy là một đêm mưa dầm của năm 1951, nàng nhớ như vậy và cứ bằng theo lịch năm nay thì mười hai năm đã qua rồi, và nay nàng đã băm ba tuổi.

Khi nhớ hết mọi việc, và nghe bác sĩ phụ trách các trại phụ nữ cho nàng biết rằng nàng đã khỏi bệnh, Phượng xin ra nhà thương.

Nhưng vị bác sĩ ấy nói: «Đồng ý, nhưng phải đợi chồng chị lên rước».

Phượng không chú ý đến tiếng *Phải* trong câu nói ấy bao nhiêu và bằng lòng với lời bác sĩ, nàng chờ đợi.

Người điên bị kẻ thân yêu bỏ quên chẳng ?

Người thăm viếng thừa thớt quá. Một con bệnh được đưa vào đây, tháng đầu người nhà còn tới lui để nghe ngóng tin tức hoặc để nhìn lại gương mặt thân yêu đã hóa ra ma đại xem nó có tươi tỉnh lại được phần nào chăng.

Tháng sau đó, họ bắt đầu lui vào ra rồi thì một khi kia, họ không vào nữa. Bệnh kéo dài lâu quá mà con người ai cũng phải sống.

Phượng hỏi thăm mấy bà giám thị kỳ cựu và biết rằng nàng cũng ở trong trường hợp đó. Tệ hơn nữa, ba tháng sau khi nàng vào đây, chồng nàng không đến để đóng thêm tiền nhà thương, nên bệnh viện buộc lòng đưa nàng xuống hạng bố thí từ ấy những nay.

Phượng chờ đợi, nhẫn nại như pho tượng Phật sứ trước mặt nàng, và như đấng từ bi đại độ ấy, nàng sẵn sàng tha thứ người chồng có lỗi mà nàng còn yêu như là vào những ngày đầu mới gặp nhau.

Nhớ lắm, nhớ người con trai ấy lắm ! Phượng ý thức rằng bây giờ hấn đã khá cao niên — hấn lớn hơn nàng năm tuổi, tức đã ba tám rồi — nhưng nàng

không tưởng tượng nhiều về gương mặt của hắn bây giờ mà chỉ thấy trong trí một sắc diện tươi trẻ, hình ảnh cuối cùng mà nàng đã ghi ký và còn giữ được trong lòng nàng.

Phượng chờ đợi và ngày nào cũng thất vọng khi thấy trong những người khách qua cầu không có Nam.

Cầu đây là chiếc cầu gỗ bắc ngang qua suối mà khách vào thăm phải qua đó để đến các trại bịnh.

Có thể là Nam đã thay đổi nhiều, nhưng chiều nghiêng của mặt người thì hình bóng phải bất di, bất dịch, mà từ y xá trông ra cầu, luôn luôn thấy phía nghiêng của mặt khách quá kiêu.

Nàng theo dõi họ ngay từ lúc họ vừa bước qua cổng, đứng lại đó giây lát để xin phép thủ môn. Nhưng nàng chỉ hồi hộp thôi vì họ còn xa quá, chưa phân biệt được ai là ai.

Qua mấy lùm cây, Phượng nhìn họ tiến đến cầu và đầu cầu phía ngoài là nơi mà hằng ngày nàng nghe lòng tan rã ra từng mảnh.

Có một lần, cách đây một tuần lễ, nàng hỏi vặn vị bác sĩ trẻ tuổi phụ trách các trại phụ nữ :

— Thưa bác sĩ, tại sao lại *Phải* đợi chồng tôi lên rước ? Nhà thương nào cũng cứ hề khỏi rồi thì cho về chớ ! Tôi có phải là trẻ con đâu ?

Ông bác sĩ tuy còn trẻ lắm, nhưng có vẻ khá chừng chặc. Tuy nhiên ông ta đã bối rối trông thấy, rồi ú ớ những gì không nghe được, đoạn bỏ đi khiến Phượng đâm nghi.

Nàng nghĩ rằng có lẽ ông ta làm khó làm dễ nàng để ăn hối lộ. Nàng định bụng sẽ tìm bác sĩ giám đốc để kêu oan, nhưng chưa biết phải hành động thế nào cho khôn khéo để tránh sự trả thù của kẻ bị nàng « lột mặt nạ ». Lột mặt nạ là thành ngữ mà nàng nghĩ trong bụng và sung sướng trước mà thưởng thức bước xuống của vị y sĩ không liêm chính đó.

Như hôm nào, hôm nay Phượng cũng lại phải thất vọng. Từ sớm đến giờ, có ba người khách đàn ông vào đây. Nhưng họ toàn là nông dân, có lẽ từ các tỉnh xa đến, chớ không có ai có vó thầy bà gì như Nam hết.

Không hiểu sao, hôm nay Phượng nhớ quá, không phải chỉ nhớ Nam mà thôi, mà nhớ

cả xã hội bên ngoài, vui đẹp không biết bao nhiêu.

Không, nàng không phải là một thiếu phụ băm ba mà là một cô gái vừa ngoài hai mươi, vì nàng đã ngưng sống từ cái tuổi đó. Vì thế mà nàng yêu cuộc đời với tất cả tấm lòng con gái hai mươi của nàng tấm lòng ấy chưa nếm đầy đủ cuộc đời nên cứ còn thêm khát.

Những dây rào dây kẽm gai bao quanh bệnh viện làm cho đường giống một trại tập trung. Thêm vào đó những tiếng la hét, những tiếng rú rợn rùng của những con bệnh điên loạn dữ làm cho người tỉnh kinh khiếp quá.

Không, người lành mạnh không thể ở chung với người cuồng trí được, trừ phi những nhà chuyên môn họ có phận sự thì không kể ; vả họ không ở chung hẳn với người điên như nàng, vì sau giờ làm việc, họ về với gia đình họ, tuy cũng quanh quẩn trong vòng rào, nhưng an ủi họ được phần nào, còn nàng, nàng nghe trơ trọi một thân đến muốn... điên trở lại.

Phượng bỏ hàng rào, thơ thẩn đi trong sân trại y xá và bỗng thấy ông bác sĩ trẻ tuổi ra khỏi

trại phía sau đó, theo sau ông là sáu con bệnh và một người nữ giám thị khỏe mạnh.

Mặc dầu không ưa người y sĩ liêm chính khả nghi mà nàng định đi thưa gởi với bề trên, Phượng cũng muốn nịnh ông ta, vì chưa chống lại được với hắn thì nịnh hắn là thượng sách.

Nàng bước ra sát hàng rào bên hông trại y xá dọn miệng để ông ta đi ngang qua đó thì xá một cái và chào : « Bẩm Quan Lớn ! »

Quả ông bác sĩ đi ngang qua đó. Nhưng Phượng chưa kịp mở miệng thì ông ta đã mỉm cười và hỏi :

— Chị Phượng có siêng hay không ?

Đó là một dịp rất tốt cho nàng nịnh, nhưng bị hỏi bất chợt, Phượng bối rối, ú ớ một hơi rồi đáp một cách lúng túng :

— Dạ... ơ... bẩm... con... sẵn lòng..

— Đừng xưng con với tôi. Chị có muốn làm việc thì ra khỏi trại đi theo tôi đây.

Ông bác sĩ đi mau quá, vả lại ông đi trước, nên Phượng ra khỏi vòng rào, chỉ giáp mặt với sáu con bệnh đi làm « khổ dịch » thôi.

Phượng nhận ra đó là Phật Bà Quan Âm, một chị trạc bốn mươi, cứ tưởng mình là kẻ đã thọ cái hàm oan to nhưt lịch sử nhân loại, đã đi tu và thành chánh quả ; kể đó hai cô gái một cô cứ thấy ai đặt ống dòm để ngắm cô ta, còn cô thứ nhì thì luôn luôn thấy trước mặt một cục lửa. Hai cô đó bị ảo ảnh ấy suốt một năm trời thì loạn tâm, được gia đình đưa vào Dưỡng trí viện này, con bệnh thứ tư tự xưng mình là nữ bác sĩ, rồi không hiểu sao, sau một thời gian được điều trị, chị ta tự hạ bệ và tự xưng là nữ y tá và là má của bác sĩ trưởng trại phụ nữ ; con bệnh thứ năm chỉ làm thỉnh và ngồi yên trong phòng bệnh, bị giám thị đuổi ra sân để chị ta thở không khí trong lành, chị ta tiếp tục ngồi yên ngoài sân ; con bệnh thứ năm là một nữ tài tử cổ nhạc, tối ngày ca vọng cổ không ngớt miệng, ca đến khan tiếng mà không chịu thôi.

Đó là những con bệnh gần lành, hoặc mới vào nhưng không nặng. Họ không nguy hiểm, nên họ ra khỏi vòng rào mà chỉ có một người giám thị đi theo họ, mà bà này đi thông thả như đi dạo mát một mình.

Bác sĩ đã đi đến bờ suối và dừng chân lại đợi họ.

Đoạn suối chảy ngang qua vòng đất Dưỡng trí viện, ngày xưa nước trong và đẹp lắm, vì thuở ấy khu này là khu rừng rú.

Giờ ở trên giòng nước, trên xóm Hồ Nai, mọc lên nhiều xóm mới đông đúc nên nước suối không trong trẻo được nữa.

Tuy nhiên nhờ ở đây hai bờ suối được cần đá nên trông đỡ bản hơn nơi các đoạn suối khác.

Xa xa, những bậc đá được xây trong thành đá, để xuống suối mức nước, và ông bác sĩ ấy đứng nơi đầu một thang đá gần bờn bông có đặt tượng Phật sứ ở giữa.

Ông ta nhìn dòng nước giấy lát rồi day lại thì các con bệnh vừa tới nơi.

Hai con bệnh nhảy ùm xuống suối từ bờ cao, như lông rồng ở các hồ tắm.

— Nước nóng quá bà con ơi!

— Huớ làng xóm, tôi chìm xuống ! Cứu tôi !

Phật Bà Quan Âm thì dừng chơn trước pho tượng Phật bằng sứ và nói :

— Ê, rua ngen bờ !

Hai cô gái thấy ống dòm và thấy lửa ngồi phệt lên bờ đá mà nhìn nước trôi. Có lẽ cảnh mát mẽ ở đây giúp họ mất được ảo ảnh hay sao mà xem ra họ vui tươi lắm.

Trong khi đó thì người nữ tài tử cổ nhạc, dựa mình vào một gốc dừa trồng dựa bờ suối rồi cất tiếng khàn khàn đề than vãn:
« Ủy trời đất ơi ! Bến Tầm Dương đêm nào Tỳ Bà nỉ non đưa khách... »

Người nữ giám thị tới sau hết, tay xách một chiếc gàu bằng tre trét phân trâu. Gàu nhỏ, cổ chứa chừng năm lít nước thôi, còn mới nguyên, có lẽ đặt làm riêng để thích ứng với một công việc đặc biệt nào không rõ, chứ gàu thường thì bé lắm cũng lớn bằng hai gàu này.

Ông bác sĩ hỏi người nữ giám thị :

— Tôi dẫn đưa ra mười người, sao có sáu người hè ?

— Thưa bác sĩ, mấy người kia điên nhiều quá, không biết làm việc, chỉ có sáu người này là chịu nghe lời.

Bác sĩ châu mày :

— Chị lại hiểu lầm nữa ! Tôi không biết tại sao chị không ráng

mà hiểu một điều rất giản dị là dưỡng đường không có ý muốn và không có quyền khai thác lao lực của các con bệnh. Bắt họ làm việc thuộc vào một trị liệu mới phát minh, gọi là công tác trị liệu, như vậy, chính những người không tỉnh mới cần được tập luyện làm việc để thích ứng con người của họ trở lại với những trật tự, kỷ luật của đời sống bình thường.

Còn tôi đã cấm hẳn chị dùng tiếng « điên » trong nhà thương này, tiếng ấy dễ làm chấn động tâm thần của những con bệnh còn khá tỉnh, hoặc vừa khỏi, sao chị không nghe ?

Bây giờ chị đã hiểu chưa ?

Người nữ giám thị ngơ ngác trước những ý niệm lộn xộn đó, và chỉ nhe răng ra mà cười.

Ông bác sĩ lắc đầu. Nhấn nài, ông ta dạy xuống suối và đóng dặc hồ to, tay chỉ con bệnh đang la làng cầu cứu :

— Đi lại bọc thang !

Con bệnh đang lặn hụp dưới suối, đứng dậy và riu riu thi hành cái lệnh mà y thị, vì yếu đuối tinh thần, vâng lời một cách máy móc.

Đoạn ông ấy sắp các con bình khác thành một sợi dây chuyền người, dài từ giữa lòng suối lên tới bồn bông tượng Phật, Phật Bà Quan Âm đứng cạnh bồn bông, còn bà nữ bác sĩ tự hạ bệ thành nữ y tá thì ngâm mình dưới nước suối cao lên tới háng bà ta.

Bấy giờ, người y sĩ trẻ tuổi mới nhìn Phượng mà rằng :

— Công việc là như thế này : họ múc nước bằng gàu, trao cho nhau để chuyền gàu nước lên tới bồn bông. Nhưng tôi đã thất bại năm lần rồi, vì họ đã quên phản ứng đúng của con người thường. Để tôi cho họ diễn lại cách họ làm sai cho chị xem, Nào, thấy gàu cho họ đi.

Người nữ giám thị, thay vì thấy gàu cho bà nữ y tá giả hiệu đón bắt, lại ném gàu vào người của bà ta.

Nhưng ông bác sĩ không chỉnh phân viên vì ông biết con bệnh ấy không thể hứng được chiếc gàu.

Bà ta chỉ chụp thôi vì bị nó bay đến chạm vào bụng bà ta.

— Múc nước ! Bác sĩ lại hô lớn.

Bà ấy vâng lời người chỉ huy.

— Trao cho người trên !

Cái chị la làng khi nấy, đứng trên bậc đá cuối cùng, rước lấy gàu nước, nhưng lại trao trả cho người dưới suối.

— Ấy đó, hoặc họ làm như vậy, hoặc họ tự xối lên đầu họ để tắm, hoặc ném xuống giòng suối, nếu ta không ra lệnh từng giây từng phút.

Giờ cốt tập thể nào cho họ hành động đúng mà ta khỏi sai khiến gì cả. Ban đầu họ chỉ đúng một cách máy móc cũng đủ rồi, nhưng lần lần, họ sẽ đúng vì kỷ luật, rồi sau đó thì đúng vì ý thức phần nào.

Mai này, chị sẽ được ra khỏi bệnh viện, vậy đâu chị giúp cho họ thử xem để chứng tỏ rằng chị đã thật khỏi hẳn.

Phượng cả giận nói, giọng sân si :

— Tôi không cần phải chứng tỏ gì nữa hết. Ông không cho ra, tôi sẽ đi kiện ông ?

Sở dĩ Phượng dám phản đối mạnh như vậy, vì nàng chắc bụng rằng người y sĩ này không còn làm khó dễ gì nàng được nữa, bởi cho về là do thượng lệnh của bác sĩ giám đốc, mà ngày về là ngày mai thì tức

thượng lệnh đã ra rồi, không sửa đổi được nữa.

Bác sĩ bình thản nói :

— Đây là một sự hợp tác cầu vui, chị là người cứ đòi về mãi nên tôi chú ý đến chị, sẵn thấy chị đứng đó, gọi chị ra đây chơi vậy thôi, chớ còn việc này tôi làm cũng được, mà chị giám thị đây làm cũng được. Vậy chị từ chối hẳn chớ ?

Phượng hồi hận khi biết ra là nàng chỉ được yêu cầu hợp tác cho vui thôi nên đáp :

— Xin lỗi bác sĩ, tôi vui lòng hợp tác.

— Vậy cứ thử xem.

Phượng suy nghĩ mấy mươi giây và chợt thấy rằng nàng cần bị thử thách lắm, vì nàng không biết phải hành động cách nào ngay.

Nhưng rồi nàng cũng nghĩ ra và bước tới, đi xuống các bậc thang cho đến nấc chót.

Bác sĩ lại hô :

— Múc nước lên !

Bà nữ y tá tưởng tượng lại mức nước. Phượng chỉ làm thỉnh, đưa tay ra tỏ vẻ muốn nước lấy gàu nước, bà kia hiểu ý, trao gàu cho nàng mà không đợi lệnh nữa.

Họ hành động đúng y theo lệnh, nếu lệnh không cũ quá. Mục đích là làm thế nào cho họ không cần cái lệnh mới ràng ràng ấy nữa, chớ cứ hô lại « Trao cho người khác » là họ làm được ngay, nhưng họ làm như một cái máy.

Phượng trao gàu cho người bên cạnh rồi lẹ như chớp, nàng chạy lên đứng án ngữ giữa người đó và người thứ ba, và cũng đưa tay ra như khi nấy và con bịch thứ nhì cũng hiểu ý nàng.

Phượng cứ tiếp tục áp dụng chiến thuật đó cho đến lúc gàu nước tới tay Phật Bà Quan Âm nàng mới phải sai khiến một lời:

— Tươi bông !

Bấy giờ, hớn hờ vô cùng, Phượng hỏi bác sĩ :

— Có cần tôi nữa không ông ?

— Chưa, để họ thử lại một mình xem.

Chỉ có hôm nay, Phượng mới biết hồ nghi về sự khỏi hẳn của nàng lúc phải suy tính cách thức làm việc, và nàng sung sướng lắm vì tự tin được nơi mình rồi.

Công việc bắt đầu trở lại, nhưng gàu nước qua tay được ba người thì người thứ tư lại

dùng nước ấy mà tưới cỏ mọc ở ven bờ suối.

— Có tiến bộ. Nhưng đủ cho bữa nay lắm rồi, bác sĩ nói, đoạn nhìn Phượng mà thêm : « Chị theo tôi vào văn phòng ».

Trong khi vị y sĩ trẻ tuổi trở gót vào trại thì người nữ giám thị tập hợp các con bệnh lại để đưa họ thay y phục vì phần đông ướt hết áo quần bởi cầm gàu vung về.

Mấy bộ bà ba bằng vải tám màu ngà ngà xám xám vì lún cùn nên tay chơn của con bệnh nào cũng lộ ra ngoài rất dài.

Khi Phượng bước vào văn phòng thì thấy ngồi sẵn nơi đó một nữ nhơn viên của nhà thương mà nàng nghe mấy nhơn viên khác gọi là cô nữ cán bộ xã hội.

Cô ấy đứng dậy chào bác sĩ rồi nhìn Phượng, hơi bối rối y như ông bác sĩ đã bối rối ngày bị nàng hỏi vặn mấy câu.

Phượng đứng trước bàn giấy của nhà chuyên môn mà chờ. Ông ấy chỉ làm thỉnh mà lật hết xấp hồ sơ này đến xấp hồ sơ khác, có vẻ không xem gì, chỉ lật để giết thời giờ thôi.

Tay ông ta run run mặc dầu ngày thường đó là hai bàn tay khá rắn chắc. Ông ta đã dấm vào buồng của một con bệnh dữ một mình, nói là theo phương pháp mới, con bệnh này làm thình suốt tám tháng từ ngày vào bệnh viện đến cái hôm mạo hiểm ấy của bác sĩ.

Phượng đã bắt đầu mất bình tĩnh. Nàng xoa hai tay vào nhau, đổi thế đứng, cựa quậy như bị kiến cắn.

Ông bác sĩ xếp tập hồ sơ cuối cùng lại, thở dài rồi ngược lên, nhìn thẳng vào mắt Phượng mà nói :

— Mai này chị sẽ ra khỏi nhà thương...

— Cám ơn ông bác sĩ.

— ...Nhưng không phải là về nhà đâu.

Thất vọng và hoảng sợ, Phượng tái mặt, nuốt nước bọt một hơi mới hỏi được :

— Nhà thương đưa tôi đi đâu bác sĩ ?

— Chị là người thường thắc mắc, hay đòi hỏi, nên chúng tôi thấy cần giải thích rõ, chứ mấy con bệnh khác mà đã khỏi

như chị, họ nhẫn nại chịu số phận, tôi không phải cắt nghĩa gì hết.

Cứ theo pháp luật thì chồng chị đã đưa chị vào đây thì chỉ có chồng chị mới có quyền lãnh chị ra. Nhà thương không được để chị tự do về nhà một mình.

— Vì vậy mà tôi đợi chồng tôi nhưng đã lâu quá rồi.

— Cô Huệ à, đã tới phiên cô nói.

Người nữ cán bộ xã hội quýnh quýnh lên, nhưng trấn tĩnh được phần nào và cũng nuốt nước miếng mấy lần mới bắt đầu được.

— Chị nè, phận sự của tôi là viết thư về cho chồng chị để mời anh ấy lên rước chị. Nhưng dưỡng đường đã gửi ba bức thư rồi mà không nghe tin tức gì của anh ấy hết.

Tôi đoán rằng anh này đã đổi chỗ ở, hoặc đã... đã... đã qua đời rồi cũng nên...

Nghe tới đây, Phượng lại tái mặt, trống ngực đánh thình thình, cuối xuống nhìn gạch chó không dám góc cô Huệ nữa.

Người nữ cán sự xã hội tiếp :

— Dưỡng đường mới thử gửi một bức thư bảo đảm và đợi nửa tháng. Thư không bị trả lại...

Phượng ngược mặt lên, tươi tỉnh trở lại.

— Thế nghĩa là anh ấy còn sống và còn ở tại nhà củ. Nhưng từ ấy những nay, chúng tôi cũng không được tin tức gì của anh ấy hết.

— Lạ quá ! Phượng nhận xét.

Thấy cô Huệ nghĩ nói rất lâu, người y sĩ trẻ tuổi giục :

— Dầu sao cũng phải nói cho hết. Cô nên gắng lên.

Cô Huệ tăng hắng một cái cho thông giọng :

— Nhà thương cũng ngạc nhiên và sốt ruột ít lắm cũng bằng chị, vì dưỡng đường không dư giả để nuôi mãi bao nhiêu người đã lành hẳn rồi. Tôi không đủ phương tiện đi tìm chồng chị, nhưng tôi có nhờ một người bạn thân thay thế tôi để làm công việc ấy.

Bạn tôi có gặp chồng chị, có yêu cầu anh ấy rước chị, nhưng anh ấy chỉ lắc đầu chứ không chịu nói gì cả.

Phượng vụt rống lên mà khóc và kể trong tiếng khóc :

— Trời ơi, chồng tôi bỏ tôi rồi ! Chắc anh ấy đã có vợ khác rồi !

Đoạn gạt nước mắt bằng tay áo, nàng hỏi cô nữ cán sự xã hội :

— Cô có thấy...

— Không, bạn tôi, người Sài-gòn, gặp anh ấy thay cho tôi.

— Ờ, vậy bạn cô có thấy anh ấy có vợ khác hay không ?

— Tôi không biết điều đó.

Bỗng khủng khiếp đến tột độ, người thiếu phụ không may hỏi vị y sĩ trẻ tuổi.

— Thưa bác sĩ, bác sĩ nói sao, theo luật pháp thì chỉ có chồng tôi được quyền rước tôi ra à ?

— Ừ.

— Trời ơi, như vậy là tôi bị chồng tôi bỏ tù đến chung thân rồi !

Nói xong nàng té quỵ xuống gạch rồi ngã lẩn trên nền nhà mà kêu khóc :

— Trời ơi ! Ai cứu tôi ! Bác sĩ ơi, ông xuống phước cứu giùm tôi, tôi có tội tình gì !

Cả hai nhơn viên nhà thương, một nam một nữ đều quay nhìn nơi khác không đủ can đảm nhìn cảnh tượng thương tâm đó nữa.

— Trời đất quỷ thần ơi ! Tôi tội tình gì mà bị chung thân khổ sai ? Ông ơi, ông biết vậy, sao ông không để tôi đi luôn có phải đỡ khổ cho tôi hay không ? Trời ơi, sao chồng tôi lại tàn nhẫn như vậy !

— Anh ấy có thể không ác lắm, và anh ấy làm thế, có lẽ chỉ vì không biết điểm pháp luật đó mà thôi.

Thình lình kẻ tuyệt vọng vùng ngồi dậy thật lẹ, rồi đứng lên, y thị đập lên mặt bàn của bác sĩ rầm rầm mà rằng :

— Tôi phản đối cái luật này, cái luật bỏ tù khổ sai chung thân kẻ vô tội. Ông thầy thuốc nè, tôi sẽ kiện tới bên Tây.

— Nước nhà độc lập đã lâu rồi, độc lập từ năm chi mới nhuộm bệnh, ông thầy thuốc nói.

— Tôi sẽ kiện tới nước nhà, tôi sẽ kiện nhà thương, tôi sẽ kiện ông.

— Tôi chỉ là một người thừa hành thôi, chứ tôi không hề làm luật.

— Ai làm ra luật, Tây hay ta ?

— Không biết, tôi còn trẻ tuổi lắm. Có lẽ luật này có đã lâu đời do người Pháp để lại. Nhưng chắc các nhà lập pháp của ta sẽ

sửa đổi. Chỉ có họ là có quyền sửa đổi thôi.

— Trời ơi, ngoài đời không có một người nữ công dân là Bùi Thị Phụng, trong nhà thương, không còn con bệnh nào tên Bùi Thị Phụng nữa hết, thành ra tôi không có trên đời này, tôi đã chết rồi, tôi là một cái xác không được chôn.

— Chị nên bình tĩnh. Tôi giải thích mọi việc cho chị rõ để chị nhận giải pháp tạm thời sau đây nó giúp chị đỡ khổ phần nào, chị nên nghe tôi nói tiếp, chớ kêu gào vô ích.

Một lá người, Phụng ngồi phệt xuống chiếc ghế mà cô Huệ đã rời khi nãy, nàng tiếp tục khóc khi ông y sĩ trình bày.

— Ông bác sĩ giám đốc dưỡng đường này đã thỏa thuận với chánh quyền địa phương để gởi các người qua Viện Bác Ái đẳng Hồ Nai...

Phụng tấm tức tấm tử hỏi :

— Viện Bác Ái đó ra làm sao?

— Đó là một nông trại mà các vị linh mục lập ra để giúp những người già cả, bệnh tật có nơi dung thân.

Bác sĩ giám đốc đã xin với bên ấy nuôi các người mặc dầu các

người không già cả, cũng không tàn tật.

Qua bên ấy, các người được hưởng cái lợi này : các người sẽ được nuôi nấng tử tế như ở đây mà hơn thế, các người còn được tiền, vì các người sẽ trồng rau trồng cải và bán mà thu lợi lấy, chớ Viện không lấy bớt đồng nào.

Nếu dưỡng đường có quyền cho chị ra đi nữa, chị cũng không thể sống được. Chị vô gia cư, vô thân quyến, lại mất hẳn thói quen, tài giỏi ngày xưa, bước đầu chị sẽ ra sao.

Ở Viện một ít lâu, chị sẽ có vốn, và khi nào dịp may đến là chị ra đời mà khỏi bỏ ngỡ, khỏi túng thiếu.

Thế nào, chị nhận chớ ?

Thần thức, Phụng đáp :

— Thưa, tôi còn biết làm sao nữa !

— Tốt lắm. Vậy mai này dưỡng đường sẽ đưa chị qua Viện Bác Ái với bảy tám người khác. Người thứ bốn mươi là người may mắn, vào phút chót. được vợ hứa với bệnh viện sẽ nước y về. Y nằm ở đây đã mười lăm năm rồi, ở nhà chắc có những thay đổi trong gia đình

mà người hôn phối của y phải thanh toán khó khăn lắm và may cho y quá là tốt cuộc vợ y cũng sắp xếp được.

Ra khỏi văn phòng bác sĩ, Phụng đi thất thểu như một cái xác không hồn.

Bỗng nàng thấy một con bệnh đàn ông chạy bay đi như bị chó điên rượt và sau lưng y, bảy tám con bệnh khác đuổi theo, miệng la :

— Nó trốn, bắt lấy nó !

Cảnh này diễn ra rất thường trong nhà thương. Có một số con bệnh, tuy loạn trí, vẫn còn một tối thiểu ý thức là phải ở trong vòng bệnh viện, trốn đi là phạm lệ dưỡng đường, và họ tự động bắt người đồng thuyền mà nổi loạn của họ, đỡ tay cho các giám thị không biết bao nhiêu.

Phụng thở dài mà than thầm : « Họ còn điên, nhưng họ hành động đúng. Cái thằng chạy trốn ấy, hẳn về ngoài đời, hẳn sẽ ra sao ? Biết còn ai chịu nhìn nhận hẳn để cho hẳn ăn cơm và mặc áo ? »

Trưa hôm sau, vào khoảng mười giờ sáng, những người

giám thị của dưỡng trí viện Nguyễn Văn Hoài có phận sự hộ tống bốn mươi con bệnh đã lãnh hẳn qua Viện Bác Ái Hồ Nai, trở về với tám người bệnh cũ đi đứng như thường, và một khiêng trên một chiếc băng ca tạm thời, làm bằng áo quần và hai cây nọc, theo lối cứu cấp giữa đường của các hướng đạo sinh.

Giây lát sau, dưỡng trí viện được biết rằng Viện Bác Ái kiểm điểm lại của cải vào phút chót và thấy rằng chỉ nuôi nổi ba mươi miệng ăn thôi, nên trả lại bệnh viện chín người lành sau ba mươi người kia họ đã đợi gia đình hằng năm rồi.

Trong số chín người bị trả lại có Phụng. Trên đường về, nàng đã lao mình vào một chiếc xe du lịch đi Đà-lạt. May quá, xe hăm kíp và chỉ đựng nàng té gãy cẳng thôi.

Phụng không khóc lấy một tiếng. Hy vọng cuối cùng của đời nàng đã tiêu tan rồi thì nàng không còn thiết đến sự sống và đến những cơn đau đớn nữa !

KIM TUẤN

Ấp mới chiều trăng

Ấp mới chiều trăng tiếng hát vang
Từ anh ra lính giữ yên làng
Lúa mùa hoa trở thơm nương cũ
Giọng hát trao tình vui chứa chan

Con bò đồng dưới lên ăn cỏ
Ngắm nghĩ nhìn mây lạc cuối trời
Tiếng mõ khua đều trên xóm mẹ
Chiều chiều un bếp khói lên khơi

Phiên chợ làng bên hợp cuối sông
Thuyền ra Vàm Cỏ chèo xuôi dòng
Mùa này dâu chín thơm hương nắng
Anh ở phương trời anh nhớ không ?

Quê nhà đèn thấp tròn canh vắng
Mẹ đọc thư chiều nay của anh
Kể chuyện biên phòng ngăn giữ giặc
Đồn xa bên rặng núi xây thành

Anh kể Trường Sơn nhớ Hậu giang
Nhớ em anh nhớ cả thôn làng
Nhớ giòng sông cũ chiều trăng cũ
Hai đứa chung đò bến nước ngang.

Kể xưa anh học trường trên xóm
Em tuổi xuân thì tóc chấm vai
Qua bến ngày mưa diu bước nhỏ
Thương nhau dâu kẻ tháng năm dài

Giờ xây Ấp mới chiều trăng đẹp
Chợ hợp bên cầu trên bến sông
Anh ở đồn xa lo giữ giặc
Vàng trưa hương lúa gió thơm đồng

Cho em gửi chút tình thương mến
Chiều tóc còn bay mây trắng bay
Đêm thấp đèn khuya tìm bóng cũ
Nhớ anh em nhớ trọn đêm này.

PHẦN THỨ BA

Phần thứ ba của Văn Hưu số 21 hoàn thành với sự góp nhặt tyn tức và tài liệu trong ngoài nước của các bạn : Hàm Anh — Trần Việt Thanh — Hoàng Lan...

Gió đông... Gió tây...

TRONG NƯỚC

HỌA

6 giờ 30 chiều hôm 21-12 đã khai mạc phòng triển lãm tại Tao Đàn.

Cuộc triển lãm này do Nha Mỹ thuật học vụ tổ chức nhằm mục đích sửa soạn cho cuộc triển lãm quốc tế 1964 và nâng đỡ sự bán tranh cho các họa sĩ.

Tất cả có 400 tác phẩm của 120 họa sĩ thuộc đủ các khuynh hướng, đã tiêu biểu cho nền hội họa hiện thời của Việt Nam.



TRUNG BÀY TRANH TẠI PHÒNG TRIỂN LÃM ĐÔ THÀNH.— «Những nụ cười» là đề tài duy nhất tranh màu nước của Trần Đình Thụy trưng bày từ 3-1 đến 10-1-63 tại phòng Triển lãm Đô Thành. Trần Đình Thụy trưng bày tất cả 50 bức chân dung, diễn tả nhiều nụ cười khác nhau, trong số có chân dung mấy văn nghệ sĩ như Nguyễn Sao, Lê Văn Siêu, Vị Ý, Hiếu Đệ, Tú Duyên, Mỹ Tín. Người ta không tìm được những nét đặc biệt ở các bức chân dung này bởi lẽ không quen thuộc lắm

mấy văn nghệ sĩ trên, thì không sao tìm ra đó là Lê Văn Siêu, hay Nhan Chí v.v...

..

— Duy Thanh là người được cái hân hạnh « khai mạc » cho phòng triển lãm Đô Thành bước sang năm Quý Mão. Ông đã trưng bày từ 11 đến 18-2-63 chín mươi bức tranh sơn dầu đa số là phong cảnh ngoại ô, xóm nghèo, hẻm lao động, sông thuyền, và chân dung. Tài năng của Duy Thanh được biểu lộ ở các bức chân dung, đường nét hòa hợp cùng với màu sắc gây cho người thưởng ngoạn một khoái cảm trầm trâm. Người ta nhận ra dễ dàng mấy chục bức chân dung đều cùng một nhân vật mẫu, màu bức nào cũng linh động, cũng rất sống, như trong tác phẩm có cả tâm hồn của tác giả.

Nếu những « nụ cười » của Trần Đình Thụy không lượm hái được bao nhiêu về tài chánh, thì Duy Thanh ngày đầu năm đã gặp được nhiều may mắn, ở chỗ suốt trong

thời gian trưng bày đã thu hút được số lớn người thăm mỹ, và tương đối số tranh bán cũng được nhiều.

..

— Hai nữ họa sĩ Mỹ Dick L. Tchiu và Dracknick's đã trưng bày từ hôm 1-3-63 tất cả năm mươi bức tranh sơn dầu, trong số cũng có vài bức bằng màu nước.

..

TRIỂN LÃM ẤN HỌA.— Từ sáng ngày 2-2-63 tại Câu lạc bộ báo chí 15 Lê Lợi, đã có cuộc triển lãm những bản khắc của nhà danh họa Ý Đại Lợi thế kỷ 19 Giovanni Fattori (1825-1908).

Fattori là một họa sĩ không đi theo đường lối cơ thể học, và ưa tìm nguồn cảm hứng ở cuộc sống tầm thường hàng ngày, ông cũng nổi tiếng là một họa sĩ chuyên vẽ chân dung, nếp sinh hoạt quân đội, và đồng thời lại là một điêu khắc gia mang nhiều tính cách độc đáo.

..

THẺ THỨC TRƯNG BÀY Ở PHÒNG TRIỂN LÃM ĐÔ THÀNH. — Sau cuộc Triển lãm Mùa Xuân Quý Mão, những thẻ lệ sau đây sẽ được áp dụng cho những họa sĩ muốn xữ dụng phòng triển lãm.

— Một ủy ban gồm có họa sĩ Văn Đen, Thái Tuấn và một nhân viên của Văn Hóa Vụ sẽ đảm nhiệm việc xem tranh và xét đơn xin trưng bày của họa sĩ.

— Do số họa sĩ xin mượn phòng trưng bày ngày một gia tăng nên có thể áp dụng cách dành cho hai ba họa sĩ cùng triển lãm một lúc.

..

TRIỂN LÃM HÌNH ẢNH VIỆT NAM TẠI CÁC NƯỚC BẠN. — Với sự cộng tác của một nhóm nhiếp ảnh gia, Văn Hóa Vụ, kể từ tháng 2-63 có tổ chức những cuộc triển lãm lưu động tại các nước bạn về « Hình ảnh Việt Nam ». Có tất cả 360 bức ảnh cỡ 30x40 tuyệt đẹp. Chụp các thắng cảnh và mọi nếp sống của người dân Việt Nam, chia ra làm ba lô, gửi cùng lúc đi ba khu vực :

Các quốc gia ở Âu châu và Bắc Phi.

Nam Mỹ và Bắc Mỹ.

Úc và Á châu.

Như thế cuộc triển lãm sẽ kéo dài trong nhiều tháng, hầu giới thiệu với dân chúng các nước bạn những cảnh đẹp và nếp sống của Việt Nam Cộng Hòa.

..

TRIỂN LÃM VỀ KINH THÀNH BA LÊ. — Từ 30-1 đến 9-2-63, tại phòng triển lãm Đô Thành có cuộc trưng bày về kinh thành Ba Lê qua nghệ thuật, văn học và điện ảnh, do Trung tâm Văn hóa Pháp quốc tổ chức.

Những bản đồ, những ảnh, tranh về phong cảnh, lâu đài, nhà thờ, kiến trúc tối tân, quán rượu, bảo tàng viện, đại học đường... trình bày cho người xem mọi khía cạnh sinh hoạt của « thành phố ánh sáng ». Thêm vào đó người ta còn được thưởng ngoạn những tác phẩm — bản sao — của các danh họa Manet, Bonnard, Picasso, Buffet, Renoir, Lautrec Ruffet v.v...

..

TRANH CỒ TRUNG HOA.

— Hôm 19-12, tại số 13 đường Huỳnh Thúc Kháng Huế đã khai mạc cuộc triển lãm tranh cồ Trung Hoa.

Có chừng hai trăm bức tranh mà đề tài là chân dung, phong cảnh, ảnh, tượng từ đời Khang Hi, Càn Long, Mãn Thanh, Minh Triều, qua nghệ thuật sáng tác của các danh họa Cao Ký Phong, Trúc Quân, Vương Vĩnh Khương, Hà Sơ Lắm.

..

TRIỂN LÃM NHIẾP ẢNH.—

Do Hội Nhiếp ảnh Việt Nam tổ chức đã khai mạc chiều 20-2, tại gian phòng đường Tự Do.

Dưới đây là nhiếp ảnh gia đã đoạt giải :

Giải đặc biệt là con Sò bằng vàng của hãng Shell về ông Phạm Văn Mùi, với bức « Tâm tư ». Rồi đến loại A. ảnh đen trắng.

Giải nhất về ông Phạm Công Thắng với bức « Thịnh Nộ ».

Giải nhì về bức ảnh « Động Tĩnh » của ông Nguyễn Bá Hậu.

Giải ba về bức ảnh « Bước đều » của ông Nguyễn Ngọc Hạnh.

Giải tư về bức ảnh « Đói » của ông Nguyễn Duy Đức.

*Loại B, ảnh đen trắng
cỡ 18×24.*

Giải nhất : bức ảnh « Buồn trời mưa » của ông Phạm Văn Luận.

Giải nhì : bức ảnh « Mẹ Con » của ông Trần Ngọc Hiệp.

Giải ba : bức ảnh « Cầu nguyện » của ông Trần Đình Vương.

Giải tư : bức ảnh « Lao động » của Đặng Hữu Tích.

Loại C, phim màu dương bản

Giải nhất : bức ảnh « Cắm trại » của cô Vũ Ngọc Diệp, học sinh trường Trưng Vương.

Giải nhì : bức ảnh « Cô gái Việt » của ông Đỗ Cương.

..

TÌM THẤY MỘ CỔ CỦA MỘT VỊ QUAN VĂN TRIỀU NGUYỄN. — Vừa rồi, trong khi cải táng để di đi nơi khác nhiều ngôi mộ cổ, người ta đã tìm thấy tại xạ trường Bình Thới (ngoại thành Saigon) một ngôi mộ xây bằng ô dước hình bầu dục, chung quanh có tường hình chữ nhật, bốn góc có đắp trụ, đằng sau có bình phong, nhưng bia phía trước đã mất.

Sau khi gỡ hai lần quan quách và mở nắp áo quan ra, người ta được biết là mộ một vị quan văn triều Nguyễn, vì bộ phận phục tương đối ít bị hư mục, vải áo còn có những phần có thể cầm lên và xé ra được. Bộ cánh chuồn tròn (quan văn) còn cả thân mũ làm bằng cước đuôi ngựa đính những mảnh vàng pha thau chạm trổ rồng và hoa lá, bên trong còn cả một cái lược sừng gài trên búi tóc và mạng lưới chùm giữ bộ tóc.

Ở đai thu lượm được đủ 18 miếng gỗ bọc vàng và đồi mồi hình chữ nhật và lá sồi. Ngoài ra, còn có một cái kiến

trắng gồm 2 mắt tròn và những bộ khuy (nút) áo bằng đồng.

Theo lời tương truyền thì đây là mộ vị quan mất vào năm 1863, tính ra tới nay vừa đúng một thế kỷ.

Tuy nhiên, xét rằng áo mào chưa hư mục, thì thể chưa tiêu hết, thời gian nói trên thật đáng nghi ngờ.

Bia ký không còn, nên danh hiệu của vị quan đó không rõ, duy về chức tước, người ta có thể căn cứ vào kiểu đai mũ và cho rằng đây là một vị quan văn phẩm trật khá cao.

.*

PHÒNG TRIỀN LÂM PHÁP VĂN ĐỒNG MINH HỘI. —

Về cuối năm, nhiều họa sĩ đồ xô sang bày tranh ở gian phòng của Pháp văn đồng minh hội trên lầu hai Nguyễn Huệ. Nơi đây, mỗi họa sĩ muốn trưng bày tranh đều phải trả tiền thuê, và chịu nhiều phí tổn khác — tiệc rượu, hoa trang trí, điện — tất cả chừng bốn năm ngàn.

Chiều 22-12 đã khai mạc phòng triển lãm của Lê Minh. Chừng sáu mươi bức tranh sơn dầu lớn nhỏ vẽ phong cảnh sông nước, các miền quê tĩnh vật, lần này Lê Minh đã có nhiều tiến bộ về kỹ thuật, đó là kết quả của sự cần cù làm việc và học hỏi. Ông không như nhiều bạn đồng nghiệp trẻ khác, nghiêng quá nhiều về trừu tượng, vẫn giữ đường lối cổ điển và màu sắc dân tộc, nên mỗi lần triển lãm, tranh ông vẫn được nhiều người mua và thưởng ngoạn.

— Sau Lê Minh liên tiếp đến cuộc triển lãm của Thanh Nhân bày chung với Lạc Minh, rồi đến Lương Văn Tỷ.

Mấy họa sĩ này không có gì thay đổi khác hơn mấy lần trưng bày trước. Sự gặt hái về vật chất ít ỏi quá, nên đã bị thất bại khá nặng.

— Sát Tết, sau cuộc thất bại của Lương Văn Tỷ, lại tiếp ngay đến cuộc trưng bày họa phẩm của Vũ Nhan. Hầu hết tranh của Vũ Nhan đều vẽ bằng màu nước. Số phận của Vũ Nhan cũng không

hơn gì mấy bạn đồng nghiệp nói trên, có lẽ bởi vì địa điểm bày tranh bất lợi, và lại nhằm vào những ngày gần Tết và ngày sau Tết, giữa lúc mọi người đang bận rộn nghỉ đến những công việc sắm sửa khác.

— Trong khi ấy, thì Bé Ky cũng trưng bày tác phẩm ở từng dưới khách sạn Catinat. Tranh của Bé Ký gồm toàn hoạt họa vẽ bằng chì hay mực tàu mô tả sinh hoạt của giới cần lao, chị hàng rong, anh hớt tóc, bác phu xa đang ra sức kéo một xe nặng nề... Nét bút linh hoạt, diễn tả nếp sống lao động như một thiên phóng sự ngắn.

Không có một căn bản vững, không được huấn luyện học hỏi, nên Bé Ký tuy có chút thiên phú về hội họa, mà cũng không thể tiến xa hơn được.

NHẠC

— Tối 5-1. Việt Nam nhạc hội đã trình diễn tại giảng đường Học Viện Quốc gia Hành chánh một chương hòa nhạc cổ điển.

Ông bà Nguyễn Văn Huân xử dụng vĩ cầm, ông Otto Soellner đệm dương cầm, và ông Robert Hofmeckler hồ cầm đã lần lượt trình bày các tác phẩm của Bach, Vivaldi, Haydn.

..

— Ban nhạc thính phòng « Munchner Nonett » Đức quốc đã ra mắt đồng bào Thủ đô lần đầu tiên tối thứ tư 16-1 tại rạp Eden. Ban nhạc này gồm nhiều nhạc sĩ phong cầm của đài phát

thanh Bavière và vài nhạc sĩ độc tấu trong ban nhạc thính phòng tiểu bang Bavière. Từ ngày thành lập, đã được hai năm, ban nhạc « Nonett » đã trình diễn nhiều nơi trên thế giới, nhất là với bản Septuor. N° 20 của Beethoven.

Phần đầu chương trình buổi hòa nhạc ở Eden là những bản Concerto en Si bémol của Wilhelm de Fesch « Capriccio » của Hérald Genzmer « Quartuor en Fa « majeure » của Mozart, và bốn vũ khúc của Verner ; phần sau là bản « Septuor en Mi bémol majeur » của Beethoven.

NGOÀI NƯỚC

DIỄN THUYẾT

— Ông Henri Thomas hôm 5-1. tại khách sạn Caravelle đã trình bày về mục đích và hoạt động của cơ quan Viện trợ và văn hóa Á Châu. Diễn giả hiện là đại diện cơ quan

Viện trợ Văn hóa Á Châu (Asia Foundation) tại Việt Nam. Cơ quan này hiện hoạt động tại 15 quốc gia châu Á, từ Á Phú Hãn, đến Đại Hàn, đã giúp các cá nhân cũng như các tổ chức mọi phương tiện tùy theo nhu cầu, như

cung cấp học bổng, bảo trợ các cuộc du hành quan sát, cung cấp tài liệu giáo dục, khảo cứu v.v...

Tại Việt Nam, cơ quan hoạt động từ năm 1956, cũng đã giúp đỡ nhiều tổ chức và tư nhân. Hiện nay cơ quan này ở đây hoạt động nhằm phát triển nông thôn và Ấp chiến lược.

..

— Sáng 9-12 ông Fernaud Perrel giám đốc sáng lập phòng thư ký Xã hội đã diễn thuyết tại trường Quốc gia Âm nhạc về đề tài: « Một biến cố có tầm quan trọng trên toàn thế giới: Đại cộng đồng Vatican II cùng những khía cạnh của biến cố này về phương diện xã hội học ».

Diễn giả đã định nghĩa rõ ràng Đại cộng đồng Vatican II và trình bày những mục đích của Đại cộng đồng. Sau đó ông chứng minh rằng Đại cộng đồng không những chỉ liên quan đến những người công giáo, mà còn liên quan đến tất cả mọi người theo

các tôn giáo khác hay không theo đạo nào cả.

..

— Tại Hí viện Viễn Trường ở Mỹ Tho, sáng hôm 23-12, Vương Hồng Sển đã nói chuyện về: « Nghệ thuật hát bộ ».

Diễn giả lần lượt trình bày đề tài qua ba phần:

— Nguồn gốc hát bộ.

— Hát bộ theo lối nòi niêu là gì.

— Hát bộ theo lối pha phách là gì.

Để làm sáng tỏ cho đề tài, Cô Năm Sa Đéc và Cô Ba Út đã trình diễn qua những lối hát: Xuân, Thán, Ai, Tầu mã.

Cuối cùng, diễn giả cho biết nghệ thuật hát bộ hiện có được phát triển và chấn hưng hay không là do sự suy luận và mền chuộng của đồng bào trong nước.

..

— Tại trường Quốc gia Âm nhạc, ông Phạm Việt Tuyền

sau khi viếng thăm nước Mỹ, đã nói về: « Hoa Kỳ thoáng qua mắt của một người Việt ».

Diễn giả kể lại những nhận xét sau khi đã dừng chân ở hai mươi thành phố lớn, nhỏ, cũ mới, kỹ nghệ nông nghiệp, chính trị.

Ông cho rằng Hoa Kỳ là một xã hội có tổ chức không quá lý thuyết và máy móc, thực tế và linh động, dù ở trong đời sống kinh tế hay văn hóa giữa những người lớn cũng như giữa những học sinh. Ông ca ngợi sự tổ chức hùng mạnh của Hoa Kỳ, trong thực tế người Hoa Kỳ là những người dân chủ với lịch sử. Họ là những người rất ham mê làm việc, và lại là những con người có mặc cảm rất bèn nhậy, khiến họ tự cho mình một số trách nhiệm đối với dân tộc khác.



— « *Tại sao tôi chọn ngành khảo cổ và nhân chủng học* » đó là đầu đề câu chuyện của ông Nghiêm Thẩm tại trường Quốc gia Âm nhạc hôm 6-1, do Tinh Việt văn đoàn tổ chức.

Trước hết, ông cho biết vì

những lý do nào, đã đưa ông vào ngành khảo cổ và nhân chủng. Tiếp đó ông trình bày về những tìm tòi, những khó khăn và vui buồn mà ông đã vấp phải trong công cuộc khảo cứu và học hỏi. Ông nói đến sự liên hệ giữa hai môn khảo cổ và nhân chủng sự ích lợi của hai môn học này, với nhân loại và quốc gia.

Kết luận, ông khuyến khích các thanh niên nên chú ý đến hai ngành học này để hiểu biết và phát triển nền văn minh của dân tộc.



— « Một vài quan điểm trong vấn đề trao đổi văn hóa giữa Nhật Bản và Việt Nam ». Đó là đầu đề câu chuyện của ông Đoàn Văn An tại trụ sở Tổng Hội giáo giới đường Thống Nhất ngày 13-1-63.

Mở đầu, ông trình bày cảnh người trên thế giới ngày nay được dịp tiếp xúc với nhau nhiều, cuộc sống còn bắt con người phải gặp nhau, phải bàn cãi mà những hệ thống giao thông tiến bộ của thời nguyên tử đã giúp thêm đắc lực cho người trong bốn bề như chung một nhà.

Biên giới của quốc gia không còn là những vụn lý tưởng thành nĩa, vì thế mà tìm những chỗ giống nhau, khác nhau để hiểu nhau thêm, để xóa bỏ hiểu lầm, là điều tối cần cho tất cả dân tộc nhất là về mặt văn hóa.

Hai dân tộc Nhật Việt vốn gần nhau về mặt địa lý, lại chịu chung một truyền thống văn hóa, thì tình thân thiện sẽ chặt chẽ thêm nếu hai bên đều xúc tiến việc trao đổi văn hóa, do đó khiến cho hai dân tộc đóng góp một phần rất xứng đáng trong việc xây dựng, phát triển « một nền Văn hóa Á châu » và đóng góp vào sự toàn thịnh của thế giới.

Rồi diễn giả nêu ra những nhận xét về những điểm giống nhau của hai dân tộc về phương diện địa dư, nhân chủng và văn hóa.

Theo ông, giữa hai dân tộc Nhật — Việt cho đến nay vẫn ít có sự trao đổi văn hóa nên có những hiểu lầm đáng tiếc.

Ta cho rằng người Nhật hiếu chiến, và ưa khoái lạc vật chất, song thực ra bây giờ lại chán ghét chiến tranh, và rất ham làm việc.

Kết luận ông cho rằng nước ta đất rộng, người thưa, nước Nhật đất hẹp dân đông, nên hai quốc gia lập nên hiệp thương với nhau thì là điều lợi cho cả hai bên.

..

— « Những vấn đề thiết kế đô thị quan trọng tại Ba Lê » là đầu đề câu chuyện của ông Lê Văn Lắm, người chiếm giải nhất của « Hội những nhà thiết kế đô thị Pháp ».

Ông nhắc lại lịch sử thành phố Ba Lê từ năm 53 trước Tây lịch cho đến ngày nay. Rồi ông đề cập đến những vấn đề thiết kế đô thị do sự tăng gia sinh sản nhanh chóng, phát triển về giao thông nạn khan hiếm nhà cửa, sự phát triển về giao thông...

Diễn giả phân tích những giải pháp hiện đang, hoặc có thể được áp dụng để đối phó với những vấn đề kể trên và đem so sánh những vấn đề của Ba Lê với Saigon.

Sau cuộc diễn thuyết có chiếu cuốn phim « Xuân ở Ba Lê ».

..

NHỮNG GIẢI THƯỞNG VĂN CHƯƠNG NĂM 1962.

— Giải « Grand prix du roman » của Viện Hàn Lâm đã về tay Michel Mohrt với cuốn « *La prison maritime* ».

Mười bốn trong số 27 ông Hàn có mặt đã bỏ phiếu tặng giải thưởng cho M. Mohrt. Ông là một tiểu thuyết gia, kiêm phê bình, đã từng làm giáo sư nhiều năm ở Mỹ. Những tác phẩm chính của ông là: *Le Répit*, *Mon royaume pour un cheval*, *Les nomades*, *Le serviteur fidèle*.

— Giải « Grand prix national des lettres » đã trao tặng cho văn hào Pierre Jean Jouve. Những tác phẩm chính của ông: *La scène capitale*, *Avenue de Catherine*, *Crachat*, *Histoires sanglantes*, *En miroir* v.v...

— Giải Goncourt lại lọt vào tay một nữ sĩ người Ba Lan tên Anna Langfus với « *Les bagages de sable* ». Bà nhà văn đã bị loại trước bà Langfus: Jean Montaurier, André Huré và Henri François Rey. Ở vòng bỏ thăm thứ ba, bà Langfus được 6 phiếu chống với 2 phiếu của

H. F. Rey (*Les pianos mécaniques*) một cho André Huré *Les deux Moniales*.

Trả lời cho một cuộc phỏng vấn của báo « Figaro », nhà nữ sĩ đoạt giải văn chương Goncourt đã nói: « Tôi viết văn từ thuở còn nhỏ tuổi bằng tiếng mẹ đẻ Ba Lan, và bây giờ thì viết Pháp văn. Truyện, tôi tưởng chỉ đủ cho ta giải trí vài giờ. Truyện của tôi viết không vui, mà tôi hiểu rằng viết là để giải trí cho người khác, song mỗi người theo tôi, là tù hãm cho cuộc đời mình ».

— Giải Renaudot cũng lại một phụ nữ đoạt giải bằng một cuộc chiến đấu khá chật vật. Đến mãi lần bỏ thăm thứ 13, cuốn « *Le veilleur de nuit* » của Simone Jacquemard được 5 phiếu, chống với cuốn « *Carte du temps* » của José Cabanis được 4 phiếu.

S. Jacquemard là một nữ sĩ sáng tác cũng khá nhiều, cuốn *Les Fascines* là tác phẩm đầu tay, xuất bản hồi 1954, rồi tiếp đó, *Les enfants de la grâce*, *L'invitation au silence*, *La leçon des ténèbres*, *Le sable* v.v...

— Một phụ nữ khác cũng chiếm giải văn chương « Grand Prix Vérité 1962 » là bà Victoire Cosnelle với tập bản thảo « Dame et sa fille cherchent emploi ». Ban giám khảo của giải văn chương này gồm có các văn hào : Georges Duhamel, André Chamson, Claude Bellanger, M. Blancpain, L. M. Chauffier, H. Petit v.v...

..

THI SĨ MỸ ROBERT FROST QUA ĐỜI. — Thi sĩ nổi danh R. Frost vừa tạ thế ngày 28-1-63 tại Boston hưởng thọ 88 tuổi.

Thi phẩm đầu tay của ông xuất bản năm 1912, nhan đề : « The Boy's Will », rồi đến tập North of Boston. Năm 1916 ông lại cho in cuốn Mountain interval, năm 1928, cuốn West Running Book, The Long Lone Striker. Năm 1942 cuốn A Witness Tree, năm 1947 cuốn Steeple Bush.

Ông đã bốn lần chiếm giải Pulitzer về thơ, và năm 1963 đoạt giải Bollingen, với lời khen tặng « một đại văn hào danh tiếng nhất sinh thời ».

Ông đã được mời sang Nga để ngâm thơ của ông. Thượng nghị viện Mỹ, và Tổng Thống Eisenhower đã tuyên dương công trạng ông.

..

GIẢI VĂN CHƯƠNG THÀNH PHỐ BA LÊ. — (Grand prix littéraire de la ville de Paris) về tay Henri Perruchot ở vòng bỏ phiếu thứ ba trước sự lùi bước của nhà văn Jean Grenier. Giải thưởng này tặng chung cho tất cả tác phẩm của Perruchot chuyên viết về đời của các danh họa : Van Gogh, Cézanne, Manet, Lautrec, Gauguin ông vừa viết xong cuốn « L'Art moderne à travers le monde » và đang viết về Renoir, ông sẽ tiếp tục viết về Delacroix, Picasso...

..

J. KESSEL VÀ J. PAULHAN VÀO HÀNG BẮT TỬ. — Viện Hàn Lâm Pháp đã bắt đầu theo đuổi công cuộc canh tân, khi mời vào hàng « bắt tử » những nhà văn Marcel Pagnol, Achard và René

Clair. Và mới đây lại đến lượt Joseph Kessel được bàn ngay ở vòng đầu với 14 phiếu chống với 10 phiếu của nhà văn Brion.

Ông Hàn André Chamson sẽ được cử ra đọc diễn văn tiếp đón văn sĩ J. Kessel vào hàng bất tử.

Joseph Kessel sinh năm 1898 ở Argentine, mà cha mẹ là người Nga. Thuở nhỏ ông học ở trường Nga ở Orenbourg rồi sau sang Pháp, đỗ cử nhân văn chương. Năm 1916, được 18 tuổi, ông xung vào quân đội. Tác phẩm đầu tiên của ông « La Steppe rouge » đã thu lượm ngay được những kết quả tốt đẹp, rồi đến cuốn « L'Équipage » cũng thế. Tiếp đó là những thiên phóng sự, những cuốn tiểu thuyết có giá trị ra đời. Đó là những cuốn Les Bataillons du ciel, Terre de feu, Les Amants du Sage.

Năm 1927 ông đoạt giải văn chương Grand Prix du roman, năm 1958, Prix des Ambassadeurs, năm 1959 Prix Rainier III.

— Hai nhà văn đã ra tranh chiếc ghế bỏ trống của Pierre

Benoit : Jean Paulhan và De Gastries.

J. Paulhan đã đắc thắng vòng đầu bằng 17 phiếu chống 10 phiếu cho Gastries. Các ông hàn J. Cocteau, R. Clair, P. Gaxotte, M. Garçon, J. Guéhenno, Maurial, Mau-rois, Pasteur, H. Troyat...

..

TÁC PHẨM CỦA J. P. SARTRE RA TRƯỚC PHÁP LUẬT. — Tòa án ở Hy Lạp vừa xử một vụ án khá lạ kỳ. Nhà văn Otanos Argyropoulos và hai nhà xuất bản Pierre Spitos Dimitrakos đã bị kết án khá nặng về tội đã dịch và cho xuất bản cuốn « Le mur » của văn sĩ Pháp J. Paul Sartre lấy cớ rằng họ đã phạm vào thuần phong mỹ tục của Hy Lạp. Người dịch và nhà xuất bản đều lãnh ba tháng rưỡi tù ở và ba vạn năm ngàn bạc phạt bồi thường.

..

4.500 MỸ KIM MỘT BỨC PICASSO GIÁ MẠO. — Một cuộc bán đấu giá tranh ở Munich (Đức) mới đây đã làm

sôi nổi dư luận giới thẩm mỹ quốc tế. Một bức họa «Faune» dưới ký Pablo Picasso vẽ bằng chì màu đã bán với giá 4.500 Mỹ kim. Trước khi đưa ra bán, những nhà chuyên môn đã đưa bức tranh (khổ 49×50) ra xem xét lại lần cuối cùng. Sau một hồi lâu, người ta nhận được ra rằng đó là một bức họa mạo Picasso. Cũng trong cuộc bán đấu giá ấy, người ta lại khám phá ra được một bức họa vẽ chì dưới tên ký nhà danh họa nổi danh của Đức Emil Nolde là giả.

Tòa án Munich, ngoài hai vụ trên, đã phải đưa ra xử vụ một giám đốc viện bảo tàng, kiêm nghề buôn bán đồ cổ, đã lợi dụng chức nghiệp mình để bán những bức tranh giả hiệu mang tên ký Van Gogh, Rembrandt, Renoit, Spitzweg với giá 500.000 Mỹ kim.

..

TRIỂN LÃM SÁCH BÁO KHOA HỌC. — Từ 23-3-1963, tại Ba Lê sẽ có cuộc triển lãm quốc tế đầu tiên về sách báo khoa học và kỹ thuật.

Sáng kiến này, từ lâu vẫn là niềm ao ước của những nhà xuất bản Pháp. Sau khi thông báo, sáng kiến đó đã được mọi người hoan nghênh nhiệt liệt, và đã được rất nhiều nhà xuất bản thế giới nhận lời tham dự.

Nhiều cuộc thương nghị sẽ được tổ chức với sự hợp tác của Sodexport trong thời gian của cuộc triển lãm nhằm tạo cơ hội cho các nhà xuất bản và chủ hiệu sách, trao đổi cùng nhau về những vấn đề hiện đại thuộc công việc xuất bản và phát hành sách khoa học và kỹ thuật trên thế giới. Ngoài ra nhiều cuộc hội thảo sẽ được trù liệu cho các giáo sư, kỹ sư cùng chuyên viên tới dự cuộc triển lãm.

..

— Tác giả kiêm họa sĩ tên Niel Jones, 14 tuổi, là nhân vật chính trong cuộc triển lãm « Sách Trẻ Con » vừa mới được Hội Các Nhà Xuất Bản (Publishers' Association) và Liên Đoàn Sách Quốc Gia (National Book League) tổ chức tại phòng triển lãm

thuộc Hội Nghệ Sĩ Hoàng Gia Anh. (Royal Society of Bristish Artists).

Một bức ảnh phóng đại của Niel đang tươi cười được treo giữa những tập sách của tác giả nhan đề là: «The Voyages of the Limping Flamingo» (Xin tạm dịch là «Những Chuyến Du Lịch của Con Hồng Hạc Thọt») tại gian hàng của Nhà Xuất Bản Quốc Tế «Harrap và Công Ty Hữu Hạn».

Lúc mới lên 11, Niel đã bắt đầu viết những chuyện có hình ảnh phụ họa về cả một đám nhân vật vừa hài hước vừa béo ị tên «Poggies». Niel tả chúng trong những cuộc phiêu lưu kỳ thú rất buồn cười ngoài biển cả.

Sau đó Niel mới viết một cuốn sách cho những nhân vật trên đóng vai chính, và làm những đồ chơi phồng theo những nhân vật ấy như cái Poggyscope.

Niel được các hãng vô tuyến truyền hình phỏng vấn và có diễn thuyết tại cuộc triển lãm nói trên.



MỘT CUỐN TIỂU THUYẾT NHẬT BẢN CHẠY NHẤT NĂM 1962. — «Trở về quê hương» đó là nhan đề một cuốn sách mới xuất bản của nhà văn Nhật Jiro Osaragi, nguyên đã đăng trên một nhật báo ở Đông Kinh, và bán được hàng triệu cuốn trong một thời gian kỷ lục. Cuốn sách cũng được dịch ra nhiều thứ tiếng, và được độc giả ngoại quốc tìm đọc. Nội dung tác phẩm có thể tóm tắt như sau: Hồi thế chiến thứ hai, một người Nhật bí mật ẩn núp trong gia đình một người Trung Hoa ở Mã Lai. Đó là một võ quan thủy quân tên Kyogo Moriga vì một chuyện lời thôi xảy ra trong sông bạc, mà buộc phải lìa vợ, con chạy ra ngoài nước. Chàng lại gian dú với một thiếu nữ Nhật tên Seako, rồi cuộc cũng chẳng tốt đẹp gì. Rồi sau đó chàng bị giam giữ bởi Hiến binh Nhật. Chờ mãi cho đến chiến tranh kết liễu, chàng mới được thả ra, và chỉ còn một ước vọng là trở về quê hương.

Người đầu tiên chàng được gặp ở đất tổ lại là nàng Seako, và sau đó là đứa con gái

chàng, lúc ấy đã trưởng thành. Saeko hối hận, muốn đền đáp lại với chàng bằng một mối tình chân thật. Cuộc tái ngộ giữa hai cha con là đoạn tả đẹp nhất, cảm động nhất của cuốn sách. Song Kyogo, một lần nữa lại buộc lòng lìa quê hương, cô đơn trên quãng đường đời vô tận nơi đất lạ.

Cuốn sách đã nhắc lại giai đoạn lịch sử của một dân tộc, sự rối loạn của tất cả tâm hồn sau khi thất trận, và sự chia lìa giữa hai thế hệ cũ và mới. Nước Nhật cũ xưa đã mất đi, trước khi tìm được sự thăng bằng của nếp sống mới.

Cuốn sách này hiện đã dịch ra bản chữ Pháp do nhà A. Michel xuất bản với nhan đề « Retour au Pays ».



THI PHIM ẢNH QUỐC TẾ Ở ĐÔNG KINH.— Bảy mươi ba tác phẩm của 14 nước đã tham dự cuộc thi phim ảnh tài tử quốc tế kỳ ba tổ chức ở Đông Kinh.

Cuốn phim ngắn của Pháp do Pierre Robin thực hiện đã chiếm giải nhất nhan đề « Héliotecnic ».

Và dưới đây là những phim khác được giải thưởng:

— Phim Y Pha Nho « La Espera » của Pedro Marcet, phim Nhật Bản « Run » của Norimoto Takeshima, phim Gia Nã Đại « Floral Capers » của Jack Ruddel, phim Ý Đại Lợi « Du Soldi di Gesso » của Reggero d'Amado, phim Nhật Bản « From Greens to fire » của Ivao Kawai, phim Hoa Kỳ « Sylvan Sketches » của Ernst Wildi, phim Gia Nã Đại « Blue Mountain » và « Magic » của F. Fitzgerald.



GIẢI ĐIỆN ẢNH « NGÔI SAO PHÁ LÊ ».— Giải này do Viện Hàn Lâm điện ảnh Pháp tổ chức, vừa trao tặng cho những diễn viên và tác giả sau đây :

— Jeanne Moreau được giải thưởng về diễn xuất trong « Jules et Jim ».

— Albert Firney, giải thưởng diễn xuất dành cho tài tử ngoại quốc xuất sắc.

— François Truffaut với phim « Jules et Jim ».

— Luis Bunvel, về đạo diễn.

— Alain Delon và Lucyna Winnicka.

Giải thưởng « Grand Prix du Cinéma Français » được trao cho phim « Jusqu'au bout du Monde » của François Villiers.

..

ĐẠI HỘI ĐIỆN ẢNH TẠI HOA KỲ. — Trong tuần vừa qua, nhà nhập cảng phim ảnh Joseph Branton ở Nữ Uớc đã tổ chức một « Đại Hội Điện Ảnh Nhật Bản » tại Mỹ quốc, để giới thiệu một số phim ảnh của các nhà đạo diễn « đột sống mới » Nhật Bản.

Joseph Branton cho biết ông sẽ cho trình bày 7 phim

lần lượt tại các đô thị lớn của Hoa Kỳ như : Nữ Uớc, Hoa thịnh Đốn, Cựu Kim Sơn, Los Angels, Denver, Chicago, Scattle, Dallas và Philadelphia.

..

« OSCAR 63 » SẼ VỀ TAY AI ? — Được biết ngay từ bây giờ ở Hồ-lý-Út, người ta đã bàn ra tán vào về giải Oscar năm 1963 sẽ về tay ai ?

Có người đã lấy đó làm « tiêu chuẩn » để đánh cá với nhau. Người thì phỏng đoán cho rằng Shirley Mc Laine sẽ chiếm giải nhất với phim « Deux sur la Balançoire », có kẻ lại cho rằng Peter O'Toole sẽ giật giải với phim « Lawrence of Arabie ».

Sự thật ra sao, riêng phần chúng ta hãy chờ xem sao ?

HÀM ANH

ĐÃ PHÁT HÀNH :

VĂN HÓA NGUYỆT SAN SỐ 77



- ▶ Nội dung phong phú
- ▶ Dầy 175 trang
- ▶ Giá 12 đồng

<https://tieulun.hopto.org>

TÀI LIỆU

TRẦN VIỆT THANH

Ảnh hưởng của tầm vóc đối với đời sống cơ thể của loài chim

GIÁO sư Léon Binet, sau khi quan sát nghiên cứu các loài chim nhỏ sống chung quanh ta như chim sẻ, chim manh manh chim sâu, chim bạc má, chim khuyên, sau khi đối chiếu với sự quan sát và nghiên cứu của các nhà khoa học khác, đã ghi lại nhiều nhận xét rất xác thực và hữu ích về ảnh hưởng của tầm vóc đối với đời sống cơ thể của các loài chim, nhất là loài chim nhỏ.

Giáo sư đi từ khái niệm thông thường « Đối với sinh vật máu nóng (homéotherme), loại có thân hình nhỏ phi tán nhiệt lượng tương đối nhiều hơn loại có thân hình lớn » để đến những nhận xét sau đây :

Thường thường những con chim nhỏ có rất nhiều lông. Tỷ số lông đối với trọng lượng cơ thể của chim nhỏ, thường là một tỷ số cao. Lông chim nhiều, thân hình được phủ kín, sự phi tán nhiệt lượng của cơ thể do đó được giảm bớt. Nếu tính tỷ lệ số lông với trọng lượng cơ thể của chim nhỏ, ta sẽ có những con số :

1 gam cơ thể của chim sâu có 335 chiếc lông.

1 gam cơ thể của chim ngói có 17 chiếc lông và 1 gam cơ thể của bạch nga có 4 chiếc lông.

Sự hô hấp của loài chim nhỏ là một hiện tượng đặc biệt. Giáo sư Léon Binet cũng nhận thấy rằng chim nhỏ thở mạnh và nhanh hơn chim lớn. Đã lâu rồi, Charles Richet đã ghi lại bản nhận xét sau đây, phù hợp với sự nghiên cứu của Binet.

Loại Chim	Trọng lượng bằng kí-lô	Số lượng hô hấp 1 phút
Đà điểu	50	2
Đường Nga	8	4
Chim Ưng	8	6
Gà trống	2	12
Vịt	1	18
Bồ câu	0,300	30
Chim sẻ	0,020	100

Như vậy, trong một phút con Đà điểu hô hấp 2 lần, con Gà trống 12 lần và Chim sẻ thở 100 lần.

Theo giáo sư Binet, khái niệm quan trọng về phương diện thực tế đã biến con chim nhỏ thành một phản-ứng-thể về khoa động vật học (réactif toxicologique). Nói một cách khác người ta có thể dùng con chim nhỏ, càng nhỏ càng tốt, như một chất hóa học để phát kiến sự hiện hữu của một chất độc trong không khí. Để biện minh cho điều trên đây, giáo sư Binet có đặt cho ta xem một cuộc thí nghiệm trong cuốn sách nhan đề « Les Poissons de l'air » (những con cá trên không) của N. Grehant, xuất bản cách đây 60 năm. Đoạn sách nói : « Người ta trộn thán khí (oxyde de carbone) và không khí theo tỷ lệ một phần trăm (1%). Hồi 3 giờ 8 phút người ta cho chất khí hỗn hợp đó qua một bình thủy tinh trong đó có nhốt một con chim sẻ. Đến 3 giờ 12 phút, con chim sẻ chết. Hồi 3 giờ 9 phút, một con thỏ bắt buộc thở cũng bằng chất khí hỗn hợp đó ; người ta không thấy có hiện tượng gì xảy ra : lúc 3 giờ 29 phút, sau khi bắt đầu thí nghiệm, người ta bắt con thỏ ra. Con thỏ vẫn như thường ».

Song song với sự hô hấp gấp rút của loài chim nhỏ vốc, người ta còn nhận thấy một mức độ tăng tiến những hiện tượng đòi chác hóa

học trong sự hô hấp. Những hiện tượng đổi chác ấy là cơ sở của một hiện tượng mới mà ngày nay người ta gọi là hiện tượng biến thái (métabolisme). Các nhà sinh lý học đều công nhận rằng sự sản xuất nhiệt lượng của một con chim nhỏ gần bằng sự sản xuất nhiệt lượng của một con thú có vú loại nhỏ như con chuột. Giáo sư A.J. Marshall, trong cuốn sách xuất bản ở Nữ Ước và Luân Đôn có ghi chú nhiều con số chứng minh rằng đối với những giống chim rất nhỏ, hiện tượng biến thái lúc tĩnh (métabolisme au repos), ước lượng bằng kilocalories mỗi kilogramme trong 24 giờ, lên đến một mức độ rất cao. Giáo sư G. Giaja, người Belgrade, cũng đã nghiên cứu một cách say mê vấn đề này. Sau đây xin lược lại vài con số mà ông đã ghi nhận sau khi thí nghiệm vài con chim nhỏ ở nhiệt lượng 17° .

Chim Kim Oanh	3,369 cal. mỗi m2 trong 24 giờ	
Chim Ngói	2.069	—
Chim Cút	1.822	—
Gà Tây	1.751	—
Ngỗng	1.125	—

Và trong bài khảo cứu về hiện tượng biến thái cơ sở (métabolisme de base), ông cũng nói rằng, so với diện tích của thân thể những loại chim nhỏ tiêu thụ nhiều nhiệt lượng hơn những loài chim lớn. Một con chim nặng 10-15 gam nếu tính theo đơn vị trọng lượng, tiêu thụ nhiệt lượng 12 lần hơn một con đà điểu nặng 17 kg.. Nói một cách khác, một con chim thân hình nhỏ tiêu hóa nhiều hơn con chim lớn vì vậy nó phải ăn nhiều hơn. Louis và Marcelle Lapique đã chứng minh điều trên đây bằng những con số chính xác. Chim càng nhỏ thì xuất thực phẩm càng nhiều. Người ta được biết rằng chim mạnh mẽ, một loại chim sẽ vùng nhiệt đới, có bộ lông nhẹ, phải dùng một suất thực phẩm nặng bằng trọng lượng khối thịt của nó (tính theo trọng lượng thịt khô) suất thực phẩm này chỉ để dùng trong thời gian 24 giờ, ở nhiệt lượng 23° , và nó càng tăng nếu nhiệt độ của môi trường (température ambiante) càng xuống thấp. Nếu nhiệt độ của môi trường vào khoảng 16° thì chim nhỏ (se sẽ, mạnh mẽ...) tiêu thụ một suất ăn gấp đôi suất ăn của chim bồ câu.

Khảo sát về quả tim và sự cấu tạo của máu các loại chim nhỏ, ta lại thấy rằng quả tim đập theo một nhịp độ rất nhanh. Nhờ máy điện tử, người ta cũng đã ghi lại được những số liệu dưới đây về nhịp độ tim của các loài chim nhỏ, chim càng nhỏ, nhịp độ càng cao:

Loại Chim	Trọng lượng bằng gam	Nhịp độ 1 phút
Chim ác	23,1	729
Chim kim oanh	22,6	754
Bạc má lớn	15,8	798
Chim khuyển	12,9	831
Bạc má xanh	9,9	963
Bạc má rừng	7,7	1.037

Những số ghi trên đây chỉ là số trung bình. Đối với một vài thứ bạc má rừng, tim đập rất nhanh, nhịp độ lên đến 1.200, nghĩa là 17 lần mạch trung bình của loài người.

Đối với chim nhỏ, không những nhịp độ của tim nhanh mà cường độ trao đổi khí chất trong bộ máy tuần hoàn cũng rất cao, bởi lẽ số lượng hồng huyết cầu trong máu rất nhiều.

Tài liệu xác thực của Groebbeh, Nice và Sandreuter do Adolphe Portmann ghi lại dưới đây chứng tỏ điều nói trên :

Loại Chim	Trọng lượng bằng gam	Số lượng hồng huyết cầu mỗi 1 mm ³
Chim sâu	2,4	6,59
Chim mai hoa	12,5	5,5
Sáo	85	6,4
Chim cú	100	5,
Quạ	195	4,5
Trĩ	1.170	4,8
Công	4.500	2,7

Xuyên qua các cuộc khảo sát và kết quả trên đây về loài chim nhỏ, chúng ta cần ghi lại ba điều này : Hô hấp gấp rút, tim đập nhanh, máu nhiều hồng huyết cầu. Chính những đặc điểm này đã giúp cho loài chim nhỏ sống điều hòa một cách thần tình.

Nhưng người ta còn tự hỏi : ngoài những nhận xét trên đây về số lượng lông, sự hô hấp, sự tuần hoàn, loài chim nhỏ có gì đặc biệt về thần kinh hệ ?

Trong cuốn sách về Loài chim (L'Oiseau) Michelet có nói rõ về vấn đề này : trọng lượng của bộ não đối với trọng lượng của cơ thể một con đà điểu là 1 phần trên 1.200, — của một con ó là 1 phần trên 160, — của một con vẹt (két) là 1 phần 45, — của chim hoa mai, chim sẻ, hay chim kim oanh là 1 phần 25, — của chim bạc má là 1 phần 16 và, — của chim bạc má đầu xanh là 1 phần 12 — Sau ông Michelet, nhiều người đã tiếp tục khảo sát về bộ não của loài chim nhỏ. Léon Vaugien xứ Nantes nước Pháp có ghi nhận rằng tỷ lệ trọng lượng của bộ não loài bạc má, chim sẻ, chim khuyen đối với trọng lượng của cơ thể lớn hơn tỷ lệ trọng lượng bộ não loài chim ưng đối với trọng lượng cơ thể của nó. Sau đây, xin ghi lại những số liệu về sự khảo sát này :

Loại Chim	Trọng lượng cơ thể bằng gam	Trọng lượng bộ não bằng gam
Bạc má xanh	10,3	0,61
Chim khuyen	16,2	0,61
Chim sẻ vườn	30	0,91
Chim sẻ	20,9	0,71
Điêu hâu	940	7,3

Tất cả những đặc điểm trên đây của loài chim nhỏ đã biến chúng thành những vật rất quý giá đối với nhà khoa học thường chú tâm và suy ngẫm về luật cấu tạo cơ thể của chúng. Thêm vào đó, nếu chúng ta chú ý đến những bộ lông mềm mại, óng ánh sắc sỡ của chúng, đến những giọng hót líu lo, du dương và những cử chỉ nhỏ nhặt đáng mến của chúng, chắc chắn chúng ta không nỡ sát hại chúng để thêm vào thực đơn hằng ngày của ta.

TRẦN VIỆT THANH

F. 8962

<https://tieulun.hopto.org>

HỢP THƠ TÒA SOẠN :

— Ông Trần Đình Uẩn — Ngọc Bích (154, Bạch Đằng — Huế) :
Tòa soạn đã gửi những số báo ấy ra cho ông rồi. Không biết ông đã nhận được chưa? Nếu đã nhận được rồi, mong ông vui lòng báo tin cho chúng tôi biết. Về việc phân phối Văn Hữu, nhà phát hành Thống Nhất đảm trách. Chúng tôi có cho nhà Thống Nhất hay về sự khan hiếm Văn Hữu ở Huế và đề nghị ở đây tăng thêm số báo phát hành ở Huế. Chắc chắn Văn Hữu sẽ bán thêm nhiều ở cố đô nhờ sự cổ động đáng quý của ông. Rất tiếc những bài thơ của ông không đăng được vì không hợp với chủ trương Văn Hữu.

— ÔNG VÂN LINH (Văn Khoa — Huế). — Cảm ơn ông đã chân thành phê bình nhận xét nội dung Văn Hữu. Tòa soạn cố gắng cải sửa dần kỹ thuật trình bày. Hoan nghênh sự trợ bút của ông. Mong sáng tác mới của ông.

THƠ : Tình Đã Chết, Đơn Côi (Huyền Hử) — Trăng Mùa Hạ (Dạ Khách) — Gửi Người Xứ Trà Giang, Thờ Ơ, Buổi Đầu Gặp Gỡ (Ngọc Bích) — Ngủ Hè (Yên Xuyên) — Tách Cà Phê (Tùng Chi) — Thương Thức, Hai Bài Thơ (Tâm Thoại) — Nỗi Buồn Tháng Bảy, Tình Yêu Trong Bàn Tay, Tiếng Gọi (Nguyễn Gia Tùng) — Sau cơn Mưa (Nguyễn Giả Thảo) — Luân Trướng (Song Nguyên Hoài Thảo) — Cô Đơn (Huy Thái)... (Còn nữa)...

Tòa soạn Văn Hữu trân trọng cảm ơn tất cả tác giả Truyện và Thơ kể trên. Chúng tôi đọc và lần lượt đăng tải những bài có giá trị. Đa tạ.

— CÙNG CÁC BẠN VĂN HỮU XA GẦN. — Chân thành cảm tạ sự trợ bút của các bạn. Vì khi gửi tác phẩm về tòa soạn, các bạn quên ghi địa chỉ và tên thật, nên khi báo ra chúng tôi không thể gửi báo biểu và tiền nhuận bút đến các bạn kịp thời. Do đó có sự chậm trễ ngoài ý muốn của tòa soạn. Vậy, chúng tôi đề nghị các bạn, mỗi khi gửi bài vở về tòa soạn, vui lòng ghi địa chỉ rõ ràng, tên thật để tránh khuyết điểm đáng tiếc. Mong các bạn văn xa gần thông cảm.

Văn Hữu rất mong những sáng tác mới của các bạn. Các bạn cũng nên viết thư báo ngay cho chúng tôi về tên thật, địa chỉ v.v.. Đa tạ.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI :

Chúng tôi vừa nhận được các tác phẩm sau đây do nhà xuất bản hoặc tác giả gửi tặng :

— **CHIM QUYÊN XUỐNG ĐẤT** : Tiểu thuyết của Sơn Nam, do nhà xuất bản Phù Sa ấn hành. Đây là một truyện dài đầu tiên của nhà văn Sơn Nam sau tập truyện ngắn « Hương Rừng Cà Mau » đã từng được giới văn nghệ mến mộ. « Chim quỳên xuống đất » là truyện ký của một thanh niên sinh trưởng ở miền duyên hải Vịnh Xiêm La, tuổi đã hơn 20 vào những năm lịch sử 1943-1945, khi chuẩn bị đứng lên đáp lời kêu gọi thiết tha của sông núi, thời Pháp Nhật thuộc.

Sách dày 216 trang, giá 42 đồng, bìa in 3 màu, trình bày trang nhã.



— **TRUYỆN CHÚNG MÌNH**, thi phẩm thứ ba của nhà thơ quen thuộc Nhất Tuấn. *Truyện Chúng Mình* trình bày với khổ nhỏ, khác hẳn 2 tập trước, bìa minh họa đơn giản với tựa đề là « Những bài thơ của Ái Khanh » dày 88 trang, đề giá 26 đồng. Sách chia ra 3 phần: phần 1 là « Những Ngày Hoa Mộng », phần 2 là « Những trang tình sử » (2 phần gồm có 18 bài thơ) và phần 3 là « Trích những bài báo giới thiệu phê bình 2 tập thơ trước của Nhất Tuấn ». Những ai hằng ái mộ thi sĩ Nhất Tuấn qua hai thi phẩm trước, sẽ càng yêu bút hiệu này hơn qua « Truyện Chúng Mình » tập 3. Tuy nhiên về lượng của tập 3 này quá ít, có thể không làm thỏa mãn các bạn trẻ mến thích thi phẩm của N. T.



— **MỘT LÁ THƯ TÌNH**, tập truyện ngắn của cô Vân Trang do nhà Phù Sa xuất bản. Sách dày 168 trang, trình bày khá đẹp mắt, bìa in 3 màu đề giá 32 đồng. Đây là tác phẩm đặc ý nhất của ngòi bút phụ nữ, cô Vân Trang. Độc giả đã từng ái mộ bút hiệu Vân Trang qua các tác phẩm trước sẽ mến thích cô hơn qua tập truyện mới nhất « Một Lá Thư Tình » này.

« Một Lá Thư Tình » gồm những mẫu truyện ghi vài nếp sống của gia đình và xã hội Việt Nam qua các biến chuyển mới, vừa trầm hùng vừa tươi sáng...



— **MẮT CỎ**, thi phẩm của Hoài Lữ do tác giả xuất bản, họa sĩ Đinh Cường vẽ bìa và Trịnh Cung phụ bản. Sách dày 94 trang, giá bán 32 đồng. « Mắt Cỏ » gồm 21 bài thơ đủ loại. Dù đây là tác phẩm đầu tay của tác giả song đã cho người ta thấy ở Hoài Lữ một triển vọng thật tốt đẹp.

Tòa Soạn Văn Hữu xin cảm ơn các tác giả và trân trọng giới thiệu những tác phẩm trên với bạn đọc.

VĂN HỮU

<https://tieulun.hopto.org>

VĂN HỮU SỐ 22

đặc biệt về:

Quốc Sách

ÁP CHIẾN LƯỢC

60

Giá : 15\$